

Số: 4030 /QĐ-ĐHTCM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 12 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành các chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ  
Ngành Kế toán - Mã ngành: 8340301**

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-ĐHTCM-HĐT ngày 28 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng trường ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tài chính – Marketing; Nghị quyết số 204/NQ-ĐHTCM-HĐT ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung Điều 12 Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tài chính - Marketing;

Căn cứ Quyết định số 1911/QĐ-ĐHTCM ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing ban hành quy định xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; rà soát, đánh giá và cải tiến các chương trình đào tạo các trình độ đào tạo tại Trường Đại học Tài chính – Marketing;

Căn cứ Thông báo số 4244/TB-ĐHTCM ngày 28 tháng 11 năm 2025 về kết luận của Hội đồng Khoa học và Đào tạo tại cuộc họp ngày 28/11/2025;

Theo đề nghị của Trường phòng Quản lý đào tạo.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này các chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kế toán, gồm chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu và chương trình đào tạo định hướng ứng dụng – Mã ngành: 8340301.

**Điều 2.** Các chương trình đào tạo quy định tại Điều 1 được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2026 trở đi.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng phòng Quản lý đào tạo, Trưởng khoa Kế toán – Kiểm toán, Viện trưởng Viện Đào tạo sau đại học và Trưởng phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- PHT phụ trách đào tạo;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLĐT (02b).



**Phạm Tiến Đạt**

BỘ TÀI CHÍNH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ  
NGÀNH: KẾ TOÁN

*Định hướng nghiên cứu*

*Thành phố Hồ Chí Minh, 2025*







## MỤC LỤC

|                                                                                                                |    |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| A. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....                                                                             | 3  |
| 1. CĂN CỨ XÂY DỰNG .....                                                                                       | 3  |
| 2. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....                                                                        | 3  |
| 3. THÔNG TIN CHUNG.....                                                                                        | 4  |
| 4. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO.....                                                                                       | 5  |
| 4.1. Mục tiêu chung.....                                                                                       | 5  |
| 4.2. Mục tiêu cụ thể.....                                                                                      | 5  |
| 5. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PLOs).....                                                               | 5  |
| 7. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP: .....                                                              | 6  |
| 7.1. Quy trình đào tạo: .....                                                                                  | 6  |
| 7.2. Địa điểm đào tạo: .....                                                                                   | 7  |
| 8. TUYỂN SINH:.....                                                                                            | 8  |
| 9. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ VÀ THANG ĐIỂM:.....                                                                      | 9  |
| 10. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO: .....                                                                       | 10 |
| 11. MA TRẬN TƯƠNG THÍCH GIỮA HỌC PHẦN, KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC<br>VỚI CDR CỦA CTĐT .....                          | 11 |
| 12. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC .....                                                                                | 12 |
| 13. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ.....                                                                         | 14 |
| 14. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....                                                             | 15 |
| B. MÔ TẢ TÓM TẮT CÁC HỌC PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:.....                                                   | 16 |
| C. NGUỒN LỰC ĐẢM BẢO ĐÀO TẠO.....                                                                              | 28 |
| 1. Giáo trình chính sử dụng giảng dạy .....                                                                    | 28 |
| 2. Tài liệu hướng dẫn tự học/tài liệu tham khảo khác.....                                                      | 30 |
| 5. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ cấp khoa/phòng .....                                                               | 36 |
| D. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN (có đề cương chi tiết kèm theo).....                                             | 36 |
| E. PHỤ LỤC .....                                                                                               | 37 |
| Phụ lục 1. Ma trận tương thích giữa mục tiêu CTĐT với Triết lý giáo dục, Sứ mạng của Trường.....               | 37 |
| Phụ lục 2. Ma trận tương thích giữa CDR CTĐT với Triết lý giáo dục, Sứ mạng của Trường.....                    | 37 |
| Phụ lục 3. Đối sánh khung chương trình đào tạo ngành Kế toán với chương trình đào tạo của các trường khác..... | 38 |



## **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4030/QĐ-ĐHTCM ngày 04 tháng 12 năm 2025  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)*

### **A. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

#### **1. CĂN CỨ XÂY DỰNG**

Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định điều kiện, trình độ, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022 /TT-BGDĐT.

Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 7 tháng 06 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo qui định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

Quyết định số 124/QĐ-ĐHTCM-ĐTSĐH ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing về việc Ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ.

Căn cứ kết quả khảo sát các bên liên quan về năng lực người học sau tốt nghiệp và nội dung chương trình đào tạo ngành Kế toán trình độ thạc sĩ.

#### **2. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng nghiên cứu ngành Kế toán theo hệ thống tín chỉ hiện tại được xây dựng theo hướng tiếp cận mới với mục tiêu đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan gồm người sử dụng lao động, giảng viên, cựu người học và người học cùng với sự thay đổi trong chuẩn năng lực theo quy định của Nhà nước về đào tạo thạc sĩ ngành

Kế toán, và phù hợp với mục tiêu chiến lược, tầm nhìn và triết lý giáo dục của Trường Đại học Tài chính – Marketing.

Chương trình được thiết kế thời gian trung bình 2 năm và 61 tín chỉ, trong đó thực hiện 12 tín chỉ luận văn tốt nghiệp.

Đơn vị quản lý chương trình đào tạo tổ chức đánh giá chương trình đào tạo. Việc xây dựng chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định hiện hành. Hiệu trưởng ban hành chương trình đào tạo trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Khoa học và Đào tạo sau khi chương trình được thông qua.

### **3. THÔNG TIN CHUNG**

**3.1. Tên chương trình đào tạo:** Kế toán

**3.2. Trình độ:** Thạc sĩ

**3.3. Định hướng đào tạo:** Nghiên cứu

**3.4. Văn bằng tốt nghiệp:** Thạc sĩ Kế toán

**3.5. Mã ngành đào tạo:** 8340301

**3.6. Thời gian đào tạo:** 2 năm

**3.7. Loại hình đào tạo:** Chính quy

**3.8. Số tín chỉ yêu cầu:** 61

**3.9. Khoa quản lý:** Khoa Kế toán – Kiểm toán

**3.10. Ngôn ngữ sử dụng:** Tiếng Việt

**3.11. Chứng nhận chất lượng:**

**3.12. Website:** <https://khoaketoan.ufm.edu.vn/>

**3.13. Các chương trình tham khảo, đối sánh:**

- Chương trình đào tạo Thạc sĩ Kế toán hướng nghiên cứu của Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (<https://www.ueh.edu.vn/>).

- Chương trình đào tạo Thạc sĩ Kế toán, Kiểm toán và Phân tích định hướng nghiên cứu của Đại học Kinh tế Quốc dân (<https://www.neu.edu.vn/>).

- Chương trình đào tạo Thạc sĩ Kế toán (Master of Science in Accounting) của NUS Business School thuộc Trường đại học Quốc gia Singapore (<https://nus.edu.sg/>).

**3.14. Năm xây dựng chương trình:** 2025

**3.15. Vị trí việc làm:**

Sau khi tốt nghiệp Chương trình thạc sĩ Kế toán định hướng nghiên cứu, người học có thể đảm nhiệm một trong số các vị trí sau đây:

- Nhóm 1: Chuyên gia phân tích, đánh giá và tư vấn kế toán, kiểm toán, kiểm soát nội bộ trong các tổ chức/doanh nghiệp/ tập đoàn.

- Nhóm 2: Giảng dạy và nghiên cứu trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán ở các trường cao đẳng, đại học và viện nghiên cứu.



## 4. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

### 4.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu của chương trình đào tạo thạc sĩ Kế toán theo hướng nghiên cứu là trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng chuyên sâu đáp ứng yêu cầu hoạt động nghề nghiệp và nghiên cứu về kế toán trong nền kinh tế hiện đại. Người học có khả năng làm chủ được kiến thức chuyên ngành, hướng dẫn người khác học tập và nghiên cứu. Sau khi tốt nghiệp, người học có thể đảm nhiệm công việc ở các vị trí nghiên cứu, giảng dạy trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán ở các trường cao đẳng, đại học và viện nghiên cứu hoặc chuyên gia phân tích, đánh giá và tư vấn kế toán, kiểm toán, kiểm soát nội bộ cho các tổ chức/doanh nghiệp/tập đoàn. Người học có thể tiếp tục học tập và nghiên cứu trong chương trình đào tạo bậc tiến sĩ.

### 4.2. Mục tiêu cụ thể

#### ❖ Về kiến thức

- PO1: Cung cấp phương pháp luận khoa học và kiến thức chung có liên quan đến lĩnh vực kế toán, kiểm toán trong nền kinh tế hiện đại.
- PO2: Cung cấp kiến thức chuyên sâu về kế toán, kiểm toán.

#### ❖ Về kỹ năng

- PO3: Trang bị các kỹ năng cần thiết cho việc lên kế hoạch, tổ chức triển khai, đánh giá kết quả liên quan đến lĩnh vực kế toán, kiểm toán.
- PO4: Phát triển tư duy phản biện, làm chủ kiến thức để có thể tự nghiên cứu giải quyết những tình huống và các vấn đề thực tiễn có liên quan đến kế toán, kiểm toán trong môi trường toàn cầu hóa.

#### ❖ Về mức tự chủ và trách nhiệm

- PO5: Có khả năng làm việc tự chủ, sáng tạo và hiệu quả; có trách nhiệm với cộng đồng
- PO6: Có thể hướng dẫn người khác tìm hiểu, nghiên cứu về lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

## 5. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PLOs)

Chương trình được thiết kế đảm bảo người học sau khi tốt nghiệp đạt được các chuẩn đầu ra chung của ngành như sau:

#### ❖ Về kiến thức

**PLO1:** Đánh giá được các thông tin, kiến thức một cách có tư duy, logic trong việc giải quyết các vấn đề có liên quan đến hoạt động nghề nghiệp và nghiên cứu thuộc lĩnh vực kế toán, kiểm toán.



**PLO2:** Đánh giá được các kiến thức về phương pháp luận khoa học phục vụ nghiên cứu trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

**PLO3:** Đánh giá được các kiến thức lý thuyết, quy định của pháp luật ở các khía cạnh chuyên sâu trong lĩnh vực kế toán để nghiên cứu và giải quyết các vấn đề thực tiễn của chuyên ngành.

**PLO4:** Đề xuất được giải pháp phù hợp với môi trường quốc gia và quốc tế để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn.

❖ **Về kỹ năng**

**PLO5:** Sử dụng được tiếng Anh, đạt trình độ bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam hoặc tương đương và sử dụng được khoa học công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp kế toán.

**PLO6:** Hướng dẫn, tổ chức quản trị và đánh giá được các hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán tại các đơn vị.

**PLO7:** Thuần thục trong phân tích dữ liệu, thực trạng nhằm đánh giá vấn đề cần giải quyết trong thực tiễn.

**PLO8:** Sáng tạo trong đề xuất giải pháp giải quyết các vấn đề trong thực tiễn.

❖ **Mức tự chủ và trách nhiệm**

**PLO9:** Độc lập trong nghiên cứu; Có trách nhiệm với cộng đồng trong nghiên cứu, đề xuất giải pháp hay phản biện giải pháp.

**PL010:** Có năng lực dẫn dắt chuyên môn; tự định hướng và hướng dẫn người khác học tập, nghiên cứu về lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

## 6. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 61 tín chỉ

| TT | Định hướng nghiên cứu                 |           |            |
|----|---------------------------------------|-----------|------------|
|    | Khối lượng kiến thức                  | Tín chỉ   | Tỷ lệ %    |
| 1  | Khối kiến chung                       | 7         | 11,48%     |
| 2  | Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp | 42        | 68,85%     |
| 3  | Luận văn tốt nghiệp                   | 12        | 19,67%     |
|    | <b>Tổng</b>                           | <b>61</b> | <b>100</b> |

## 7. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

### 7.1. Quy trình đào tạo

Quy trình đào tạo được theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ được ban hành theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy định về tuyển sinh trình độ thạc sĩ được ban hành theo Quyết định số 1772/QĐ/ĐHTCM-SĐH ngày 15/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing và Quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ được ban hành theo Quyết định số 124/QĐ-ĐHTCM-

ĐTSDH ngày 10/01/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing.

Tiêu chuẩn, trách nhiệm và quyền hạn của giảng viên giảng dạy ở trình độ thạc sĩ phải tuân thủ các quy định hiện hành của Trường và pháp luật, quy định về chuẩn chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định khác có liên quan. Cơ sở đào tạo được tổ chức các lớp học trực tuyến với khối lượng học tập không vượt quá 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; bảo đảm chất lượng không thấp hơn so với các lớp học trực tiếp.

## **7.2. Địa điểm đào tạo**

- Tổ chức đào tạo tại các cơ sở chính thức của Trường Đại học Tài chính – Marketing.
- Các hoạt động thực hành, thực tập, nghiên cứu và trải nghiệm thực tế được tổ chức ở ngoài Trường nhưng không vượt quá 20% khối lượng chương trình đào tạo theo Thông tư số 23/2021/BGDĐT ban hành ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Trường được tổ chức các lớp học trực tuyến với khối lượng học tập không vượt quá 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; bảo đảm chất lượng không thấp hơn so với các lớp học trực tiếp.
- Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng khác, Trường thực hiện đào tạo các học phần theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

## **7.3. Đơn vị phối hợp đào tạo (nếu có): Không**

## **7.4. Điều kiện tốt nghiệp, bằng cấp và bằng điểm**

### ***a) Điều kiện tốt nghiệp***

- Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ luận văn tốt nghiệp đạt yêu cầu, đã hoàn tất việc nộp hồ sơ sau bảo vệ;
- Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;
- Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của cơ sở đào tạo; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

### ***b) Cấp bằng, cấp bằng điểm***

Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.



## 8. TUYỂN SINH

### 8.1. Chỉ tiêu tuyển sinh

Theo đề án tuyển sinh hằng năm của Trường Đại học Tài chính – Marketing trên cơ sở năng lực đào tạo của Trường đối với trình độ thạc sĩ ngành Kế toán.

### 8.2. Phương thức tuyển sinh

- Phương thức tuyển sinh trình độ thạc sĩ gồm: xét tuyển đối với trình độ đại học và văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương bậc 3/6 trở lên.

- Các môn xét tuyển bao gồm hai môn cơ sở ngành phù hợp trình độ đại học, cụ thể:
  - + Nguyên lý kế toán
  - + Kế toán tài chính

Lưu ý: Nếu bảng điểm trình độ đại học của người dự tuyển không có học phần Kinh tế học, mà có 2 học phần Kinh tế học vi mô và Kinh tế học vĩ mô thì điểm xét tuyển môn Kinh tế học là trung bình cộng điểm của 2 học phần nói trên. Trường hợp người dự tuyển tốt nghiệp đại học hệ liên thông, nộp kèm bảng điểm hệ cao đẳng.

### 8.3. Chuẩn đầu vào

a) *Yêu cầu về văn bằng:*

Có bằng tốt nghiệp đại học các ngành phù hợp, cụ thể:

- Nhóm 1: có bằng tốt nghiệp đại học ngành Kế toán hoặc ngành Kiểm toán.
- Nhóm 2: các ngành cùng lĩnh vực.
- Nhóm 3: không thuộc Nhóm 1 và Nhóm 2 nhưng có liên quan trực tiếp đến nghiệp vụ chuyên môn của ứng viên.
- Nhóm 4: các trường hợp đặc biệt khác.

Có chứng chỉ bổ sung kiến thức theo quy định tại **Mục 8.5**.

b) *Yêu cầu thâm niên công tác:* Không

c) *Yêu cầu về trình độ ngoại ngữ:*

Được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ (Tiếng Anh) đạt trình độ tương đương Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài.

### 8.4. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi học phần

a) Người học được xem xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ của một số học phần khi đã học một chương trình đào tạo thạc sĩ ngành khác. Các học phần đã học phải có trong

chương trình đào tạo thạc sĩ của Trường với số tín chỉ được công nhận và chuyển đổi không vượt quá 30 tín chỉ.

b) Sinh viên Trường Đại học Tài chính – Marketing đang học chương trình đào tạo đại học có học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại khá trở lên được đăng ký học trước một số học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ tại của Trường với số tín chỉ không vượt quá 15 tín chỉ (Các học phần có dấu (\*) ở Mục 10).

c) Những học phần đã học ở chương trình đại học hoặc chương trình thạc sĩ ngành khác được xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo thạc sĩ khi đáp ứng các điều kiện sau:

- + Cùng nội dung giảng dạy; Đáp ứng chuẩn đầu ra, bằng hoặc lớn hơn khối lượng học tập trong chương trình đào tạo thạc sĩ của Trường;
- + Điểm đánh giá đạt từ điểm C (hoặc quy đổi tương đương) trở lên;
- + Thời điểm hoàn thành không quá 05 năm tính tới thời điểm xét công nhận, chuyển đổi.

#### **8.5. Danh mục các ngành phù hợp (các ngành cùng nhóm ngành)**

- Nhóm 1: đúng ngành, không bổ sung.
- Nhóm 2: ngành gần, bổ sung 02 học phần sau:

| STT         | Môn học           | Số tín chỉ |
|-------------|-------------------|------------|
| 1           | Kinh tế học       | 3          |
| 2           | Kế toán tài chính | 2          |
| <b>Tổng</b> |                   | <b>5</b>   |

- Nhóm 3: ngành khác, bổ sung 04 học phần sau:

| STT         | Môn học           | Số tín chỉ |
|-------------|-------------------|------------|
| 1           | Kinh tế học       | 3          |
| 2           | Kế toán tài chính | 2          |
| 3           | Kế toán quản trị  | 2          |
| 4           | Kiểm toán căn bản | 2          |
| <b>Tổng</b> |                   | <b>9</b>   |

- Nhóm 4: do Hiệu trưởng quyết định trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Tư vấn bổ sung kiến thức. Hội đồng Tư vấn bổ sung kiến thức do Hiệu trưởng quyết định.

### **9. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ VÀ THANG ĐIỂM**

Thang điểm đánh giá kết quả học tập các học phần của học viên theo quy định của Trường và tuân thủ theo Chương III, Điều 7 Mục 6 của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.



## 10. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

| TT                                                    | Mã học phần                     | Tên học phần<br>(Tiếng Việt)                | Tên học phần<br>(Tiếng Anh)                        | Định hướng nghiên cứu |            |    |
|-------------------------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|----------------------------------------------------|-----------------------|------------|----|
|                                                       |                                 |                                             |                                                    | Tổng số TC            | Phân bố TC |    |
|                                                       |                                 |                                             |                                                    |                       | NC         | TT |
| 1. Khối kiến chung                                    |                                 |                                             |                                                    | 7                     |            |    |
| 1                                                     | S_KET001                        | Triết học                                   | Philosophy                                         | 4                     | 4          |    |
| 2                                                     | S_KET002                        | Phương pháp nghiên cứu khoa học             | Scientific Research Methods                        | 3                     | 3          |    |
| 2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp              |                                 |                                             |                                                    | 42                    |            |    |
| 2.1                                                   | Kiến thức bắt buộc              |                                             |                                                    | 33                    |            |    |
| 3                                                     | S_KET003                        | Lý thuyết kế toán                           | Accounting theory                                  | 3                     | 3          |    |
| 4                                                     | S_KET004                        | Kế toán quản trị nâng cao (*)               | Advanced management accounting                     | 3                     | 3          |    |
| 5                                                     | S_KET005                        | Tài chính công nâng cao (*)                 | Advanced public finance                            | 3                     | 3          |    |
| 6                                                     | S_KET006                        | Kế toán tài chính nâng cao (*)              | Advanced financial accounting                      | 3                     | 3          |    |
| 7                                                     | S_KET007                        | Quản trị tài chính hiện đại                 | Modern financial management                        | 3                     | 3          |    |
| 8                                                     | S_KET008                        | Kế toán công nâng cao                       | Advanced public sector accounting                  | 3                     | 3          |    |
| 9                                                     | S_KET009                        | Kiểm toán và các dịch vụ đảm bảo(*)         | Audit and assurance services                       | 3                     | 3          |    |
| 10                                                    | S_KET010                        | Trí tuệ nhân tạo trong kế toán và kiểm toán | Artificial intelligence in accounting and auditing | 3                     | 3          |    |
| 11                                                    | S_KET011                        | Kế toán phát triển bền vững                 | Sustainability accounting                          | 3                     | 3          |    |
| 12                                                    | S_KET012                        | Phân tích dữ liệu cho kế toán (*)           | Data analytics for accounting                      | 3                     | 3          |    |
| 13                                                    | S_KET020                        | Nghiên cứu tình huống                       | Case study                                         | 3                     | 3          |    |
| 2.2                                                   | Kiến thức chuyên ngành tự chọn: |                                             |                                                    | 9                     |            |    |
| Chọn: 1 trong 2 định hướng sau (9 tín chỉ 3 học phần) |                                 |                                             |                                                    |                       |            |    |
| A                                                     | Định hướng kế toán doanh nghiệp |                                             |                                                    |                       |            |    |
| 14                                                    | S_KET013                        | Kế toán quản trị chuỗi cung ứng             | Management accounting in supply chains             | 3                     | 3          |    |
| 15                                                    | S_KET014                        | Hệ thống thông tin kế toán nâng cao         | Accounting information systems                     | 3                     | 3          |    |
| 16                                                    | S_KET015                        | Kế toán quốc tế                             | International accounting                           | 3                     | 3          |    |
| B                                                     | Định hướng kiểm toán            |                                             |                                                    |                       |            |    |
| 17                                                    | S_KET016                        | Kiểm toán nội bộ                            | Internal audit                                     | 3                     | 3          |    |
| 18                                                    | S_KET017                        | Kiểm toán khu vực công                      | Public sector Auditing                             | 3                     | 3          |    |

| TT                              | Mã học phần | Tên học phần<br>(Tiếng Việt)           | Tên học phần<br>(Tiếng Anh)               | Định hướng nghiên cứu |            |    |
|---------------------------------|-------------|----------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------------|------------|----|
|                                 |             |                                        |                                           | Tổng số TC            | Phân bố TC |    |
|                                 |             |                                        |                                           |                       | NC         | TT |
| 19                              | S_KET018    | Kế toán điều tra và phát hiện gian lận | Forensic accounting and fraud examination | 3                     | 3          |    |
| <b>3. Tốt nghiệp</b>            |             |                                        |                                           | <b>12</b>             |            |    |
| 20                              | S_KET019    | Luận văn tốt nghiệp                    | Graduation thesis                         | 12                    | 12         |    |
| <b>Tổng số tín chỉ khóa học</b> |             |                                        |                                           | <b>61</b>             |            |    |

**11. MA TRẬN TƯƠNG THÍCH GIỮA HỌC PHẦN, KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC VỚI CDR CỦA CTĐT**

| STT        | Tên học phần                                 | PLOs |      |      |      |      |      |      |      |      |       |
|------------|----------------------------------------------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|-------|
|            |                                              | PLO1 | PLO2 | PLO3 | PLO4 | PLO5 | PLO6 | PLO7 | PLO8 | PLO9 | PLO10 |
| <b>I</b>   | <b>Kiến thức chung</b>                       |      |      |      |      |      |      |      |      |      |       |
| 1          | Triết học                                    | M    |      |      |      |      |      |      | R    | M    | M     |
| 2          | Phương pháp nghiên cứu khoa học              | M    | M    |      | R    | M    |      | M    | R    | M    | M     |
| <b>II.</b> | <b>Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b> |      |      |      |      |      |      |      |      |      |       |
| <b>2.1</b> | <b>Kiến thức bắt buộc</b>                    |      |      |      |      |      |      |      |      |      |       |
| 3          | Lý thuyết kế toán                            |      |      | M    |      |      | M    |      |      | M    | M     |
| 4          | Kế toán quản trị nâng cao                    |      |      | M    |      |      | M    | R    | M    | M    | M     |
| 5          | Tài chính công nâng cao                      |      |      | A    | M    |      | M    | R    | M    | M    | M     |
| 6          | Kế toán tài chính nâng cao                   |      |      | M    | M    |      |      | R    |      | R    | R     |
| 7          | Quản trị tài chính hiện đại                  |      |      | A    | M    |      | M    | R    | M    | M    | M     |
| 8          | Kế toán công nâng cao                        |      |      | M    | R    |      | R    | M    |      | R    |       |
| 9          | Kiểm toán và các dịch vụ đảm bảo             |      |      | M    |      |      | M    | R    |      | M    | M     |
| 10         | Trí tuệ nhân tạo trong kế toán và kiểm toán  |      |      | A    | M    | M    | M    | R    | M    | M    | M     |
| 11         | Kế toán phát triển bền vững                  |      |      | M    | R    |      | R    | R    |      | M    | R     |
| 12         | Phân tích dữ liệu cho kế toán                |      |      | A    | M    | A    | M    | R    | M    | M    | M     |
| 13         | Nghiên cứu tình huống                        |      |      | A    | M    | M    | M    | R    | M    | M    | M     |
| <b>2.2</b> | <b>Kiến thức chuyên ngành tự chọn</b>        |      |      |      |      |      |      |      |      |      |       |
| <i>A</i>   | <i>Định hướng kế toán doanh nghiệp</i>       |      |      |      |      |      |      |      |      |      |       |
| 14         | Kế toán quản trị chuỗi cung ứng              |      |      | M    | M    |      | M    |      | M    | M    | M     |
| 15         | Hệ thống thông tin kế toán nâng cao          |      |      | A    | M    |      | M    | R    | M    | M    | M     |



| STT        | Tên học phần                           | PLOs |      |      |      |      |      |      |      |      |       |
|------------|----------------------------------------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|-------|
|            |                                        | PLO1 | PLO2 | PLO3 | PLO4 | PLO5 | PLO6 | PLO7 | PLO8 | PLO9 | PLO10 |
| 16         | Kế toán quốc tế                        |      |      | M    | R    |      | R    | R    |      | M    | R     |
| <i>B</i>   | <i>Định hướng kiểm toán</i>            |      |      |      |      |      |      |      |      |      |       |
| 17         | Kiểm toán nội bộ                       |      |      | M    | M    |      | M    | R    | M    | M    | M     |
| 18         | Kiểm toán khu vực công                 |      |      | M    | M    |      | M    | R    | M    | M    | M     |
| 19         | Kế toán điều tra và phát hiện gian lận |      |      | M    |      |      | M    | R    |      | M    | M     |
| <b>III</b> | <b>Tốt nghiệp</b>                      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |       |
| 20         | Luận văn tốt nghiệp                    | R    | M    | A    | M    | M    | A    | A    | M    | M    | M     |

Ghi chú: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của học phần đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.
- *R (Reinforced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu.
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần phải có.

## 12. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

### 12.1. Phương pháp giảng dạy

#### ❖ Lý thuyết

**Thuyết giảng:** Giảng viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giảng viên là người thuyết trình, diễn giảng. Học viên nghe giảng và ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giảng viên truyền đạt cũng như trao đổi/hỏi lại giảng viên những nội dung chưa rõ.

**Thảo luận/đàm thoại:** Là tiến trình dạy học trong đó giảng viên đưa ra một vấn đề liên quan đến nội dung bài học, học viên nêu quan điểm cá nhân, và giải thích phân tích kỹ để thuyết phục người nghe về quan điểm của mình. Thông qua hoạt động dạy học này, học viên hình thành các kỹ năng như tư duy phản biện, thương lượng và đưa ra quyết định hay kỹ năng nói trước đám đông.

**Phương pháp dạy học theo nhóm:** Đây là một trong những phương pháp dạy học tích cực được đánh giá cao hiện nay, giúp người học nâng cao kỹ năng làm việc nhóm, trách nhiệm và khả năng giao tiếp người học. Giảng viên sẽ giới thiệu về chủ đề, xác định nhiệm vụ chung cho các nhóm, tạo nhóm. Người học sẽ lên kế hoạch cho các công việc cần làm, đặt ra các quy tắc làm việc chung, xử lý các nhiệm vụ được giao và báo cáo kết quả đạt được. Sau đó, các nhóm lần lượt báo cáo kết quả giảng viên sẽ đánh giá kết quả.



**Phương pháp dạy học dựa trên vấn đề:** Mục tiêu của học dựa trên vấn đề (được định nghĩa là việc nghiên cứu có chiều sâu về một chủ đề học tập) là để học nhiều hơn về một chủ đề chứ không phải là chỉ tìm ra những câu trả lời đúng cho những câu hỏi được giảng viên đưa ra. Trong phương pháp học dựa trên vấn đề, Người học vừa nắm được kiến thức mới, vừa nắm được phương pháp lĩnh hội kiến thức đó, phát triển tư duy chủ động, sáng tạo, được chuẩn bị năng lực thích ứng với đời sống xã hội, phát hiện và giải quyết hợp lý các vấn đề nảy sinh.

**Nghiên cứu tình huống:** Yếu tố cấu thành chủ yếu của phương pháp đào tạo mới này dựa trên các tình huống thực tế. Mục đích chính của các tình huống là để miêu tả, trao đổi kinh nghiệm về cách thức giải quyết vấn đề và những mâu thuẫn trong khi thực hiện công việc được giao. Bằng những tình huống khác nhau cần phải giải quyết trong khoảng thời gian định sẵn, người học được đặt vào vị trí cần phải đưa ra quyết định hoặc kêu gọi sự hỗ trợ của các thành viên cùng nhóm để tìm hướng giải quyết hợp lý. Sự đa dạng của các tình huống không chỉ khuyến khích người học phát huy tính chủ động, óc sáng tạo mà còn đem đến sự thoải mái, sảng khoái về mặt tinh thần khi tham dự lớp. Yếu tố này làm người học có thể tiếp thu nội dung kiến thức bài giảng dễ dàng, sâu và nhớ lâu hơn các phương pháp giảng dạy truyền thống.

#### ❖ Thực hành

**Thực hành tại lớp học:** Đây là phương pháp giảng viên tổ chức cho người học trực tiếp hoạt động thực hành, thực tiễn thông qua làm các bài tập hoặc thực hành các tình huống trên lớp học để tìm tòi tri thức mới hay vận dụng tri thức vào thực tiễn nhằm củng cố, rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo.

### 12.2. Phương pháp học tập của người học

#### ❖ Hướng dẫn tự học

- Giảng viên hướng dẫn, cung cấp tài liệu, các nội dung yêu cầu tự học, thông báo về các tiêu chí đánh giá và yêu cầu về sản phẩm đạt được sau quá trình tự học (báo cáo, thuyết trình, câu hỏi, bài tập...).
- Giảng viên có thể chia nhóm và quy định số lượng thành viên nhóm một cách cụ thể, chỉ định hoặc yêu cầu nhóm chọn ra nhóm trưởng để chịu trách nhiệm về hoạt động nhóm và làm đầu mối thông tin cho giảng viên, kiểm soát việc tự học trong nhóm.

#### ❖ Tự học

- **Trong trường hợp tự học theo cá nhân:** Người học làm việc theo cá nhân hoặc nhóm theo quy định của giảng viên, tự nghiên cứu bài giảng, thực hiện các yêu cầu của giảng viên về nội dung, sản phẩm cần thực hiện.

#### - Trong trường hợp tự học theo nhóm:

+ Nhóm trưởng thay mặt nhóm làm việc và chịu trách nhiệm với giảng viên về công việc của nhóm mình; có trách nhiệm phân công công việc và đánh giá hiệu quả công việc

của các thành viên trong nhóm.

+ Các nhóm có trách nhiệm nghiên cứu nội dung tự học và hoàn thành các yêu cầu của giảng viên. Các sản phẩm được hoàn thiện và đánh giá theo yêu cầu được giảng viên đề ra từ trước.

### 12.3. Phương pháp hướng dẫn thực hành

Người học thực hành, thực tập tại doanh nghiệp dưới sự hướng dẫn của giảng viên nhằm nhận diện toàn bộ công tác kế toán của doanh nghiệp cũng như vận dụng các lý thuyết, các phương pháp phù hợp để thu thập dữ liệu, phân tích và đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp để đề xuất giải pháp giải quyết các tình huống kế toán trong thực tiễn.

### 12.4. Ma trận liên kết giữa Phương pháp giảng dạy – học tập và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

| Phương pháp giảng dạy – học tập | PLOs      |      |      |      |         |      |      |      |                           |       |
|---------------------------------|-----------|------|------|------|---------|------|------|------|---------------------------|-------|
|                                 | Kiến thức |      |      |      | Kỹ năng |      |      |      | Mức tự chủ và trách nhiệm |       |
|                                 | PLO1      | PLO2 | PLO3 | PLO4 | PLO5    | PLO6 | PLO7 | PLO8 | PLO9                      | PLO10 |
| Thuyết giảng                    | X         | X    | X    | X    |         |      |      |      | X                         |       |
| Thảo luận/đàm thoại             | X         | X    | X    | X    | X       | X    | X    | X    | X                         | X     |
| Phương pháp dạy học theo nhóm   | X         | X    | X    | X    | X       | X    | X    | X    | X                         | X     |
| Phương pháp học dựa trên vấn đề |           |      | X    | X    | X       | X    | X    | X    | X                         | X     |
| Nghiên cứu tình huống           |           |      | X    | X    |         |      | X    | X    | X                         | X     |
| Thực hành tại lớp học           |           |      | X    | X    | X       | X    | X    | X    | X                         | X     |

## 13. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

Phương pháp kiểm tra đánh giá và thang điểm đánh giá thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định hiện hành của Trường Đại học Tài chính – Marketing.

### 13.1. Lý thuyết

+ Chuyên cần: Người học phải tham dự các buổi học tại lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

+ Kiểm tra thường xuyên: Người học làm các bài kiểm tra cá nhân, bài tập thảo luận nhóm tại lớp.

+ Thi kết thúc học phần: Người học làm bài thi kết thúc học phần có thể là bài thi trắc nghiệm, tự luận hay tiểu luận.

### 13.2. Thực hành



+ Kiểm tra: Người học làm các bài tập thực hành theo yêu cầu và hướng dẫn của giảng viên.

+ Thi kết thúc học phần: Người học báo cáo chuyên đề, báo cáo thực hành, thực tập.

### 13.3 Ma trận mối liên hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

| Phương pháp đánh giá                                                      | PLOs      |      |      |      |         |      |      |      |                           |       |
|---------------------------------------------------------------------------|-----------|------|------|------|---------|------|------|------|---------------------------|-------|
|                                                                           | Kiến thức |      |      |      | Kỹ năng |      |      |      | Mức tự chủ và trách nhiệm |       |
|                                                                           | PLO1      | PLO2 | PLO3 | PLO4 | PLO5    | PLO6 | PLO7 | PLO8 | PLO9                      | PLO10 |
| <b>A. CÁC HỌC PHẦN LÝ THUYẾT, THỰC HÀNH</b>                               |           |      |      |      |         |      |      |      |                           |       |
| <b>1. Đánh giá quá trình</b>                                              |           |      |      |      |         |      |      |      |                           |       |
| 1.1 Chuyên cần                                                            |           |      |      |      |         |      |      | X    |                           |       |
| 1.2 Bài tập thảo luận nhóm                                                | X         | X    | X    | X    |         |      | X    | X    | X                         |       |
| 1.3 Kiểm tra cá nhân                                                      | X         | X    | X    | X    | X       |      | X    | X    |                           |       |
| 1.4. Báo cáo chuyên đề                                                    | X         | X    | X    | X    | X       | X    | X    | X    | X                         | X     |
| <b>2. Đánh giá cuối kỳ</b>                                                |           |      |      |      |         |      |      |      |                           |       |
| 2.1 Bài thi tự luận                                                       | X         | X    | X    | X    | X       |      | X    |      |                           |       |
| 2.2 Tiểu luận                                                             | X         | X    | X    | X    | X       | X    | X    | X    | X                         | X     |
| <b>B. CÁC HỌC PHẦN THỰC HÀNH, BÀI TẬP TÌNH HUỐNG, LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP</b> |           |      |      |      |         |      |      |      |                           |       |
| Bài thực hành/Bài tập tình huống                                          | X         | X    | X    | X    | X       | X    | X    | X    | X                         | X     |
| Luận văn tốt nghiệp                                                       | X         | X    | X    | X    | X       | X    | X    | X    | X                         | X     |

## 14. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kế toán được công khai đối với người học trước khi tuyển sinh và khi bắt đầu khóa học; những thay đổi, điều chỉnh liên quan đến chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định hiện hành và công bố trước khi áp dụng, không gây tác động bất lợi cho người học.

Chương trình đào tạo được thực hiện trong 2 năm. Thời gian tối đa là 4 năm.

Người học được đào tạo theo hình thức tập trung áp dụng Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Trường.

### 14.1. Tổ chức đào tạo

- Trường tổ chức đào tạo theo hệ thống tín chỉ, đào tạo tín chỉ là phương thức đào tạo theo từng lớp học phần, cho phép người học tích lũy tín chỉ từng học phần và thực hiện chương trình đào tạo theo kế hoạch học tập cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của Trường.

- Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của người học. Một tín chỉ bằng 50



giờ bao gồm cả học lý thuyết, thực hành, thực tập và tự học.

#### 14.2. Kế hoạch đào tạo

##### Năm 1

| STT | HỌC PHẦN                                    | TC        | HỌC PHẦN<br>HỌC TRƯỚC | GHI<br>CHÚ |
|-----|---------------------------------------------|-----------|-----------------------|------------|
| 1   | Triết học                                   | 4         |                       |            |
| 2   | Phương pháp nghiên cứu khoa học             | 3         |                       |            |
| 3   | Lý thuyết kế toán                           | 3         |                       |            |
| 4   | Kế toán quản trị nâng cao                   | 3         |                       |            |
| 5   | Tài chính công nâng cao                     | 3         |                       |            |
| 6   | Kế toán tài chính nâng cao                  | 3         |                       |            |
| 7   | Quản trị tài chính hiện đại                 | 3         |                       |            |
| 8   | Kế toán công nâng cao                       | 3         |                       |            |
| 9   | Kiểm toán và các dịch vụ đảm bảo            | 3         |                       |            |
| 10  | Trí tuệ nhân tạo trong kế toán và kiểm toán | 3         |                       |            |
| 11  | Kế toán phát triển bền vững                 | 3         |                       |            |
| 12  | Phân tích dữ liệu cho kế toán               | 3         |                       |            |
|     | <b>Tổng cộng</b>                            | <b>37</b> |                       |            |

##### Năm 2

| STT | HỌC PHẦN                                                         | TC        | HỌC PHẦN<br>HỌC TRƯỚC            | GHI<br>CHÚ |
|-----|------------------------------------------------------------------|-----------|----------------------------------|------------|
|     | <b>Chọn: 1 trong 2 định hướng sau<br/>(9 tín chỉ 3 học phần)</b> |           |                                  |            |
|     | <b><i>Định hướng kế toán doanh nghiệp</i></b>                    |           |                                  |            |
| 13  | Kế toán quản trị chuỗi cung ứng                                  | 3         |                                  |            |
| 14  | Hệ thống thông tin kế toán nâng cao                              | 3         |                                  |            |
| 15  | Kế toán quốc tế                                                  | 3         |                                  |            |
|     | <b><i>Định hướng kiểm toán</i></b>                               |           |                                  |            |
| 16  | Kiểm toán nội bộ                                                 | 3         |                                  |            |
| 17  | Kiểm toán khu vực công                                           | 3         |                                  |            |
| 18  | Kế toán điều tra và phát hiện gian lận                           | 3         |                                  |            |
| 19  | Nghiên cứu tình huống                                            | 3         | Các học phần bắt buộc và tự chọn |            |
|     | <b>Tốt nghiệp</b>                                                |           |                                  |            |
| 20  | Luận văn tốt nghiệp                                              | 12        | Các học phần của chương trình    |            |
|     | <b>Tổng</b>                                                      | <b>24</b> |                                  |            |

#### B. MÔ TẢ TÓM TẮT CÁC HỌC PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

##### 1. Triết học                      Tín chỉ: 4

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- Mục tiêu của học phần: củng cố kiến thức triết học cho công việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực kinh doanh và quản lý nói chung và kế toán nói riêng; nâng cao nhận thức cơ sở triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới. Hoàn thiện và nâng cao kiến thức triết học trong chương trình Lý luận chính trị ở bậc đại học nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo các chuyên ngành khoa học xã hội – nhân văn ở trình độ sau đại học. Nâng cao nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.

- Nội dung của học phần: Học phần được cấu trúc thành 8 chương, gồm những nội dung khái quát lịch sử triết học phương Đông, phương Tây và tư tưởng triết học Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử; Nội dung về bản thể luận, nhận thức luận, phép biện chứng, ý thức xã hội, và hình thành kinh tế - xã hội trong triết học Mác-Lênin; Các phương pháp luận về mặt triết học và sự vận dụng chúng trong thực tiễn cuộc sống, trong việc giải quyết các vấn đề cấp thiết như đổi mới chính trị, xây dựng nhà nước pháp quyền, phát huy dân chủ và phát triển con người, xây dựng nền tảng tinh thần xã hội và định hướng con đường đi lên chủ nghĩa xã hội phù hợp với đặc thù của Việt Nam.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(M), PLO8(R), PLO9(M), PLO10(M).

## 2. Phương pháp nghiên cứu khoa học

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

- Mục tiêu của học phần: Học phần này hướng đến cung cấp các kiến thức các kiến thức cơ bản về Tổng quan nghiên cứu khoa học, Phương pháp nghiên cứu định tính, Phương pháp nghiên cứu định lượng; Một số mô hình định lượng ứng dụng trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, kế toán và quản trị kinh doanh.

- Tóm tắt nội dung: Học phần cung cấp các phương pháp nghiên cứu ứng dụng trong khoa học kinh tế, khoa học xã hội, tài chính, ngân hàng, kế toán, áp dụng cụ thể vào việc nghiên cứu theo nhóm hay nghiên cứu cá nhân, từ đó người học có đủ nền tảng kiến thức để tiến hành thực hiện luận văn thạc sĩ hay các đề tài nghiên cứu khác. Học phần cũng cung cấp những kiến thức về bản chất của quá trình nghiên cứu, các bước thiết kế nghiên cứu, cách thức tìm kiếm và xác định vấn đề nghiên cứu, cách tổng quan tài liệu, xây dựng hệ thống phương pháp nghiên cứu cụ thể cho luận văn, đề tài, cách thức thu thập và xử lý số liệu (cơ bản), cách viết đề cương nghiên cứu và viết báo cáo nghiên cứu.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(M), PLO2(M), PLO4(R), PLO5(M), PLO7(M), PLO8(R), PLO9(M), PLO10(M).

## 3. Lý thuyết kế toán

**Tín chỉ: 3**



❖ Học phần học trước: Không

❖ Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

- Mục tiêu của học phần: Học phần này bao gồm kiến thức chuyên sâu về lý thuyết kế toán, bao gồm sự hình thành và phát triển các trường phái lý thuyết khác nhau trong kế toán, các hệ thống định giá trong kế toán, khuôn mẫu lý thuyết kế toán và các áp dụng trong việc định nghĩa, ghi nhận và đánh giá các yếu tố trong báo cáo tài chính. Đồng thời, học phần cũng giới thiệu về phương pháp nghiên cứu các lý thuyết thực chứng và nghiên cứu hành vi trong kế toán.

- Tóm tắt nội dung: Học phần Lý thuyết kế toán được cấu trúc thành 5 chương, tập trung cung cấp nền tảng học thuật và năng lực nghiên cứu cho người học. Học phần không chỉ trình bày các lý thuyết kế toán cốt lõi mà còn định hướng người học nhận diện vấn đề, xây dựng câu hỏi nghiên cứu và vận dụng phương pháp khoa học trong lĩnh vực kế toán. Nội dung cụ thể như sau: Tổng quan về lý thuyết kế toán, Những vấn đề nghiên cứu cơ bản và chuyên sâu trong kế toán, nội dung này định hướng người học xác định khoảng trống nghiên cứu và hình thành câu hỏi nghiên cứu phù hợp với bối cảnh kế toán hiện đại. Ứng dụng khuôn mẫu lý thuyết kế toán trong nghiên cứu và phân tích, định giá trong kế toán dưới góc độ nghiên cứu, phân tích chuyên sâu các phương pháp định giá (giá gốc, giá trị hợp lý, giá trị thuần có thể thực hiện, chi phí hiện hành...), Phương pháp nghiên cứu trong kế toán: lý thuyết thực chứng và nghiên cứu hành vi, người học được hướng dẫn quy trình hình thành giả thuyết, thu thập và xử lý dữ liệu, kiểm định mô hình và diễn giải kết quả nhằm giải quyết các câu hỏi nghiên cứu về hành vi lựa chọn chính sách kế toán, động cơ quản trị lợi nhuận, phản ứng của thị trường đối với thông tin tài chính...

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3(M), PLO6(M), PLO9(M), PLO10(M).

#### **4. Kế toán quản trị nâng cao                      Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

- Mục tiêu của học phần: Học phần nhằm trang bị cho học viên kiến thức nâng cao về kế toán quản trị hiện đại, giúp người học hiểu và phân tích các mô hình quản trị chi phí, đánh giá hiệu quả hoạt động và vận dụng các công cụ kế toán quản trị trong môi trường kinh doanh thay đổi. Bên cạnh đó, học phần phát triển năng lực tư duy phản biện và khả năng tiếp cận các kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực kế toán quản trị, hỗ trợ học viên nhận diện vấn đề và hình thành định hướng nghiên cứu ở mức độ phù hợp. Sau khi hoàn thành học phần, học viên có thể phân tích các mô hình như chi phí chiến lược, ABC, dự toán toàn diện và BSC nhằm đánh giá hiệu quả vận hành và đề xuất giải pháp quản trị.

- Tóm tắt nội dung: Học phần Kế toán quản trị nâng cao tập trung tiếp cận các lý thuyết và kết quả nghiên cứu học thuật liên quan đến những chủ đề trọng tâm của kế toán quản trị



hiện đại. Nội dung học phần được triển khai theo định hướng phân tích nghiên cứu các mô hình, phương pháp và bằng chứng thực nghiệm trong nghiên cứu kế toán quản trị. Học phần bao gồm 5 chương: Tổng quan về kế toán quản trị hiện đại và chi phí chiến lược; Hệ thống chi phí trên cơ sở hoạt động; Dự toán toàn diện và phân tích kết quả hoạt động; Thẻ điểm cân bằng (BSC) và hệ thống đánh giá thành quả; Phân tích dữ liệu và kỹ thuật dự báo. Qua đó, học viên được trang bị nền tảng nghiên cứu vững chắc để phát triển các đề tài khoa học và ứng dụng vào thực tiễn quản trị doanh nghiệp.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3(M), PLO6(M), PLO7(R), PLO8(M), PLO9(M), PLO10(M)

### **5. Tài chính công nâng cao**

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

- Mục tiêu của học phần: Học phần được xây dựng nhằm trang bị cho người học kiến thức chuyên sâu về lý thuyết và thực tiễn quản lý tài chính công, bao gồm thuế, chi tiêu công, và nợ công. Hiểu rõ các công cụ tài chính công và chính sách tài khóa nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và duy trì ổn định kinh tế vĩ mô. Phân tích, đánh giá hiệu quả các chính sách tài chính công trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế. Đồng thời phát triển kỹ năng phân tích và đánh giá chính sách tài chính công dựa trên các mô hình định lượng và phương pháp nghiên cứu hiện đại. Rèn luyện tư duy phản biện và khả năng đưa ra các giải pháp sáng tạo để giải quyết các thách thức tài chính công.

- Tóm tắt nội dung: Nội dung học phần đề cập các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến tài chính công trong quản trị nhà nước hiện đại. Nội dung học phần bao gồm phân tích hệ thống thuế và chi tiêu công, các chiến lược quản lý nợ công bền vững, và các mô hình cải cách tài chính công. Đặc biệt, học phần tập trung vào vai trò và các công cụ của tài chính công trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo công bằng và hiệu quả trong bối cảnh toàn cầu hóa.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3(A), PLO4(M), PLO6(M), PLO7(R), PLO8(M), PLO9(M), PLO10(M).

### **6. Kế toán tài chính nâng cao**

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

- Mục tiêu của học phần: Học phần nhằm trang bị cho học viên kiến thức chuyên sâu về kế toán đầu tư tài chính và báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam; giúp học viên hiểu rõ cơ sở lý luận của việc ghi nhận, hợp nhất và trình bày thông tin tài chính trong tập đoàn. Trên nền tảng đó, học viên có khả năng phân tích, đánh giá tác động của các quy định hiện hành tới chất lượng báo cáo tài chính, nhận diện vấn đề, xây dựng câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu, phục vụ cho hoạt động nghiên cứu khoa

học, viết luận văn và giảng dạy trong lĩnh vực kế toán.

- Tóm tắt nội dung: Học phần tập trung vào hệ thống chuẩn mực và quy định về kế toán đầu tư tài chính và lập báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, bao gồm: kế toán khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết; hợp nhất kinh doanh; nguyên tắc và kỹ thuật lập báo cáo tài chính hợp nhất; xử lý giao dịch nội bộ, lợi ích cổ đông không kiểm soát, mô hình sở hữu phức tạp và các vấn đề thuế TNDN trong hợp nhất. Các nội dung được tiếp cận trên nền tảng lý luận, kết hợp phân tích văn bản pháp lý và nghiên cứu khoa học, qua đó gợi mở các hướng đề tài về chất lượng báo cáo tài chính hợp nhất theo VAS.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3(M), PLO4(M), PLO7(R), PLO9(R), PLO10(R).

### **7. Quản trị tài chính hiện đại**

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

- Mục tiêu của học phần: Mục tiêu chung của học phần: Học phần nhằm đào tạo người học có khả năng nghiên cứu độc lập và phát triển các ý tưởng mới trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp. Người học sẽ được trang bị kỹ năng phân tích sâu các mô hình lý thuyết, đánh giá tác động của các yếu tố kinh tế và công nghệ đến quản trị tài chính, và phát triển các chiến lược tài chính cho công ty đa quốc gia. Ngoài ra, học phần khuyến khích người học thực hiện các nghiên cứu học thuật và công bố trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế.

- Tóm tắt nội dung: Học phần "Quản trị tài chính hiện đại" theo định hướng nghiên cứu cung cấp cho người học nền tảng kiến thức chuyên sâu và cập nhật về lĩnh vực tài chính doanh nghiệp, đặc biệt tập trung vào nghiên cứu và phát triển các vấn đề lý thuyết. Nội dung học phần bao gồm các lý thuyết tài chính kinh điển và hiện đại, phân tích mối quan hệ giữa cơ cấu vốn và giá trị doanh nghiệp, chính sách cổ tức dưới góc nhìn học thuật, tài chính công ty đa quốc gia, và tài chính khởi nghiệp trong bối cảnh toàn cầu hóa. Học phần cũng chú trọng vào nghiên cứu ứng dụng công nghệ tiên tiến như trí tuệ nhân tạo, blockchain, và big data để xây dựng các mô hình tài chính tối ưu liên quan đến cấu trúc nguồn vốn, chi phí sử dụng vốn, và chính sách tài trợ tối ưu.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3(A), PLO4(M), PLO6(M), PLO7(R), PLO8(M), PLO9(M), PLO10(M).

### **8. Kế toán công năng cao**

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

- Mục tiêu của học phần: Sau khi học xong học phần này người học sẽ nắm vững nền tảng lý luận chuyên sâu về kế toán công, gồm: các lý thuyết nền tảng, khung khái niệm,



chuẩn mực kế toán công quốc tế (IPSAS), chuẩn mực kế toán công Việt Nam (VPSAS), chế độ kế toán Việt Nam và tổng kế toán Nhà nước,... Qua đó người học sẽ phân tích, chỉ ra các điểm khác biệt trong đo lường và ghi nhận giữa hệ thống chuẩn mực kế toán công quốc tế (IPSAS) và chuẩn mực kế toán công Việt Nam (VPSAS), mối liên hệ với chế độ kế toán công Việt Nam. Đồng thời người học phát triển tư duy phản biện, độc lập về chuyên môn để phát hiện các vấn đề còn tồn đọng, xây dựng các đề xuất khoa học nhằm hoàn thiện chính sách kế toán và hệ thống Báo cáo tài chính nhà nước.

- Tóm tắt nội dung: Học phần này trang bị hệ thống lý luận chuyên sâu và tư duy nghiên cứu về kế toán công, gồm: bản chất, vai trò và các lý thuyết nền tảng của kế toán công; khung khái niệm; Chuẩn mực kế toán công quốc tế (IPSAS); chuẩn mực kế toán công Việt Nam (VPSAS); Chế độ kế toán Việt Nam cũng như các vấn đề về Tổng kế toán Nhà nước và Báo cáo tài chính nhà nước.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3(M), PLO4(R), PLO6(R), PLO7(M), PLO9(R).

### **9. Kiểm toán và các dịch vụ đảm bảo**

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

- Mục tiêu của học phần: Học phần trang bị cho học viên nền tảng và kiến thức chuyên sâu về kiểm toán hiện đại và các dịch vụ đảm bảo trong bối cảnh chuyển đổi số. Trọng tâm bao gồm: bản chất kiểm toán độc lập; khung chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và quốc tế; rủi ro kiểm toán; thu thập và đánh giá bằng chứng kiểm toán trong môi trường số; hệ thống kiểm soát nội bộ theo COSO; kiểm toán dựa trên rủi ro; quản lý chất lượng và kiểm soát chất lượng kiểm toán; trách nhiệm pháp lý và đạo đức nghề nghiệp; sự mở rộng của các dịch vụ đảm bảo (ESG Assurance, Sustainability Assurance, dịch vụ đảm bảo phi tài chính). Học phần cũng giúp học viên phát triển năng lực nghiên cứu trong lĩnh vực kiểm toán từ đọc, phân tích và nhận định về các nghiên cứu liên quan.

- Tóm tắt nội dung: Học phần được cấu trúc thành 5 chương gồm các nội dung từ tổng quan về kiểm toán, thu thập và đánh giá bằng chứng trong môi trường số, ứng dụng kiểm soát nội bộ trong kiểm toán; chất lượng và kiểm soát chất lượng kiểm toán và đề cập đến tâm lý học trong kiểm toán hiện đại.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3(M), PLO6(M), PLO7(R), PLO9(M), PLO10(M).

### **10. Trí tuệ nhân tạo trong kế toán và kiểm toán**

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

- Mục tiêu của học phần: Sau khi học xong học phần này, người học có khả năng vận dụng các mô hình trí tuệ nhân tạo (AI) để phân tích quy trình chuyển đổi từ dữ liệu thô



sang tri thức hỗ trợ ra quyết định thông qua các công cụ như khai phá dữ liệu và học máy. Đồng thời người học có năng lực đánh giá các tiêu chuẩn về AI đáng tin cậy, bao gồm: tính công bằng, khả năng giải thích và quyền riêng tư để xử lý các vấn đề đạo đức trong môi trường số; Phân tích sâu sắc các cơ hội và thách thức khi ứng dụng AI trong các phân hệ: Kế toán tài chính, Kế toán quản trị, Quản trị rủi ro và Kiểm toán. Hình thành tư duy chiến lược về sự kết hợp giữa tự động hóa và hiệu quả công việc kế toán, kiểm toán, từ đó xây dựng tính tự chủ và khả năng thích ứng trong bối cảnh nghề nghiệp kế toán - kiểm toán đang thay đổi mạnh mẽ.

- Tóm tắt nội dung: Học phần này trang bị kiến thức lý luận chuyên sâu và tư duy hệ thống về ứng dụng Trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực Kế toán và Kiểm toán, bao gồm: Cơ sở lý luận về dữ liệu; Nền tảng công nghệ và Quy trình ra quyết định; Đạo đức và Quản trị AI; Ứng dụng trong Kế toán tài chính, Kế toán quản trị, Kiểm toán.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3(A), PLO4(M), PLO5(M), PLO6(M), PLO7(R), PLO8(M), PLO9(M), PLO10(M)

### **11. Kế toán phát triển bền vững                      Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

- Mục tiêu của học phần: Học phần trang bị cho người học nền tảng lý luận và thực tiễn chuyên sâu về kế toán và báo cáo phát triển bền vững, giúp người học hiểu rõ vai trò của kế toán trong việc đo lường, phân tích và công bố các thông tin môi trường, xã hội và quản trị (ESG). Học phần nhằm củng cố kiến thức về các khung khổ báo cáo toàn cầu (như GRI, SASB, IFRS, TCFD) và các công cụ kế toán quản trị môi trường để hỗ trợ ra quyết định, quản trị rủi ro và tạo ra giá trị dài hạn. Đồng thời, nâng cao năng lực tư duy phản biện về trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp đối với các bên liên quan trong bối cảnh biến đổi khí hậu và các thách thức xã hội.

- Tóm tắt nội dung: Học phần được cấu trúc thành 5 phần chính, gồm những nội dung về tổng quan và cơ sở lý thuyết của báo cáo bền vững (lý thuyết các bên liên quan, lý thuyết tính hợp pháp); Các khung khổ và tiêu chuẩn báo cáo chủ yếu trên thế giới hiện nay, quy trình xác định trọng yếu và thu thập dữ liệu; Nội dung về kế toán quản trị bền vững bao gồm các kỹ thuật như tính giá dựa trên hoạt động (ABC), chi phí vòng đời (LCC) và chi phí dòng nguyên liệu (MFCA); Các vấn đề về quản trị bền vững, kiểm toán đảm bảo thông tin (Sustainability Assurance) và đạo đức trong báo cáo; Cuối cùng là các chủ đề về tài chính xanh, kế toán cho biến đổi khí hậu, đa dạng sinh học và việc tích hợp các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) vào chiến lược và báo cáo của doanh nghiệp.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3(M), PLO4(R), PLO6(R), PLO7(R), PLO9(M), PLO10(R).

### **12. Phân tích dữ liệu cho kế toán                      Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

- Mục tiêu của học phần: Sau khi kết thúc học phần, người học có khả năng vận dụng nền tảng kiến thức chuyên sâu về phương pháp luận xử lý dữ liệu kế toán để kiểm định giả thuyết và luận giải các vấn đề nghiên cứu trong bối cảnh Dữ liệu lớn (Big Data). Người học phát triển năng lực đánh giá phê phán sự phù hợp của các mô hình phân tích, kiểm chứng các mối quan hệ dữ liệu phức tạp và diễn giải kết quả định lượng nhằm cung cấp các bằng chứng khoa học vững chắc cho các đề xuất giải pháp.

- Tóm tắt nội dung: Học phần hệ thống hóa các lý thuyết và kỹ thuật phân tích dữ liệu nâng cao trong nghiên cứu kế toán. Nội dung tập trung vào việc vận dụng các công cụ thống kê và phần mềm chuyên dụng để khai phá (data mining), xử lý và kiểm định độ tin cậy của dữ liệu. Học viên sẽ thực hành nhận diện các xu hướng (patterns) và các biến động bất thường (anomalies) để cảnh báo rủi ro dưới góc độ khoa học. Bên cạnh đó, học phần rèn luyện kỹ năng trực quan hóa kết quả nghiên cứu và xây dựng báo cáo phân tích nhằm nâng cao chất lượng thông tin cung cấp cho các bên liên quan.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3(A), PLO4(M), PLO5(A) PLO6(M), PLO7(R), PLO8(M), PLO9(M), PLO10(M).

### **13. Nghiên cứu tình huống                      Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Các học phần tự chọn và bắt buộc

❖ Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

- Mục tiêu của học phần: Học phần nghiên cứu tình huống giúp người học vận dụng lý thuyết vào hoạt động nghề nghiệp kế toán, phân tích được thông tin kế toán, kiểm toán để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn, vận dụng kiến thức để tổng hợp, phân tích được dữ liệu kế toán, tài chính của tổ chức bằng các công cụ phù hợp.

- Tóm tắt nội dung: Nội dung học phần cung cấp kiến thức liên ngành và trong lĩnh vực kế toán đã được học vào thực tế tại đơn vị thực tập. Học viên được hướng dẫn phương pháp tiếp cận, phân tích và đánh giá được hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp với các tình huống đa dạng trong thực tiễn; Học viên có thể sử dụng các công cụ phù hợp để phân tích được các tình huống thực tiễn phát sinh tại doanh nghiệp. Qua đó, có thể thích nghi được sự phát triển của nghề nghiệp và công nghệ trong tương lai.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3(A), PLO4(M), PLO5(M), PLO6(M), PLO7(R), PLO8(M), PLO9(M), PLO10(M).

### **14. Kế toán quản trị chuỗi cung ứng                      Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

- Mục tiêu của học phần: Học phần trang bị cho học viên hệ thống kiến thức nâng cao



về kế toán quản trị trong bối cảnh chuỗi cung ứng hiện đại, giúp học viên có khả năng phân tích, đánh giá và ra quyết định quản trị dựa trên các mô hình định lượng, dữ liệu chi phí và công cụ nghiên cứu tiên tiến. Đồng thời, học phần phát triển năng lực nghiên cứu khoa học độc lập, phục vụ định hướng học thuật và các đề tài nghiên cứu trong lĩnh vực kế toán – chuỗi cung ứng.

- Tóm tắt nội dung: Học phần được thiết kế với các nội dung liên quan chặt chẽ với nhau, bắt đầu từ tổng quan về chuỗi cung ứng và kế toán quản trị, tiếp theo là phân tích và đo lường chi phí chuỗi. Sau đó, học viên được trang bị kiến thức về quản trị tồn kho và các mô hình định lượng, đồng thời tìm hiểu các vấn đề ra quyết định nội bộ hóa hay thuê ngoài cũng như định giá chuyển giao. Tiếp nối là nội dung về đo lường hiệu quả chuỗi cung ứng và quản trị rủi ro. Bên cạnh đó, học phần còn chú trọng đến phát triển chuỗi cung ứng bền vững gắn với ESG, kết hợp với ứng dụng công nghệ số trong theo dõi và kiểm soát chi phí. Cuối cùng, Nghiên cứu huống (case study) nhằm củng cố khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn và định hướng nhận diện vấn đề nghiên cứu.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3(M), PLO4(M), PLO6(M), PLO8(M), PLO9(M), PLO10(M).

### **15. Hệ thống thông tin kế toán nâng cao**

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

- Mục tiêu của học phần: Sau khi kết thúc học phần, người học có khả năng đánh giá các lý thuyết nền tảng về hành vi, tổ chức và kiểm soát trong hệ thống thông tin kế toán. Đồng thời, người học phân tích được tác động của công nghệ số đến chất lượng thông tin và quy trình ra quyết định quản trị, từ đó xây dựng được đề cương hoặc mô hình nghiên cứu khoa học nhằm giải quyết các khoảng trống lý luận hiện hữu.

- Tóm tắt nội dung: Học phần nghiên cứu tổng quan về an ninh thông tin kế toán, tập trung nhận diện và phân tích các rủi ro tiềm tàng trong quá trình vận hành hệ thống. Nội dung học phần đi sâu vào việc đánh giá các biện pháp kiểm soát rủi ro trong chu trình kế toán, đồng thời phân tích cơ sở lựa chọn công nghệ để phát triển hoặc tái cấu trúc hệ thống. Học viên sẽ đánh giá thực trạng hệ thống hiện hành để đề xuất các định hướng phát triển và tổ chức hệ thống thông tin kế toán tương thích với đặc thù quản trị và môi trường công nghệ của doanh nghiệp.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3(A), PLO4(M), PLO6(M), PLO7(R), PLO8(M), PLO9(M), PLO10(M).

### **16. Kế toán quốc tế**

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

- Mục tiêu của học phần: Học phần trang bị cho học viên trình độ thạc sĩ ngành Kế

toán nền tảng lý luận và thực tiễn chuyên sâu về kế toán quốc tế, tập trung vào sự khác biệt và hội tụ báo cáo tài chính giữa các quốc gia, đặc biệt giữa IFRS, US GAAP và các hệ thống chuẩn mực chủ yếu trên thế giới. Trên cơ sở đó, học viên hình thành năng lực nhận diện vấn đề nghiên cứu, xây dựng câu hỏi, giả thuyết và khung phân tích liên quan đến hội tụ chuẩn mực, chất lượng báo cáo tài chính, tính so sánh và minh bạch thông tin trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số. Học phần góp phần chuẩn bị cho học viên có khả năng tiếp tục nghiên cứu ở bậc cao hơn, tham gia giảng dạy và công bố kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực kế toán quốc tế.

- Tóm tắt nội dung: Học phần được cấu trúc thành 6 phần, gồm những nội dung về khung cảnh kế toán quốc tế, khái niệm, phạm vi, nguyên nhân và phân loại khác biệt báo cáo tài chính, sự hình thành, phát triển và xu hướng hội tụ chuẩn mực; Báo cáo tài chính tập đoàn niêm yết theo IFRS/US GAAP, bối cảnh pháp lý, nội dung cốt lõi và cách áp dụng IFRS, đặc điểm báo cáo theo US GAAP, các chủ đề trọng yếu và tác động đến chất lượng thông tin; Báo cáo tài chính tại một số quốc gia như Trung Quốc, Nhật Bản, châu Âu và hàm ý hội tụ; Báo cáo tài chính doanh nghiệp riêng lẻ và khu vực phi niêm yết, chuẩn mực cho doanh nghiệp chưa niêm yết, quá trình chuyển đổi, hài hòa kế toán, vấn đề vận dụng với doanh nghiệp vừa, nhỏ và doanh nghiệp gia đình; Kế toán hợp nhất và tập đoàn đa quốc gia, nguyên tắc hợp nhất, xử lý giao dịch nội bộ, lợi ích không kiểm soát, chênh lệch tỷ giá, báo cáo bộ phận và thách thức khi lập, phân tích báo cáo hợp nhất; Các vấn đề về giám sát và cưỡng chế tuân thủ, vai trò kiểm toán quốc tế, cơ chế thực thi chuẩn mực, mối liên hệ với quản trị công ty, chất lượng báo cáo và giá trị doanh nghiệp.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3(M), PLO4(R), PLO6(R), PLO7(R), PLO9(M), PLO10(R).

### **17. Kiểm toán nội bộ                      Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

- Mục tiêu của học phần: Trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu và năng lực phân tích, đánh giá, thiết kế hệ thống kiểm soát nội bộ và hoạt động kiểm toán nội bộ hiện đại. Sau khi hoàn thành học phần, người học có thể hiểu và phân tích sâu vai trò chiến lược của kiểm toán nội bộ trong khung quản trị doanh nghiệp hiện đại; đánh giá hiệu quả kiểm soát nội bộ dựa trên mô hình COSO và chuẩn mực nghề quốc tế; thiết kế quy trình kiểm toán nội bộ dựa trên rủi ro.

- Tóm tắt nội dung: Học phần bao gồm các khối kiến thức tổng quan về kiểm toán nội bộ trong quản trị doanh nghiệp hiện đại; hệ thống kiểm soát nội bộ theo khung COSO và các chuẩn mực nghề nghiệp quốc tế; quản trị rủi ro doanh nghiệp và quy trình kiểm toán nội bộ dựa trên rủi ro.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3(M), PLO4(M), PLO6(M),



PLO7(R), PLO8(M), PLO9(M), PLO10(M).

### **18. Kiểm toán khu vực công      Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

- Mục tiêu của học phần: trang bị cho người học khối kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực kiểm toán công, vai trò của kiểm toán công (kiểm toán nhà nước), chuẩn mực kiểm toán nhà nước, đạo đức nghề nghiệp kiểm toán, quy trình kiểm soát chất lượng kiểm toán, quy trình kiểm toán tổng quát, kiểm toán mục tiêu quốc gia, kiểm toán ngân sách nhà nước, kiểm toán tổ chức tín dụng và ngân hàng, kiểm toán lĩnh vực doanh nghiệp.

- Tóm tắt nội dung: Học phần trình bày khái niệm, vai trò, đối tượng, phạm vi hoạt động, các tiêu chí hoạt động, cơ cấu tổ chức và môi trường pháp lý của kiểm toán nhà nước; các tiêu chuẩn của kiểm toán viên nhà nước. Vận dụng các thủ tục kiểm toán, phương pháp kiểm toán vào từng giai đoạn trong quy trình kiểm toán của kiểm toán nhà nước, giải quyết khiếu nại của đơn vị được kiểm toán. Kiểm tra được việc ghi chép, xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên sổ sách và báo cáo của tổ chức được kiểm toán thông qua các kỹ thuật, thủ tục kiểm toán. Đề xuất các kỹ thuật, thủ tục kiểm toán, cách thức xử lý các phát hiện kiểm toán trong các tình huống được giả định trong quá trình học tập, nghiên cứu.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3(M), PLO4(M), PLO6(M), PLO7(R), PLO8(M), PLO9(M), PLO10(M)

### **19. Kế toán điều tra và phát hiện gian lận      Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

- Mục tiêu của học phần: Học phần trang bị cho học viên trình độ thạc sĩ ngành Kế toán nền tảng lý luận và thực tiễn chuyên sâu về kế toán điều tra và phát hiện gian lận, tập trung vào các mô hình lý thuyết, cơ chế hình thành gian lận và các phương pháp điều tra – phân tích được sử dụng trong các nghiên cứu và thực hành quốc tế. Trên cơ sở đó, học viên hình thành năng lực nhận diện vấn đề nghiên cứu, xây dựng câu hỏi, giả thuyết và khung phân tích liên quan đến hành vi gian lận, chất lượng thông tin kế toán, hệ thống kiểm soát nội bộ, và vai trò của dữ liệu trong phát hiện gian lận trong bối cảnh chuyển đổi số và môi trường kinh doanh phức tạp. Học phần góp phần chuẩn bị cho học viên khả năng tiếp tục nghiên cứu ở bậc cao hơn, tham gia giảng dạy hoặc công bố các kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực kế toán điều tra, phòng chống gian lận và phân tích dữ liệu phục vụ điều tra tài chính.

- Tóm tắt nội dung: Học phần này được cấu trúc thành 5 nội dung chính bao gồm tổng quan về kế toán điều tra; Đánh giá gian lận trong doanh nghiệp; Quy trình kế toán điều tra và kỹ thuật thu thập bằng chứng; Phân tích dữ liệu phát hiện gian lận và điều tra tài chính quốc tế.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3(M), PLO6(M), PLO7(R), PLO9(M), PLO10(M).

## 20. Luận văn tốt nghiệp

**Tín chỉ: 12**

❖ Điều kiện tiên quyết: Theo quy định hiện hành về thực hiện Luận văn tốt nghiệp của Trường.

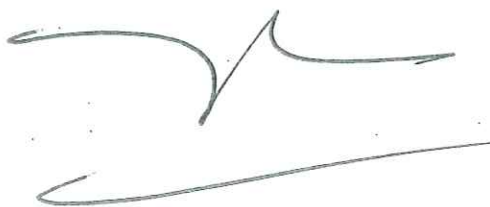
❖ Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

- Mục tiêu của học phần: Học phần này giúp học viên hình thành và phát triển kỹ năng nghiên cứu khoa học đối với các vấn đề về kế toán, kiểm toán; nghiên cứu đối sánh, phát hiện và đề xuất các vấn đề có tính mới, có ý nghĩa khoa học vào thực tiễn hoạt động kế toán, kiểm toán tại các doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị, tổ chức. Qua đó nâng cao tư duy lý luận, phản biện các vấn đề mang tính khoa học trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán đồng thời giúp người học có khả năng linh hoạt, có quan điểm, chính kiến rõ ràng trong việc phát hiện, giải trình hay xử lý các tình huống kế toán, kiểm toán phát sinh cũng như tự định hướng phát triển cá nhân và hướng dẫn người khác phát triển chuyên môn.

- Tóm tắt nội dung: Học phần này giúp người học vận dụng kiến thức lý thuyết tổng hợp chuyên sâu về kế toán, kiểm toán đã được đào tạo để xác định một đề tài nghiên cứu mà người học quan tâm, vận dụng phương pháp nghiên cứu phù hợp để thực hiện (gồm: phát triển câu hỏi nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu, thu thập, phân tích dữ liệu nghiên cứu), đồng thời dựa vào kết quả nghiên cứu thu được làm sâu sắc thêm hoặc có những đóng góp mới về lý thuyết kế toán, kiểm toán hoặc ứng dụng chúng vào giải quyết những vấn đề đặt ra trong thực tiễn hoạt động kế toán, kiểm toán.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(R), PLO2(M), PLO3(A), PLO4(M), PLO5(M), PLO6(A), PLO7(A), PLO8(M), PLO9(M), PLO10(M)./✓

**TRƯỞNG KHOA KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**



**Trần Hồng Vân**



**Phạm Tiến Đạt**



## C. NGUỒN LỰC ĐẢM BẢO ĐÀO TẠO

### 1. Giáo trình chính sử dụng giảng dạy

| STT | Tên giáo trình                                                                                                         | Tên tác giả                                                                                                                   | Nhà xuất bản                           | Năm xuất bản | Sử dụng cho học phần          |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|--------------|-------------------------------|
| 1   | Triết học (Chương trình sau đại học)                                                                                   | Trường ĐH Tài chính - Marketing                                                                                               | Đại học Quốc gia Tp. HCM               | 2015         | Triết học                     |
| 2   | Giáo trình triết học (Dành cho học viên cao học và nghiên cứu sinh không thuộc nhóm ngành khoa học xã hội và nhân văn) | ĐH Quốc gia Hà Nội                                                                                                            | Chính trị Quốc gia sự thật             | 2018         | Triết học                     |
| 3   | Văn kiện Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam thời kỳ đổi mới P1 và P2                                                       | NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội                                                                                                | Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2019       | 2019         | Triết học                     |
| 4   | Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học                                                                             | Nguyễn Huy Hoàng                                                                                                              | Tài chính                              | 2022         | Phương pháp NCKH              |
| 5   | IPSAS explained: A summary of International Public Sector Accounting Standards                                         | Müller-Marqués Berger, T.                                                                                                     | John Wiley & Sons                      | 2018         | Kế toán công nâng cao         |
| 6   | Comparative International Accounting                                                                                   | Christopher Nobes, Robert Parker                                                                                              | Pearson                                | 2020         | Kế toán quốc tế               |
| 7   | Kế toán nâng cao - Advanced Accounting                                                                                 | Joe B. Hoyle; Thomas F. Schaefer; Timothy S. Douppnik; Bùi Văn Dương; Trần Hồng Vân; Phạm Quốc Thuần (biên dịch và hiệu đính) | Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh          | 2022         | Kế toán tài chính nâng cao    |
| 8   | Internal Auditing: Assurance and Advisory Services                                                                     | Michael J. Head, Steve Mar, Sridhar Ramamoorti, Cris Riddle, Mark Salamasick                                                  | Published by Internal Audit Foundation | 2022         | Kiểm toán nội bộ              |
| 9   | Public sector Audit                                                                                                    | Carolyn J, Cordery and David C.Hay                                                                                            | Routledge                              | 2021         | Kiểm toán khu vực công        |
| 10  | Data Analytics for Accounting 3rd Edition                                                                              | Vernon Richardson, Katie Terrell and Ryan Teeter                                                                              | McGraw-Hill Education                  | 2022         | Phân tích dữ liệu cho kế toán |

| STT | Tên giáo trình                                                         | Tên tác giả                                                       | Nhà xuất bản                                        | Năm xuất bản | Sử dụng cho học phần                   |
|-----|------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|--------------|----------------------------------------|
| 11  | Quản trị tài chính doanh nghiệp                                        | Bùi Hữu Phước và cộng sự                                          | NXB tài chính                                       | 2023         | Quản trị tài chính hiện đại            |
| 12  | Giáo trình tài chính công                                              | Nguyễn Thế Khang và cộng sự                                       | NXB tài chính 2024                                  | 2024         | Tài chính công nâng cao                |
| 13  | Public Finance and Public Policy (Seventh Edition).                    | Jonathan Gruber                                                   | Macmillan Press                                     | 2022         | Tài chính công nâng cao                |
| 14  | Introduction to Data analytics for accounting                          | Richardson, Vernon J.                                             | New York : McGraw-Hill Education                    | 2023         | Hệ thống thông tin kế toán nâng cao    |
| 15  | Auditing and assurance services: an integrated approach                | Alvin A. Arens, Randal J. Elder, Mark S. Beasley, Chris E. Hogan. | Pearson                                             | 2022         | Kiểm toán và các dịch vụ đảm bảo       |
| 16  | Kiểm toán báo cáo tài chính                                            | Ngô Nhật Phương Diễm, Nguyễn Huỳnh Nam và Phan Thị Bích Ngọc      | Nhà xuất bản tài chính                              | 2025         | Kiểm toán và các dịch vụ đảm bảo       |
| 17  | Forensic accounting and fraud examination                              | Kranacher, M., Riley, R., & Wells, J. T.                          | John Wiley & Sons.                                  | 2019         | Kế toán điều tra và phát hiện gian lận |
| 18  | Essentials of forensic accounting                                      | Crain, M. A., Hopwood, W. S., Pacini, C., & Young, G. R.          | John Wiley & Sons.                                  | 2019         | Kế toán điều tra và phát hiện gian lận |
| 19  | Kế toán quản trị 2                                                     | Dương Hoàng Ngọc Khuê, Trần Thị Phương Lan                        | Nhà xuất bản tài chính                              | 2025         | Kế toán quản trị nâng cao              |
| 20  | Management Accounting Creating Value in a Dynamic Business Environment | Ronald W. Hilton ; David Platt                                    | McGraw-Hill Education                               | 2023         | Kế toán quản trị nâng cao              |
| 21  | Management Accounting in Supply Chains (2nd ed.)                       | Taschner, Armin & Charifzadeh, Mahmoud                            | Springer Fachmedien Wiesbaden GmbH, Springer Nature | 2023         | Kế toán quản trị chuỗi cung ứng        |
| 22  | Sustainability Accounting and Reporting: Theory and Practice           | Rashedul Hasan                                                    | Routledge                                           | 2025         | Kế toán phát triển bền vững            |



| STT | Tên giáo trình                                                                            | Tên tác giả                                           | Nhà xuất bản  | Năm xuất bản | Sử dụng cho học phần                        |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------|--------------|---------------------------------------------|
| 23  | Artificial intelligence in accounting and auditing: Accessing the corporate implications. | Pierotti, M., Monreale, A., & De Santis, F.           | Springer      | 2024         | Trí tuệ nhân tạo trong kế toán và kiểm toán |
| 24  | Accounting principles                                                                     | Jerry J. Weygandt, Paul D. Kimmel and Donald E. Kieso | New York      | 2019         | Lý thuyết kế toán                           |
| 25  | Giáo trình nguyên lý kế toán                                                              | Ngô Thị Mỹ Thúy và cộng sự                            | NXB tài chính | 2022         | Lý thuyết kế toán                           |

## 2. Tài liệu hướng dẫn tự học/tài liệu tham khảo khác

| STT | Tên tài liệu                                                                                                                          | Tên tác giả                          | Nhà xuất bản             | Năm xuất bản | Sử dụng cho học phần            |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------|--------------|---------------------------------|
| 1   | Giáo trình triết học: Dùng trong đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ các ngành khoa học xã hội và nhân văn không chuyên ngành Triết học | Bộ giáo dục và đào tạo               | Đại học Sư phạm          | 2014         | Triết học                       |
| 2   | Lịch sử triết học phương Đông                                                                                                         | Nguyễn Đăng Thục                     | Hồng Đức                 | 2017         | Triết học                       |
| 3   | Thực hành nghiên cứu trong Kinh tế và Quản trị kinh doanh                                                                             | Nguyễn Văn Thắng                     | Đại học Kinh tế Quốc dân | 2014         | Triết học                       |
| 4   | Phương pháp điều tra khảo sát: nguyên lý và thực tiễn                                                                                 | Nguyễn Thị Tuyết Mai, Nguyễn Vũ Hùng | Đại học Kinh tế Quốc dân | 2015         | Phương pháp nghiên cứu khoa học |
| 5   | Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh                                                                                      | Nguyễn Đình Thọ                      | Lao động – Xã hội        | 2014         | Phương pháp nghiên cứu khoa học |
| 6   | Research Methods for Business: A Skill-Building Approach, 7 <sup>th</sup> ed.                                                         | Sekaran, U. and Bougie, R.           | Wiley                    | 2016         | Phương pháp nghiên cứu khoa học |
| 7   | Accounting Theory                                                                                                                     | J., Hodgson, A. và Holmes, S.        | Godfrey                  | 2011         | Lý thuyết kế toán               |

| STT | Tên tài liệu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Tên tác giả                                            | Nhà xuất bản                            | Năm xuất bản | Sử dụng cho học phần  |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------------|-----------------------|
| 8   | Conceptual framework for general purpose financial reporting by public sector entities. (Truy cập từ <a href="https://www.ifac.org/system/files/publications/files/IPSASB-Public-Sector-Conceptual-Framework.pdf">https://www.ifac.org/system/files/publications/files/IPSASB-Public-Sector-Conceptual-Framework.pdf</a> )                                                                                                                                                   | International Public Sector Accounting Standards Board | International Federation of Accountants | 2014         | Kế toán công nâng cao |
| 9   | Chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp (Ban hành theo Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17/04/2024 của Bộ Tài chính)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Bộ Tài chính                                           | NXB Tài chính                           | 2024         | Kế toán công nâng cao |
| 10  | Nghị định số 25/2017/NĐ-CP về báo cáo tài chính nhà nước (ban hành ngày 14/03/2017). Truy cập từ <a href="https://bctcnn.vst.mof.gov.vn/frontend/faces/TKTVanBanPhapLyDs?_afLoop=82775364058694955&amp;_afWindowMode=0&amp;_adf.ctrl-state=wfyl601qp_33">https://bctcnn.vst.mof.gov.vn/frontend/faces/TKTVanBanPhapLyDs?_afLoop=82775364058694955&amp;_afWindowMode=0&amp;_adf.ctrl-state=wfyl601qp_33</a>                                                                   | Chính phủ                                              |                                         | 2017         | Kế toán công nâng cao |
| 11  | Thông tư số 99/2018/TT-BTC Hướng dẫn lập báo cáo tài chính tổng hợp của đơn vị kế toán nhà nước là đơn vị kế toán cấp trên (ban hành ngày 01/11/2018). Truy cập từ <a href="https://bctcnn.vst.mof.gov.vn/frontend/faces/TKTVanBanPhapLyDs?_afLoop=82775364058694955&amp;_afWindowMode=0&amp;_adf.ctrl-state=wfyl601qp_33">https://bctcnn.vst.mof.gov.vn/frontend/faces/TKTVanBanPhapLyDs?_afLoop=82775364058694955&amp;_afWindowMode=0&amp;_adf.ctrl-state=wfyl601qp_33</a> | Chính phủ                                              |                                         | 2018         | Kế toán công nâng cao |
| 12  | Thông tư số 133/2018/TT-BTC Hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho đơn vị kế toán nhà nước (ban hành ngày 28/12/2018). Truy cập từ <a href="https://bctcnn.vst.mof.gov.vn/frontend/faces/TKTVanBanPhapLyDs?_afLoop=82775364058694955&amp;_afWindowMode=0&amp;_adf.ctrl-state=wfyl601qp_33">https://bctcnn.vst.mof.gov.vn/frontend/faces/TKTVanBanPhapLyDs?_afLoop=82775364058694955&amp;_afWindowMode=0&amp;_adf.ctrl-state=wfyl601qp_33</a>                                   | Chính phủ                                              |                                         | 2018         | Kế toán công nâng cao |



| STT | Tên tài liệu                                                                                                                                                                                                                                    | Tên tác giả                                              | Nhà xuất bản                     | Năm xuất bản | Sử dụng cho học phần                   |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|----------------------------------|--------------|----------------------------------------|
| 13  | Quyết định số 1676/QĐ-BTC về việc công bố 05 Chuẩn mực Kế toán công Việt Nam (đợt 1). Truy cập từ <a href="https://mof.gov.vn/bo-tai-chinh/chuan-muc-ke-toan-cong-viet-nam">https://mof.gov.vn/bo-tai-chinh/chuan-muc-ke-toan-cong-viet-nam</a> | Bộ Tài chính                                             |                                  | 2021         | Kế toán công nâng cao                  |
| 14  | Quyết định số 1366/QĐ-BTC về việc công bố 06 Chuẩn mực Kế toán công Việt Nam (đợt 2). Truy cập từ <a href="https://mof.gov.vn/bo-tai-chinh/chuan-muc-ke-toan-cong-viet-nam">https://mof.gov.vn/bo-tai-chinh/chuan-muc-ke-toan-cong-viet-nam</a> | Bộ Tài chính                                             |                                  | 2022         | Kế toán công nâng cao                  |
| 15  | Quyết định số 1351/QĐ-BTC về việc công bố 05 Chuẩn mực Kế toán công Việt Nam (đợt 3). Truy cập từ <a href="https://mof.gov.vn/bo-tai-chinh/chuan-muc-ke-toan-cong-viet-nam">https://mof.gov.vn/bo-tai-chinh/chuan-muc-ke-toan-cong-viet-nam</a> | Bộ Tài chính                                             |                                  | 2024         | Kế toán công nâng cao                  |
| 16  | Hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (Theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính) có ví dụ minh họa                                                                                                                      | Bộ Tài chính                                             | Nhà xuất bản Kinh tế - Tài chính | 2025         | Kế toán tài chính nâng cao             |
| 17  | Wiley 2023 Interpretation and Application of IFRS Standards                                                                                                                                                                                     | PKF International                                        | John Wiley & Sons                | 2023         | Kế toán tài chính nâng cao             |
| 18  | Accounting information systems 3rd edition                                                                                                                                                                                                      | Vernon Richardson and Chengyee Chang and Rod Smith       | McGraw-Hill Education            | 2020         | Phân tích dữ liệu cho kế toán          |
| 19  | Corporate Finance                                                                                                                                                                                                                               | Ross, Westerfield, Jaffe                                 | McGraw Hill                      | 2019         | Quản trị tài chính hiện đại            |
| 20  | Kiểm toán căn bản                                                                                                                                                                                                                               | Ngô Nhật Phương Diễm, Ung Hiền Nhã Thi, Nguyễn Huỳnh Nam | Nhà xuất bản tài chính           | 2023         | Kiểm toán và các dịch vụ đảm bảo       |
| 21  | Hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt Nam                                                                                                                                                                                                           | Bộ Tài chính                                             |                                  |              | Kiểm toán và các dịch vụ đảm bảo       |
| 22  | Global financial investigations: Forensic accounting in practice                                                                                                                                                                                | Gore, A.                                                 | Routledge                        | 2023         | Kế toán điều tra và phát hiện gian lận |

| STT | Tên tài liệu                                                                             | Tên tác giả                                      | Nhà xuất bản          | Năm xuất bản | Sử dụng cho học phần                        |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------|--------------|---------------------------------------------|
| 23  | Advanced Management Accounting: Information Preparation & Analysis                       | Colin Davy & Danny Bruce                         | LearnNow Publications | 2018         | Kế toán quản trị nâng cao;                  |
| 24  | Supply chain management accounting                                                       | Hugos, M. H                                      | Kogan Page Limited    |              | Kế toán quản trị chuỗi cung ứng             |
| 25  | Sustainability Accounting and Accountability                                             | Matias Laine, Helen Tregidga and Jeffrey Unerman | Routledge             | 2022         | Kế toán phát triển bền vững                 |
| 26  | Artificial intelligence in accounting: Organisational and ethical implications           | Lehner, O. M., & Knoll, C. (Eds.)                | Routledge             | 2023         | Trí tuệ nhân tạo trong kế toán và kiểm toán |
| 27  | Auditing artificial intelligence: A handbook for audit, risk, and security professionals | Marcella, A. J.                                  | CRC Press             | 2025         | Trí tuệ nhân tạo trong kế toán và kiểm toán |
| 28  | Artificial intelligence in accounting: Practical applications                            | Ng, C., & Alarcon, J.                            | Routledge             | 2021         | Trí tuệ nhân tạo trong kế toán và kiểm toán |

**3. Đội ngũ giảng viên cơ hữu đảm bảo thực hiện chương trình đào tạo theo quy định tại Thông tư số 17/TT/2021-BGDĐT và Thông tư số 02/TT/2022-BGDĐT**

| STT | Họ tên               | Học hàm, năm phong | Học vị, năm tốt nghiệp, nơi tốt nghiệp | Ngành và chuyên ngành học      | Giảng dạy các học phần                                                                                                                                                                                                                    |
|-----|----------------------|--------------------|----------------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Ngô Nhật Phương Diễm | PGS 2025           | Tiến sĩ, Việt Nam, 2019                | Kinh doanh và quản lý/ Kế toán | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm toán và các dịch vụ đảm bảo</li> <li>- Kế toán điều tra và phát hiện gian lận</li> <li>- Kiểm toán nội bộ</li> <li>- Kiểm toán khu vực công</li> <li>- Kế toán quản trị nâng cao</li> </ul> |
| 2   | Trần Hồng Vân        |                    | Tiến sĩ, Việt Nam, 2015                | Kinh doanh và quản lý/ Kế toán | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế toán tài chính nâng cao</li> <li>- Kế toán phát triển bền vững</li> <li>- Kế toán quốc tế</li> <li>- Trí tuệ nhân tạo trong kế toán và kiểm toán</li> </ul>                                   |



| STT | Họ tên                | Học hàm, năm phong | Học vị, năm tốt nghiệp, nơi tốt nghiệp | Ngành và chuyên ngành học      | Giảng dạy các học phần                                                                                                                                                                                                                          |
|-----|-----------------------|--------------------|----------------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 3   | Dương Hoàng Ngọc Khuê |                    | Tiến sĩ, Việt Nam, 2019                | Kinh doanh và quản lý/ Kế toán | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm toán nội bộ</li> <li>- Kiểm toán khu vực công</li> <li>- Kiểm toán và các dịch vụ đảm bảo</li> <li>- Kế toán quản trị chuỗi cung ứng</li> <li>- Kế toán điều tra và phát hiện gian lận</li> </ul> |
| 4   | Lương Thị Thanh Việt  |                    | Tiến sĩ, Việt Nam, 2019                | Kế toán                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế toán công nâng cao</li> <li>- Trí tuệ nhân tạo trong kế toán và kiểm toán</li> <li>- Kế toán tài chính nâng cao</li> <li>- Lý thuyết kế toán</li> </ul>                                             |
| 5   | Trần Thị Phương Lan   |                    | Tiến sĩ, Việt Nam, 2023                | Kế toán                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế toán quản trị nâng cao</li> <li>- Kế toán quản trị chuỗi cung ứng</li> <li>- Kế toán điều tra và phát hiện gian lận</li> </ul>                                                                      |
| 6   | Lại Văn Nam           |                    | Tiến sĩ, Việt Nam, 2019                | Triết học                      | -Triết học                                                                                                                                                                                                                                      |
| 7   | Nguyễn Minh Phúc      |                    | Tiến sĩ, Úc, 2021                      | Kinh doanh                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>-Quản trị tài chính hiện đại</li> <li>-Tài chính công nâng cao</li> </ul>                                                                                                                                |
| 8   | Trương Thành Công     |                    | Tiến sĩ, Séc, 2021                     | KH máy tính                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>-Hệ thống thông tin kế toán nâng cao</li> <li>-Phương pháp NCKH</li> <li>-Phân tích dữ liệu cho kế toán</li> </ul>                                                                                       |
| 9   | Nguyễn Tuấn Duy       | PGS 2023           | Tiến sĩ, Việt Nam, 2018                | Toán giải tích                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>-Phương pháp NCKH</li> <li>-Phân tích dữ liệu cho kế toán</li> <li>-Hệ thống thông tin kế toán nâng cao</li> </ul>                                                                                       |
| 10  | Nguyễn Thế Khang      |                    | Tiến sĩ, Việt Nam, 2017                | Kinh tế                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>-Tài chính công nâng cao</li> <li>-Quản trị tài chính hiện đại</li> </ul>                                                                                                                                |
| 11  | Ngô Thị Mỹ Thúy       |                    | Tiến sĩ, Philipine, 2019               | QTKD                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>-Lý thuyết kế toán</li> <li>- Kế toán phát triển bền vững</li> <li>- Kế toán quốc tế</li> <li>- Kế toán công nâng cao</li> </ul>                                                                         |
| 12  | Nguyễn Thanh Hải      |                    | Tiến sĩ, Việt Nam, 2023                | CNDVBC&D VLS                   | -Triết học                                                                                                                                                                                                                                      |

| STT | Họ tên                                           | Học hàm, năm phong | Học vị, năm tốt nghiệp, nơi tốt nghiệp | Ngành và chuyên ngành học | Giảng dạy các học phần                       |
|-----|--------------------------------------------------|--------------------|----------------------------------------|---------------------------|----------------------------------------------|
| 13  | Giảng viên đáp ứng tiêu chuẩn hướng dẫn luận văn |                    |                                        |                           | Nghiên cứu tình huống<br>Luận văn tốt nghiệp |

**4. Đội ngũ giảng viên đáp ứng tiêu chuẩn hướng dẫn luận văn/đề án tốt nghiệp**

| STT | Họ tên                | Học hàm, năm phong | Học vị, năm tốt nghiệp, nơi tốt nghiệp | Ngành/ chuyên ngành học        | Ghi chú |
|-----|-----------------------|--------------------|----------------------------------------|--------------------------------|---------|
| 1   | Ngô Nhật Phương Diễm  | PGS, 2025          | Tiến sĩ, Việt Nam, 2019                | Kinh doanh và quản lý/ Kế toán |         |
| 2   | Trần Hồng Vân         |                    | Tiến sĩ, Việt Nam, 2015                | Kinh doanh và quản lý/ Kế toán |         |
| 3   | Dương Hoàng Ngọc Khuê |                    | Tiến sĩ, Việt Nam, 2019                | Kinh doanh và quản lý/ Kế toán |         |
| 4   | Lương Thị Thanh Việt  |                    | Tiến sĩ, Việt Nam, 2019                | Kế toán                        |         |
| 5   | Trần Thị Phương Lan   |                    | Tiến sĩ, Việt Nam, 2023                | Kế toán                        |         |
| 6   | Nguyễn Thanh Nhã      |                    | Tiến sĩ, Việt Nam, 2018                | Tài chính – Ngân hàng          |         |
| 7   | Nguyễn Việt Hưng      |                    | Tiến sĩ, Việt Nam, 2017                | Kế toán                        |         |
| 8   | Nguyễn Thành Long     |                    | Tiến sĩ, Việt Nam, 2025                | Kế toán                        |         |
| 9   | Võ Thu Phụng          |                    | Tiến sĩ, Việt Nam, 2017                | Kiểm toán                      |         |
| 10  | Nguyễn Ngọc Hiệp      |                    | Tiến sĩ, Việt Nam, 2019                | Kế toán                        |         |
| 11  | Dương Ngọc Quang      |                    | Tiến sĩ, Việt Nam, 2017                | Tài chính – Ngân hàng          |         |
| 12  | Phạm Quốc Việt        | PGS, 2024          | Tiến sĩ, Việt Nam, 2010                | Tài chính – Ngân hàng          |         |
| 13  | Nguyễn Thế Khang      |                    | Tiến sĩ, Việt Nam, 2017                | Tài chính – Ngân hàng          |         |
| 14  | Trần Thị Kim Oanh     | PGS, 2025          | Tiến sĩ, Việt Nam, 2018                | Tài chính – Ngân hàng          |         |
| 15  | Nguyễn Thị Kim Chi    |                    | Tiến sĩ, Việt Nam, 2023                | Tài chính – Ngân hàng          |         |



**5. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ cấp khoa/phòng**

| STT | Họ tên                  | Chức vụ     | Đơn vị                   | Ghi chú |
|-----|-------------------------|-------------|--------------------------|---------|
| 1   | Nguyễn Thị Tuyết        | Chuyên viên | Khoa KTKT                |         |
| 2   | Trần Văn Tuấn           | Chuyên viên | Viện Đào tạo sau đại học |         |
| 3   | Đỗ Minh Hương           | Chuyên viên | Viện Đào tạo sau đại học |         |
| 4   | Huỳnh Thị Mỹ Diệu       | Chuyên viên | Viện Đào tạo sau đại học |         |
| 5   | Nguyễn Ngọc Thảo Nguyên | Chuyên viên | Viện Đào tạo sau đại học |         |

**D. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN (có đề cương chi tiết kèm theo)**

**Phụ lục 1. Ma trận tương thích giữa mục tiêu CTĐT với Triết lý giáo dục, Sứ  
mạng của Trường**

| TLGD, SM                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | PLOs |     |     |     |     |     |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|-----|-----|-----|-----|-----|
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | PO1  | PO2 | PO3 | PO4 | PO5 | PO6 |
| <b>Triết lý giáo dục:</b><br>Triết lý giáo dục của Trường Đại học Tài chính - Marketing trong giai đoạn tới là:<br>“Thực chất, đổi mới sáng tạo và hội nhập”.                                                                                                                                                                                                                                                             | X    | X   | X   | X   | X   | X   |
| <b>Sứ mạng của Trường:</b><br>Trường Đại học Tài chính - Marketing có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trình độ đại học và sau đại học theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế đáp ứng nhu cầu của xã hội; nghiên cứu và chuyển giao những thành tựu khoa học, công nghệ về kinh doanh, quản lý phục vụ công tác hoạch định chính sách của các cơ quan quản lý Nhà nước, các doanh nghiệp và các tổ chức xã hội. | X    | X   | X   | X   | X   | X   |

**Phụ lục 2. Ma trận tương thích giữa CĐR CTĐT với Triết lý giáo dục, Sứ mạng của Trường**

[illegible]



**Phụ lục 3. Đối sánh khung chương trình đào tạo ngành Kế toán với chương trình đào tạo của các trường khác**

| STT                                                          | Trường Đại học<br>Tài chính – Marketing     |           | STT                                             | Trường Đại học Công nghiệp<br>TPHCM  |           |
|--------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-----------|-------------------------------------------------|--------------------------------------|-----------|
|                                                              | Học phần                                    | TC        |                                                 | Học phần                             | TC        |
| <b>1. Khối kiến chung</b>                                    |                                             | <b>7</b>  | <b>1. Khối kiến chung</b>                       |                                      | <b>7</b>  |
| 1                                                            | Triết học                                   | 4         | 1                                               | Triết học                            | 4         |
| 2                                                            | Phương pháp nghiên cứu khoa học             | 3         | 2                                               | Phương pháp luận nghiên cứu khoa học | 3         |
| <b>2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>              |                                             | <b>42</b> | <b>2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b> |                                      | <b>41</b> |
| 2.1                                                          | <b>Kiến thức bắt buộc</b>                   | <b>33</b> |                                                 |                                      |           |
| 3                                                            | Lý thuyết kế toán                           | 3         | 3                                               | Lý thuyết kế toán                    | 3         |
| 4                                                            | Kế toán quản trị nâng cao                   | 3         | 4                                               | Kế toán quản trị                     | 3         |
| 5                                                            | Tài chính công nâng cao                     | 3         | 5                                               | Tài chính công                       | 3         |
| 6                                                            | Kế toán tài chính nâng cao                  | 3         | 6                                               | Kế toán tài chính                    | 3         |
| 7                                                            | Quản trị tài chính hiện đại                 | 3         | 7                                               | Quản trị hiện đại                    | 3         |
| 8                                                            | Kế toán công nâng cao                       | 3         | 8                                               | Kế toán công                         | 3         |
| 9                                                            | Kiểm toán và các dịch vụ đảm bảo            | 3         | 9                                               | Kiểm toán                            | 3         |
| 10                                                           | Trí tuệ nhân tạo trong kế toán và kiểm toán | 3         |                                                 |                                      |           |
| 11                                                           | Kế toán phát triển bền vững                 | 3         |                                                 |                                      |           |
| 12                                                           | Phân tích dữ liệu cho kế toán               | 3         |                                                 |                                      |           |
| 13                                                           | Nghiên cứu tình huống                       | 3         | 10                                              | Chuyên đề môn học                    | 3         |
|                                                              |                                             |           | 11                                              | Kinh tế lượng                        | 3         |
|                                                              |                                             |           | 12                                              | Tiếng Anh                            | 3         |
|                                                              |                                             |           | 13                                              | Luật và chuẩn mực kế toán            | 3         |
|                                                              |                                             |           | 14                                              | Luật kinh tế                         | 3         |
|                                                              |                                             |           | 15                                              | Học thuyết kinh tế hiện đại          | 3         |
|                                                              |                                             |           | 16                                              | Phân tích chính sách thuế            | 3         |
|                                                              |                                             |           | 17                                              | Quản trị chiến lược                  | 3         |
|                                                              |                                             |           | 18                                              | Quản trị dự án đầu tư                | 3         |
|                                                              |                                             |           | 19                                              | Chuẩn mực kế toán quốc tế            | 3         |
|                                                              |                                             |           | 20                                              | Mô hình tài chính                    | 3         |
|                                                              |                                             |           | 21                                              | Phân tích hoạt động tài chính        | 3         |
|                                                              |                                             |           | 22                                              | Quản trị rủi ro tài chính            | 3         |
|                                                              |                                             |           | 23                                              | Đầu tư tài chính                     | 3         |
|                                                              |                                             |           | 24                                              | Tài chính quốc tế                    | 3         |
| 2.2                                                          | <b>Kiến thức chuyên ngành tự chọn:</b>      | <b>9</b>  |                                                 |                                      |           |
| <b>Chọn: 1 trong 2 định hướng sau (9 tín chỉ 3 học phần)</b> |                                             |           |                                                 |                                      |           |
| A                                                            | <i>Định hướng kế toán doanh nghiệp</i>      |           |                                                 |                                      |           |

| STT                    | Trường Đại học<br>Tài chính – Marketing |           | STT                    | Trường Đại học Công nghiệp<br>TPHCM     |           |
|------------------------|-----------------------------------------|-----------|------------------------|-----------------------------------------|-----------|
|                        | Học phần                                | TC        |                        | Học phần                                | TC        |
| 14                     | Kế toán quản trị chuỗi cung ứng         | 3         |                        |                                         |           |
| 15                     | Hệ thống thông tin kế toán nâng cao     | 3         | 25                     | Hệ thống thông tin kế toán              | 3         |
| 16                     | Kế toán quốc tế                         | 3         | 26                     | Kế toán quốc tế                         | 3         |
| B                      | <i>Định hướng kiểm toán</i>             |           |                        |                                         |           |
| 17                     | Kiểm toán nội bộ                        | 3         |                        |                                         |           |
| 18                     | Kiểm toán khu vực công                  | 3         |                        |                                         |           |
| 19                     | Kế toán điều tra và phát hiện gian lận  | 3         |                        |                                         | 3         |
|                        |                                         |           | 27                     | Tài chính tiền tệ                       | 3         |
|                        |                                         |           | 28                     | Đạo đức nghề nghiệp kế toán - kiểm toán |           |
| <b>3. Tốt nghiệp</b>   |                                         |           | <b>3. Tốt nghiệp</b>   |                                         | <b>12</b> |
| 20                     | Luận văn tốt nghiệp                     | 12        | 29                     | Luận văn tốt nghiệp                     | 12        |
| <b>TỔNG CỘNG SỐ TC</b> |                                         | <b>61</b> | <b>TỔNG CỘNG SỐ TC</b> |                                         | <b>60</b> |





BỘ TÀI CHÍNH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**  
**NGÀNH: KẾ TOÁN**

*Định hướng ứng dụng*

*Thành phố Hồ Chí Minh, 2025*





## MỤC LỤC

|                                                                                                                                                         |    |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| A. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....                                                                                                                      | 3  |
| 1. CĂN CỨ XÂY DỰNG .....                                                                                                                                | 3  |
| 2. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....                                                                                                                 | 3  |
| 3. THÔNG TIN CHUNG.....                                                                                                                                 | 4  |
| 4. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO.....                                                                                                                                | 5  |
| 4.1. Mục tiêu chung.....                                                                                                                                | 5  |
| 4.2. Mục tiêu cụ thể.....                                                                                                                               | 5  |
| 5. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PLOs).....                                                                                                        | 5  |
| 7. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP:.....                                                                                                        | 6  |
| 7.1. Quy trình đào tạo: .....                                                                                                                           | 6  |
| 7.2. Địa điểm đào tạo: .....                                                                                                                            | 7  |
| 8. TUYỂN SINH:.....                                                                                                                                     | 7  |
| 9. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ VÀ THANG ĐIỂM:.....                                                                                                               | 9  |
| 10. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO: .....                                                                                                                | 10 |
| 11. MA TRẬN TƯƠNG THÍCH GIỮA HỌC PHẦN, KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC VỚI CDR CỦA CTĐT .....                                                                      | 11 |
| 12. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC .....                                                                                                                         | 12 |
| 13. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ.....                                                                                                                  | 14 |
| 14. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....                                                                                                      | 15 |
| B. MÔ TẢ TÓM TẮT CÁC HỌC PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:.....                                                                                            | 17 |
| C. NGUỒN LỰC ĐẢM BẢO ĐÀO TẠO.....                                                                                                                       | 29 |
| 1. Giáo trình chính sử dụng giảng dạy .....                                                                                                             | 29 |
| 2. Tài liệu hướng dẫn tự học/tài liệu tham khảo khác.....                                                                                               | 31 |
| 3. Đội ngũ giảng viên cơ hữu đảm bảo thực hiện chương trình đào tạo theo quy định tại Thông tư số 17/TT/2021-BGDĐT và Thông tư số 02/TT/2022-BGDĐT..... | 34 |
| 4. Đội ngũ giảng viên đáp ứng tiêu chuẩn hướng dẫn luận văn/đề án tốt nghiệp.....                                                                       | 36 |
| 5. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ cấp khoa/phòng.....                                                                                                         | 36 |
| D. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN (có đề cương chi tiết kèm theo).....                                                                                      | 37 |
| E. PHỤ LỤC .....                                                                                                                                        | 38 |
| Phụ lục 1. Ma trận tương thích giữa mục tiêu CTĐT với Triết lý giáo dục, Sứ mạng của Trường.....                                                        | 38 |
| Phụ lục 2. Ma trận tương thích giữa CDR CTĐT với Triết lý giáo dục, Sứ mạng của Trường.....                                                             | 38 |
| Phụ lục 3. Đối sánh khung chương trình đào tạo ngành Kế toán với chương trình đào tạo của các trường khác.....                                          | 39 |





## **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4030/QĐ-ĐHTCM ngày 04 tháng 12 năm 2025  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)*

### **A. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

#### **1. CĂN CỨ XÂY DỰNG**

Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định điều kiện, trình độ, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022 /TT-BGDĐT.

Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 7 tháng 06 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo qui định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

Quyết định số 124/QĐ-ĐHTCM-ĐTSĐH ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing về việc Ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ.

Căn cứ kết quả khảo sát các bên liên quan về năng lực người học sau tốt nghiệp và nội dung chương trình đào tạo ngành Kế toán trình độ thạc sĩ.

#### **2. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng ứng dụng ngành kế toán theo hệ thống tín chỉ hiện tại được xây dựng theo hướng tiếp cận mới với mục tiêu đáp ứng nhu cầu của các



bên liên quan gồm người sử dụng lao động, giảng viên, cựu người học và người học cùng với sự thay đổi trong chuẩn năng lực theo quy định của Nhà nước về đào tạo thạc sĩ ngành Kế toán, và phù hợp với mục tiêu chiến lược, tầm nhìn và triết lý giáo dục của Trường Đại học Tài chính – Marketing.

Chương trình được thiết kế thời gian trung bình 2 năm và 61 tín chỉ, trong đó thực hiện 09 tín chỉ đề án tốt nghiệp.

Đơn vị quản lý chương trình đào tạo tổ chức đánh giá chương trình đào tạo. Việc xây dựng chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định hiện hành. Hiệu trưởng ban hành chương trình đào tạo trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Khoa học và Đào tạo sau khi chương trình được thông qua.

### **3. THÔNG TIN CHUNG**

**3.1. Tên chương trình đào tạo:** Kế toán

**3.2. Trình độ:** Thạc sĩ

**3.3. Định hướng đào tạo:** Ứng dụng

**3.4. Văn bằng tốt nghiệp:** Thạc sĩ Kế toán

**3.5. Mã ngành đào tạo:** 8340301

**3.6. Thời gian đào tạo:** 2 năm

**3.7. Loại hình đào tạo:** Chính quy

**3.8. Số tín chỉ yêu cầu:** 61

**3.9. Khoa quản lý:** Khoa Kế toán – Kiểm toán

**3.10. Ngôn ngữ sử dụng:** Tiếng Việt

**3.11. Chứng nhận chất lượng:**

**3.12. Website:** <https://khoaketuan.ufm.edu.vn/>

**3.13. Các chương trình tham khảo, đối sánh:**

- Chương trình đào tạo Thạc sĩ Kế toán hướng ứng dụng của Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (<https://www.ueh.edu.vn/>)

- Chương trình đào tạo Thạc sĩ Kế toán, Kiểm toán và Phân tích định hướng ứng dụng của Đại học Kinh tế Quốc dân (<https://www.neu.edu.vn/>)

- Chương trình đào tạo Thạc sĩ Kế toán (MSc in Professional Accountancy) của Đại học London ([www.london.ac.uk](http://www.london.ac.uk))

**3.14. Năm xây dựng chương trình:** 2025

**3.15. Vị trí việc làm:**

Sau khi tốt nghiệp Chương trình thạc sĩ Kế toán định hướng ứng dụng, người học có thể đảm nhiệm một trong số các vị trí sau đây:

- Nhóm 1: Chuyên gia phân tích, đánh giá và tư vấn kế toán, kiểm toán, kiểm soát nội bộ trong các tổ chức/doanh nghiệp/ tập đoàn.

- Nhóm 2: Cán bộ quản lý bộ phận kế toán, kiểm toán trong các tổ chức/doanh

ng nghiệp/tập đoàn.

## 4. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

### 4.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu của chương trình đào tạo thạc sĩ Kế toán theo hướng ứng dụng là trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng chuyên sâu đáp ứng yêu cầu hoạt động nghề nghiệp trong nền kinh tế hiện đại. Người học có năng lực làm việc độc lập, có khả năng sử dụng hiệu quả kiến thức chuyên ngành vào thực hiện các công việc cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế tại các doanh nghiệp. Sau khi tốt nghiệp, người học có thể đảm nhiệm công việc ở vị trí chuyên gia phân tích, đánh giá và tư vấn kế toán, kiểm toán, kiểm soát nội bộ trong các tổ chức/doanh nghiệp/ tập đoàn hoặc cán bộ quản lý bộ phận kế toán, kiểm toán trong các tổ chức/doanh nghiệp/tập đoàn. Người học cũng có thể tiếp tục học tập và nghiên cứu trong chương trình đào tạo bậc tiến sĩ.

### 4.2. Mục tiêu cụ thể

#### ❖ Về kiến thức

- PO1: Cung cấp kiến thức chung liên quan đến lĩnh vực kế toán, kiểm toán trong nền kinh tế hiện đại.

- PO2: Cung cấp kiến thức chuyên sâu về kế toán, kiểm toán.

#### ❖ Về kỹ năng

- PO3: Trang bị các kỹ năng cần thiết cho việc lên kế hoạch, tổ chức triển khai, đánh giá kết quả liên quan đến lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

- PO4: Phát triển tư duy phản biện, làm chủ kiến thức để có thể sử dụng hiệu quả kiến thức chuyên ngành vào thực hiện các công việc cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế tại các doanh nghiệp.

#### ❖ Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm

- PO5: Có khả năng làm việc tự chủ, sáng tạo và hiệu quả; có trách nhiệm với cộng đồng

- PO6: Có thể hướng dẫn người khác tìm hiểu, nghiên cứu về lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

## 5. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PLOs)

Chương trình được thiết kế đảm bảo người học sau khi tốt nghiệp đạt được các chuẩn đầu ra chung của ngành như sau:

#### ❖ Về kiến thức

**PLO1: Đánh giá được** các thông tin, kiến thức một cách có tư duy, logic trong việc giải quyết các vấn đề có liên quan đến hoạt động nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kế toán, kiểm toán.



**PLO2: Đánh giá được** các kiến thức về phương pháp luận khoa học để thiết kế, ứng dụng kết quả vào tổ chức thực hiện các công việc trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

**PLO3: Đánh giá được** các kiến thức lý thuyết, quy định của pháp luật ở các khía cạnh chuyên sâu trong lĩnh vực kế toán để giải quyết các vấn đề thực tiễn của chuyên ngành.

**PLO4: Đề xuất được giải pháp phù hợp** môi trường quốc gia và quốc tế để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn.

#### ❖ Về kỹ năng

**PLO5: Sử dụng được tiếng Anh**, đạt trình độ bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam hoặc tương đương và sử dụng được khoa học công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp kế toán

**PLO6: Hướng dẫn, tổ chức quản trị và đánh giá được** các hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán tại các đơn vị.

**PLO7: Thuần thục** trong phân tích dữ liệu, thực trạng nhằm đánh giá vấn đề cần giải quyết trong thực tiễn.

**PLO8: Sáng tạo** trong đề xuất giải pháp giải quyết các vấn đề trong thực tiễn.

#### ❖ Mức tự chủ và trách nhiệm

**PLO9: Độc lập** trong nghiên cứu; **Có trách nhiệm** với cộng đồng trong nghiên cứu, đề xuất giải pháp hay phản biện giải pháp.

**PL10: Có năng lực dẫn dắt chuyên môn; tự định hướng và hướng dẫn người khác** thực hiện nhiệm vụ trong về lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

### 6. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 61 tín chỉ

| TT | Định hướng ứng dụng                   |           |            |
|----|---------------------------------------|-----------|------------|
|    | Khối lượng kiến thức                  | Tín chỉ   | Tỷ lệ %    |
| 1  | Khối kiến chung                       | 7         | 11,48%%    |
| 2  | Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp | 45        | 73,77%     |
| 3  | Đề án tốt nghiệp                      | 9         | 14,75%     |
|    | <b>Tổng</b>                           | <b>61</b> | <b>100</b> |

### 7. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

#### 7.1. Quy trình đào tạo

- Quy trình đào tạo được theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ được ban hành theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy định về tuyển sinh trình độ thạc sĩ được ban hành theo Quyết định số 1772/QĐ/ĐHTCM-SĐH ngày 15/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing và Quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ được ban hành theo Quyết định số 124/QĐ-ĐHTCM-ĐTSDH ngày 10/01/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing.



- Tiêu chuẩn, trách nhiệm và quyền hạn của giảng viên giảng dạy ở trình độ thạc sĩ phải tuân thủ các quy định hiện hành của Trường và pháp luật, quy định về chuẩn chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định khác có liên quan. Cơ sở đào tạo được tổ chức các lớp học trực tuyến với khối lượng học tập không vượt quá 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; bảo đảm chất lượng không thấp hơn so với các lớp học trực tiếp.

## **7.2. Địa điểm đào tạo**

- Tổ chức đào tạo tại các cơ sở chính thức của Trường Đại học Tài chính – Marketing.  
- Các hoạt động thực hành, thực tập, nghiên cứu và trải nghiệm thực tế được tổ chức ở ngoài Trường nhưng không vượt quá 20% khối lượng chương trình đào tạo theo Thông tư số 23/2021/BGDĐT ban hành ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Trường được tổ chức các lớp học trực tuyến với khối lượng học tập không vượt quá 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; bảo đảm chất lượng không thấp hơn so với các lớp học trực tiếp.

- Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng khác, Trường thực hiện đào tạo các học phần theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

## **7.3. Đơn vị phối hợp đào tạo (nếu có): Không**

## **7.4. Điều kiện tốt nghiệp, bằng cấp và bằng điểm**

### ***a) Điều kiện tốt nghiệp***

- Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ đề án tốt nghiệp đạt yêu cầu, đã hoàn tất việc nộp hồ sơ sau bảo vệ;

- Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

- Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của cơ sở đào tạo; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

### ***b) Cấp bằng, cấp bằng điểm***

Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## **8. TUYỂN SINH**

### **8.1. Chỉ tiêu tuyển sinh**

Theo đề án tuyển sinh hằng năm của Trường Đại học Tài chính – Marketing trên cơ sở năng lực đào tạo của Trường đối với trình độ thạc sĩ ngành Kế toán.

## 8.2. Phương thức tuyển sinh

- Phương thức tuyển sinh trình độ thạc sĩ gồm: xét tuyển đối với trình độ đại học và văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương bậc 3/6 trở lên.

- Các môn xét tuyển bao gồm hai môn cơ sở ngành phù hợp trình độ đại học, cụ thể:

- + Nguyên lý kế toán
- + Kế toán tài chính

*Lưu ý:* Nếu bảng điểm trình độ đại học của người dự tuyển không có học phần Kinh tế học, mà có 2 học phần Kinh tế học vi mô và Kinh tế học vĩ mô thì điểm xét tuyển môn Kinh tế học là trung bình cộng điểm của 2 học phần nói trên. Trường hợp người dự tuyển tốt nghiệp đại học hệ liên thông, nộp kèm bảng điểm hệ cao đẳng.

## 8.3. Chuẩn đầu vào

a) *Yêu cầu về văn bằng:*

Có bằng tốt nghiệp đại học các ngành phù hợp, cụ thể:

- Nhóm 1: có bằng tốt nghiệp đại học ngành Kế toán hoặc ngành Kiểm toán.
- Nhóm 2: các ngành cùng lĩnh vực.
- Nhóm 3: không thuộc Nhóm 1 và Nhóm 2 nhưng có liên quan trực tiếp đến nghiệp vụ chuyên môn của ứng viên.
- Nhóm 4: các trường hợp đặc biệt khác.

Có chứng chỉ bổ sung kiến thức theo quy định tại **Mục 8.5**.

b) *Yêu cầu thâm niên công tác:* Không

c) *Yêu cầu về trình độ ngoại ngữ:*

Được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ (Tiếng Anh) đạt trình độ tương đương Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài.

## 8.4. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi học phần

a) Người học được xem xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ của một số học phần khi đã học một chương trình đào tạo thạc sĩ ngành khác. Các học phần đã học phải có trong chương trình đào tạo thạc sĩ của Trường với số tín chỉ được công nhận và chuyển đổi không vượt quá 30 tín chỉ.

b) Sinh viên Trường Đại học Tài chính – Marketing đang học chương trình đào tạo đại học có học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại khá trở lên được đăng ký học



trước một số học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ tại của Trường với số tín chỉ không vượt quá 15 tín chỉ (Các học phần có dấu (\*) ở Mục 10).

c) Những học phần đã học ở chương trình đại học hoặc chương trình thạc sĩ ngành khác được xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo thạc sĩ khi đáp ứng các điều kiện sau:

- + Cùng nội dung giảng dạy; Đáp ứng chuẩn đầu ra, bằng hoặc lớn hơn khối lượng học tập trong chương trình đào tạo thạc sĩ của Trường;
- + Điểm đánh giá đạt từ điểm C (hoặc quy đổi tương đương) trở lên;
- + Thời điểm hoàn thành không quá 05 năm tính tới thời điểm xét công nhận, chuyển đổi.

#### **8.5. Danh mục các ngành phù hợp (các ngành cùng nhóm ngành)**

- Nhóm 1: đúng ngành, không bổ sung.
- Nhóm 2: ngành gần, bổ sung 02 học phần sau:

| STT         | Môn học           | Số tín chỉ |
|-------------|-------------------|------------|
| 1           | Kinh tế học       | 3          |
| 2           | Kế toán tài chính | 2          |
| <b>Tổng</b> |                   | <b>5</b>   |

- Nhóm 3: ngành khác, bổ sung 04 học phần sau:

| STT         | Môn học           | Số tín chỉ |
|-------------|-------------------|------------|
| 1           | Kinh tế học       | 3          |
| 2           | Kế toán tài chính | 2          |
| 3           | Kế toán quản trị  | 2          |
| 4           | Kiểm toán căn bản | 2          |
| <b>Tổng</b> |                   | <b>9</b>   |

- Nhóm 4: do Hiệu trưởng quyết định trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Tư vấn bổ sung kiến thức. Hội đồng Tư vấn bổ sung kiến thức do Hiệu trưởng quyết định.

### **9. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ VÀ THANG ĐIỂM**

Thang điểm đánh giá kết quả học tập các học phần của học viên theo quy định của Trường và tuân thủ theo Chương III, Điều 7 Mục 6 của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### 10. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

| TT                                                    | Mã học phần                     | Tên học phần<br>(Tiếng Việt)                | Tên học phần<br>(Tiếng Anh)                        | Định hướng ứng dụng |            |    |
|-------------------------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|----------------------------------------------------|---------------------|------------|----|
|                                                       |                                 |                                             |                                                    | Tổng số TC          | Phân bố TC |    |
|                                                       |                                 |                                             |                                                    |                     | NC         | TT |
| 1. Khối kiến chung                                    |                                 |                                             |                                                    | 7                   |            |    |
| 1                                                     | A_KET001                        | Triết học                                   | Philosophy                                         | 4                   |            |    |
| 2                                                     | A_KET002                        | Phương pháp nghiên cứu khoa học             | Research methods for accounting                    | 3                   |            |    |
| 2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp              |                                 |                                             |                                                    | 45                  |            |    |
| 2.1                                                   | Kiến thức bắt buộc              |                                             |                                                    | 36                  |            |    |
| 3                                                     | A_KET003                        | Lý thuyết kế toán                           | Accounting theory                                  | 3                   |            |    |
| 4                                                     | A_KET004                        | Kế toán quản trị nâng cao (*)               | Advanced Management Accounting                     | 3                   |            |    |
| 5                                                     | A_KET005                        | Tài chính công nâng cao (*)                 | Advanced Public Finance                            | 3                   |            |    |
| 6                                                     | A_KET006                        | Kế toán tài chính nâng cao (*)              | Advanced financial accounting                      | 3                   |            |    |
| 7                                                     | A_KET007                        | Quản trị tài chính hiện đại                 | Modern financial management                        | 3                   |            |    |
| 8                                                     | A_KET008                        | Kế toán công nâng cao                       | Advanced public sector accounting                  | 3                   |            |    |
| 9                                                     | A_KET009                        | Kiểm toán và các dịch vụ đảm bảo (*)        | Audit and assurance services                       | 3                   |            |    |
| 10                                                    | A_KET010                        | Trí tuệ nhân tạo trong kế toán và kiểm toán | Artificial intelligence in accounting and auditing | 3                   |            |    |
| 11                                                    | A_KET011                        | Kế toán phát triển bền vững                 | Sustainability accounting                          | 3                   |            |    |
| 12                                                    | A_KET012                        | Phân tích dữ liệu cho kế toán (*)           | Data analytics for accounting                      | 3                   |            |    |
| 13                                                    | A_KET020                        | Chuyên đề thực tế 1                         | Practicum 1                                        | 3                   |            |    |
| 14                                                    | A_KET021                        | Chuyên đề thực tế 2                         | Practicum 2                                        | 3                   |            |    |
| 2.2                                                   | Kiến thức chuyên ngành tự chọn: |                                             |                                                    | 9                   |            |    |
| Chọn: 1 trong 2 định hướng sau (9 tín chỉ 3 học phần) |                                 |                                             |                                                    |                     |            |    |
| A                                                     | Định hướng kế toán doanh nghiệp |                                             |                                                    |                     |            |    |
| 15                                                    | A_KET013                        | Kế toán quản trị chuỗi cung ứng             | Management accounting in supply chains             | 3                   |            |    |



| TT                              | Mã học phần | Tên học phần<br>(Tiếng Việt)           | Tên học phần<br>(Tiếng Anh)               | Định hướng ứng dụng |            |    |
|---------------------------------|-------------|----------------------------------------|-------------------------------------------|---------------------|------------|----|
|                                 |             |                                        |                                           | Tổng số TC          | Phân bố TC |    |
|                                 |             |                                        |                                           |                     | NC         | TT |
| 16                              | A_KET014    | Hệ thống thông tin kế toán nâng cao    | Accounting information Systems            | 3                   |            |    |
| 17                              | A_KET015    | Kế toán quốc tế                        | Advanced international accounting         | 3                   |            |    |
| <i>B Định hướng kiểm toán</i>   |             |                                        |                                           |                     |            |    |
| 18                              | A_KET016    | Kiểm toán nội bộ                       | Internal control and audit                | 3                   |            |    |
| 19                              | A_KET017    | Kiểm toán khu vực công                 | Public sector auditing                    | 3                   |            |    |
| 20                              | A_KET018    | Kế toán điều tra và phát hiện gian lận | Forensic accounting and fraud examination | 3                   |            |    |
| <b>3. Tốt nghiệp</b>            |             |                                        |                                           | <b>9</b>            |            |    |
| 21                              | A_KET019    | Đề án tốt nghiệp                       | Graduation project                        | 9                   |            |    |
| <b>Tổng số tín chỉ khóa học</b> |             |                                        |                                           | <b>61</b>           |            |    |

# **11. MA TRẬN TƯƠNG THÍCH GIỮA HỌC PHẦN, KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC VỚI CĐR CỦA CTĐT**

| STT        | Tên học phần                                 | PLOs |      |      |      |      |      |      |      |      |       |
|------------|----------------------------------------------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|-------|
|            |                                              | PLO1 | PLO2 | PLO3 | PLO4 | PLO5 | PLO6 | PLO7 | PLO8 | PLO9 | PLO10 |
| <b>I</b>   | <b>Kiến thức chung</b>                       |      |      |      |      |      |      |      |      |      |       |
| 1          | Triết học                                    | M    |      |      |      |      |      |      | R    | M    | M     |
| 2          | Phương pháp nghiên cứu khoa học              | M    | M    |      | R    | M    |      | M    | R    | M    | M     |
| <b>II.</b> | <b>Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b> |      |      |      |      |      |      |      |      |      |       |
| <b>2.1</b> | <b>Kiến thức bắt buộc</b>                    |      |      |      |      |      |      |      |      |      |       |
| 3          | Lý thuyết kế toán                            |      |      | M    |      |      | M    |      |      | M    | M     |
| 4          | Kế toán quản trị nâng cao                    |      |      | M    |      |      | M    | R    | M    | M    | M     |
| 5          | Tài chính công nâng cao                      |      |      | A    | M    |      | M    | R    | M    | M    | M     |
| 6          | Kế toán tài chính nâng cao                   |      |      | M    | M    |      |      | R    |      | R    | R     |
| 7          | Quản trị tài chính hiện đại                  |      |      | A    | M    |      | M    | R    | M    | M    | M     |
| 8          | Kế toán công nâng cao                        |      |      | M    | R    |      | R    | M    |      | R    |       |
| 9          | Kiểm toán và các dịch vụ đảm bảo             |      |      | M    |      |      | M    | R    |      | M    | M     |
| 10         | Trí tuệ nhân tạo trong kế toán và kiểm toán  |      |      | A    | M    | M    | M    | R    | M    | M    | M     |

| STT        | Tên học phần                           | PLOs |      |      |      |      |      |      |      |      |       |
|------------|----------------------------------------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|-------|
|            |                                        | PLO1 | PLO2 | PLO3 | PLO4 | PLO5 | PLO6 | PLO7 | PLO8 | PLO9 | PLO10 |
| 11         | Kế toán phát triển bền vững            |      |      | M    | R    |      | R    | R    |      | M    | R     |
| 12         | Phân tích dữ liệu cho kế toán          |      |      | A    | M    | A    | M    | R    | M    | M    | M     |
| 13         | Chuyên đề thực tế 1                    | R    | M    | M    | M    | A    | M    | M    | M    | M    | R     |
| 14         | Chuyên đề thực tế 2                    | R    | M    | M    | M    | A    | M    | M    | M    | M    | R     |
| <b>2.2</b> | <b>Kiến thức chuyên ngành tự chọn</b>  |      |      |      |      |      |      |      |      |      |       |
| <i>A</i>   | <i>Định hướng kế toán doanh nghiệp</i> |      |      |      |      |      |      |      |      |      |       |
| 15         | Kế toán quản trị chuỗi cung ứng        |      |      | M    | M    |      | M    |      | M    | M    | M     |
| 16         | Hệ thống thông tin kế toán nâng cao    |      |      | A    | M    |      | M    | R    | M    | M    | M     |
| 17         | Kế toán quốc tế                        |      |      | M    | R    |      | R    | R    |      | M    | R     |
| <i>B</i>   | <i>Định hướng kiểm toán</i>            |      |      |      |      |      |      |      |      |      |       |
| 18         | Kiểm toán nội bộ                       |      |      | M    | M    |      | M    | R    | M    | M    | M     |
| 19         | Kiểm toán khu vực công                 |      |      | M    | M    |      | M    | R    | M    | M    | M     |
| 20         | Kế toán điều tra và phát hiện gian lận |      |      | M    |      |      | M    | R    |      | M    | M     |
| <b>III</b> | <b>Tốt nghiệp</b>                      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |       |
| 21         | Đề án tốt nghiệp                       | M    | M    | A    | M    | A    | A    | A    | M    | M    | M     |

Ghi chú: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của học phần đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.
- *R (Reinforced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu.
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần phải có.

## 12. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

### 12.1. Phương pháp giảng dạy

#### ❖ Lý thuyết

**Thuyết giảng:** Giảng viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giảng viên là người thuyết trình, diễn giảng. Học viên nghe giảng và ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giảng viên truyền đạt cũng như trao đổi/hỏi lại giảng viên những nội dung chưa rõ.

**Thảo luận/đàm thoại:** Là tiến trình dạy học trong đó giảng viên đưa ra một vấn đề liên quan đến nội dung bài học, học viên nêu quan điểm cá nhân, và giải thích phân tích kỹ để



thuyết phục người nghe về quan điểm của mình. Thông qua hoạt động dạy học này, học viên hình thành các kỹ năng như tư duy phản biện, thương lượng và đưa ra quyết định hay kỹ năng nói trước đám đông.

**Phương pháp dạy học theo nhóm:** Đây là một trong những phương pháp dạy học tích cực được đánh giá cao hiện nay, giúp Người học nâng cao kỹ năng làm việc nhóm, trách nhiệm và khả năng giao tiếp Người học. Giảng viên sẽ giới thiệu về chủ đề, xác định nhiệm vụ chung cho các nhóm, tạo nhóm. Người học sẽ lên kế hoạch cho các công việc cần làm, đặt ra các quy tắc làm việc chung, xử lý các nhiệm vụ được giao và báo cáo kết quả đạt được. Sau đó, các nhóm lần lượt báo cáo kết quả giảng viên sẽ đánh giá kết quả.

**Phương pháp dạy học dựa trên vấn đề:** Mục tiêu của học dựa trên vấn đề (được định nghĩa là việc nghiên cứu có chiều sâu về một chủ đề học tập) là để học nhiều hơn về một chủ đề chứ không phải là chỉ tìm ra những câu trả lời đúng cho những câu hỏi được giảng viên đưa ra. Trong phương pháp học dựa trên vấn đề, Người học vừa nắm được kiến thức mới, vừa nắm được phương pháp lĩnh hội kiến thức đó, phát triển tư duy chủ động, sáng tạo, được chuẩn bị năng lực thích ứng với đời sống xã hội, phát hiện và giải quyết hợp lý các vấn đề nảy sinh.

**Nghiên cứu tình huống:** Yếu tố cấu thành chủ yếu của phương pháp đào tạo mới này dựa trên các tình huống thực tế. Mục đích chính của các tình huống là để miêu tả, trao đổi kinh nghiệm về cách thức giải quyết vấn đề và những mâu thuẫn trong khi thực hiện công việc được giao. Bằng những tình huống khác nhau cần phải giải quyết trong khoảng thời gian định sẵn, người học được đặt vào vị trí cần phải đưa ra quyết định hoặc kêu gọi sự hỗ trợ của các thành viên cùng nhóm để tìm hướng giải quyết hợp lý. Sự đa dạng của các tình huống không chỉ khuyến khích người học phát huy tính chủ động, óc sáng tạo mà còn đem đến sự thoải mái, sảng khoái về mặt tinh thần khi tham dự lớp. Yếu tố này làm người học có thể tiếp thu nội dung kiến thức bài giảng dễ dàng, sâu và nhớ lâu hơn các phương pháp giảng dạy truyền thống.

### ❖ Thực hành

**Thực hành tại lớp học:** Đây là phương pháp giảng viên tổ chức cho người học trực tiếp hoạt động thực hành, thực tiễn thông qua làm các bài tập hoặc thực hành các tình huống trên lớp học để tìm tòi tri thức mới hay vận dụng tri thức vào thực tiễn nhằm củng cố, rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo.

## 12.2. Phương pháp học tập của người học

### ❖ Hướng dẫn tự học

- Giảng viên hướng dẫn, cung cấp tài liệu, các nội dung yêu cầu tự học, thông báo về các tiêu chí đánh giá và yêu cầu về sản phẩm đạt được sau quá trình tự học (báo cáo, thuyết trình, câu hỏi, bài tập...).

- Giảng viên có thể chia nhóm và quy định số lượng thành viên nhóm một cách cụ thể, chỉ định hoặc yêu cầu nhóm chọn ra nhóm trưởng để chịu trách nhiệm về hoạt động nhóm và làm đầu mối thông tin cho giảng viên, kiểm soát việc tự học trong nhóm.

#### ❖ Tự học

- **Trong trường hợp Tự học theo cá nhân:** Người học làm việc theo cá nhân hoặc nhóm theo quy định của giảng viên, tự nghiên cứu bài giảng, thực hiện các yêu cầu của giảng viên về nội dung, sản phẩm cần thực hiện.

- **Trong trường hợp Tự học theo nhóm:**

+ Nhóm trưởng thay mặt nhóm làm việc và chịu trách nhiệm với giảng viên về công việc của nhóm mình; có trách nhiệm phân công công việc và đánh giá hiệu quả công việc của các thành viên trong nhóm.

+ Các nhóm có trách nhiệm nghiên cứu nội dung tự học và hoàn thành các yêu cầu của giảng viên. Các sản phẩm được hoàn thiện và đánh giá theo yêu cầu được giảng viên đề ra từ trước.

### 12.3. Phương pháp hướng dẫn thực hành

Người học thực hành, thực tập tại doanh nghiệp dưới sự hướng dẫn của giảng viên nhằm nhận diện toàn bộ công tác kế toán của doanh nghiệp cũng như vận dụng các lý thuyết, các phương pháp phù hợp để thu thập dữ liệu, phân tích và đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp để đề xuất giải pháp giải quyết các tình huống kế toán trong thực tiễn.

### 12.4. Ma trận liên kết giữa Phương pháp giảng dạy – học tập và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

| Phương pháp giảng dạy – học tập | PLOs      |      |      |      |         |      |      |      |                                |       |
|---------------------------------|-----------|------|------|------|---------|------|------|------|--------------------------------|-------|
|                                 | Kiến thức |      |      |      | Kỹ năng |      |      |      | Mức tự chủ và chịu trách nhiệm |       |
|                                 | PL01      | PL02 | PL03 | PL04 | PL05    | PL06 | PL07 | PL08 | PL09                           | PL010 |
| Thuyết giảng                    | X         | X    | X    | X    |         |      |      |      | X                              |       |
| Thảo luận/đàm thoại             | X         | X    | X    | X    | X       | X    | X    | X    | X                              | X     |
| Phương pháp dạy học theo nhóm   | X         | X    | X    | X    | X       | X    | X    | X    | X                              | X     |
| Phương pháp học dựa trên vấn đề |           |      | X    | X    | X       | X    | X    | X    | X                              | X     |
| Nghiên cứu tình huống           |           |      | X    | X    |         |      | X    | X    | X                              | X     |
| Thực hành tại lớp học           |           |      | X    | X    | X       | X    | X    | X    | X                              | X     |

### 13. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

Phương pháp kiểm tra đánh giá và thang điểm đánh giá thực hiện theo Quy chế tuyển



sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định hiện hành của Trường Đại học Tài chính – Marketing.

### 13.1. Lý thuyết

- + Chuyên cần: Người học phải tham dự các buổi học tại lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- + Kiểm tra thường xuyên: Người học làm các bài kiểm tra cá nhân, bài tập thảo luận nhóm tại lớp.
- + Thi kết thúc học phần: Người học làm bài thi kết thúc học phần có thể là bài thi trắc nghiệm, tự luận hay tiểu luận.

### 13.2. Thực hành

- + Kiểm tra: Người học làm các bài tập thực hành theo yêu cầu và hướng dẫn của giảng viên.
- + Thi kết thúc học phần: Người học báo cáo chuyên đề, báo cáo thực hành, thực tập.

### 13.3. Ma trận mối liên hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

| Phương pháp đánh giá                                                      | PLOs      |      |      |      |         |      |      |      |                           |       |
|---------------------------------------------------------------------------|-----------|------|------|------|---------|------|------|------|---------------------------|-------|
|                                                                           | Kiến thức |      |      |      | Kỹ năng |      |      |      | Mức tự chủ và trách nhiệm |       |
|                                                                           | PLO1      | PLO2 | PLO3 | PLO4 | PLO5    | PLO6 | PLO7 | PLO8 | PLO9                      | PLO10 |
| <b>A. CÁC HỌC PHẦN LÝ THUYẾT, THỰC HÀNH</b>                               |           |      |      |      |         |      |      |      |                           |       |
| <b>Đánh giá quá trình</b>                                                 |           |      |      |      |         |      |      |      |                           |       |
| 1.1 Chuyên cần                                                            |           |      |      |      |         |      |      | X    |                           |       |
| 1.2 Bài tập thảo luận nhóm                                                | X         | X    | X    | X    |         |      | X    | X    | X                         |       |
| 1.3 Kiểm tra cá nhân                                                      | X         | X    | X    | X    | X       |      | X    | X    |                           |       |
| 1.4. Báo cáo chuyên đề                                                    | X         | X    | X    | X    | X       | X    | X    | X    | X                         | X     |
| <b>Đánh giá cuối kỳ</b>                                                   |           |      |      |      |         |      |      |      |                           |       |
| 2.1 Bài thi tự luận                                                       | X         | X    | X    | X    | X       |      | X    |      |                           |       |
| 2.2 Tiểu luận                                                             | X         | X    | X    | X    | X       | X    | X    | X    | X                         | X     |
| <b>B. CÁC HỌC PHẦN THỰC HÀNH, BÀI TẬP TÌNH HUỐNG, LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP</b> |           |      |      |      |         |      |      |      |                           |       |
| Bài thực hành/Bài tập tình huống                                          | X         | X    | X    | X    | X       | X    | X    | X    | X                         | X     |
| Đề án tốt nghiệp                                                          | X         | X    | X    | X    | X       | X    | X    | X    | X                         | X     |

## 14. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kế toán được công khai đối với người học trước khi tuyển sinh và khi bắt đầu khóa học; những thay đổi, điều chỉnh liên quan đến chương

trình đào tạo được thực hiện theo quy định hiện hành và công bố trước khi áp dụng, không gây tác động bất lợi cho người học.

Chương trình đào tạo được thực hiện trong 2 năm. Thời gian tối đa là 4 năm.

Người học được đào tạo theo hình thức tập trung áp dụng Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Trường.

#### 14.1. Tổ chức đào tạo

- Trường tổ chức đào tạo theo hệ thống tín chỉ, đào tạo tín chỉ là phương thức đào tạo theo từng lớp học phần, cho phép người học tích lũy tín chỉ từng học phần và thực hiện chương trình đào tạo theo kế hoạch học tập cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của Trường.

- Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của người học. Một tín chỉ bằng 50 giờ bao gồm cả học lý thuyết, thực hành, thực tập và tự học.

#### 14.2. Kế hoạch đào tạo

##### Năm 1

| STT | HỌC PHẦN                                    | TC        | HỌC PHẦN<br>HỌC TRƯỚC | GHI<br>CHÚ |
|-----|---------------------------------------------|-----------|-----------------------|------------|
| 1   | Triết học                                   | 4         |                       |            |
| 2   | Phương pháp nghiên cứu khoa học             | 3         |                       |            |
| 3   | Lý thuyết kế toán                           | 3         |                       |            |
| 4   | Kế toán quản trị nâng cao                   | 3         |                       |            |
| 5   | Tài chính công nâng cao                     | 3         |                       |            |
| 6   | Kế toán tài chính nâng cao                  | 3         |                       |            |
| 7   | Quản trị tài chính hiện đại                 | 3         |                       |            |
| 8   | Kế toán công nâng cao                       | 3         |                       |            |
| 9   | Kiểm toán và các dịch vụ đảm bảo            | 3         |                       |            |
| 10  | Trí tuệ nhân tạo trong kế toán và kiểm toán | 3         |                       |            |
| 11  | Kế toán phát triển bền vững                 | 3         |                       |            |
| 12  | Phân tích dữ liệu cho kế toán               | 3         |                       |            |
|     | <b>Tổng</b>                                 | <b>37</b> |                       |            |

##### Năm 2

| STT | HỌC PHẦN            | TC | HỌC PHẦN<br>HỌC TRƯỚC | GHI<br>CHÚ |
|-----|---------------------|----|-----------------------|------------|
| 13  | Chuyên đề thực tế 1 | 3  |                       |            |



| STT | HỌC PHẦN                                                     | TC        | HỌC PHẦN<br>HỌC TRƯỚC         | GHI<br>CHÚ |
|-----|--------------------------------------------------------------|-----------|-------------------------------|------------|
|     | <b>Chọn: 1 trong 2 định hướng sau (9 tín chỉ 3 học phần)</b> |           |                               |            |
|     | <b><i>Định hướng kế toán doanh nghiệp</i></b>                |           |                               |            |
| 14  | Kế toán quản trị chuỗi cung ứng                              | 3         |                               |            |
| 15  | Hệ thống thông tin kế toán nâng cao                          | 3         |                               |            |
| 16  | Kế toán quốc tế                                              | 3         |                               |            |
|     | <b><i>Định hướng kiểm toán</i></b>                           |           |                               |            |
| 17  | Kiểm toán nội bộ                                             | 3         |                               |            |
| 18  | Kiểm toán khu vực công                                       | 3         |                               |            |
| 19  | Kế toán điều tra và phát hiện gian lận                       | 3         |                               |            |
| 20  | Chuyên đề thực tế 2                                          | 3         |                               |            |
|     | <b>Tốt nghiệp</b>                                            |           |                               |            |
| 21  | Đề án tốt nghiệp                                             | 9         | Các học phần của chương trình |            |
|     | <b>Tổng</b>                                                  | <b>24</b> |                               |            |

## B. MÔ TẢ TÓM TẮT CÁC HỌC PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 1. Triết học Tín chỉ: 4

- Học phần học trước: Không
- Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- Mục tiêu của học phần: củng cố kiến thức triết học cho công việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực kinh doanh và quản lý nói chung và kế toán nói riêng; nâng cao nhận thức cơ sở triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới. Hoàn thiện và nâng cao kiến thức triết học trong chương trình Lý luận chính trị ở bậc đại học nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo các chuyên ngành khoa học xã hội – nhân văn ở trình độ sau đại học. Nâng cao nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.

- Nội dung của học phần: Học phần được cấu trúc thành 8 chương, gồm những nội dung khái quát lịch sử triết học phương Đông, phương Tây và tư tưởng triết học Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử; Nội dung về bản thể luận, nhận thức luận, phép biện chứng, ý thức xã hội, và hình thành kinh tế - xã hội trong triết học Mác-Lênin; Các phương pháp luận về mặt triết học và sự vận dụng chúng trong thực tiễn cuộc sống, trong việc giải quyết các vấn đề cấp thiết như đổi mới chính trị, xây dựng nhà nước pháp quyền, phát huy dân chủ và phát triển con người, xây dựng nền tảng tinh thần xã hội và định hướng con đường đi lên chủ nghĩa xã hội phù hợp với đặc thù của Việt Nam.

- Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(R), PLO6(M), PLO8(M), PLO10(M).

## 2. Phương pháp nghiên cứu khoa học

Tín chỉ: 3

- Học phần học trước: Không
- Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:
  - Mục tiêu của học phần: Học phần này hướng đến cung cấp các kiến thức các kiến thức cơ bản về Tổng quan nghiên cứu khoa học, Phương pháp nghiên cứu định tính, Phương pháp nghiên cứu định lượng; Một số mô hình định lượng ứng dụng trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, kế toán và quản trị kinh doanh.
  - Tóm tắt nội dung: Học phần cung cấp các phương pháp nghiên cứu ứng dụng trong khoa học kinh tế, khoa học xã hội, tài chính, ngân hàng, kế toán, áp dụng cụ thể vào việc nghiên cứu theo nhóm hay nghiên cứu cá nhân, từ đó người học có đủ nền tảng kiến thức để tiến hành thực hiện luận văn thạc sĩ hay các đề tài nghiên cứu khác. Học phần cũng cung cấp những kiến thức về bản chất của quá trình nghiên cứu, các bước thiết kế nghiên cứu, cách thức tìm kiếm và xác định vấn đề nghiên cứu, cách tổng quan tài liệu, xây dựng hệ thống phương pháp nghiên cứu cụ thể cho luận văn, đề tài, cách thức thu thập và xử lý số liệu (cơ bản), cách viết đề cương nghiên cứu và viết báo cáo nghiên cứu.
- Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(M), PLO2(M), PLO4(R), PLO5(M), PLO7(M), PLO8(R), PLO9(M), PLO10(M).

## 3. Lý thuyết kế toán

Tín chỉ: 3

- Học phần học trước: Không
- Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:
  - Mục tiêu của học phần: Học phần Lý thuyết kế toán trang bị cho người học hệ thống kiến thức cần thiết để vận dụng hiệu quả các lý thuyết và quan điểm kế toán vào thực tiễn nghề nghiệp. Nội dung học phần giúp người học hiểu và áp dụng các mô hình định giá, các lý thuyết lập quy, chuẩn mực kế toán và khuôn mẫu kế toán vào quá trình ghi nhận, trình bày và phân tích thông tin kế toán tại các đơn vị. Bên cạnh đó, việc tìm hiểu các vấn đề kế toán đương đại và xu hướng hài hòa kế toán quốc tế hỗ trợ người học xử lý các tình huống kế toán thực tế trong bối cảnh hội nhập. Qua học phần, người học phát triển năng lực phân tích, đánh giá và sử dụng thông tin kế toán một cách khoa học nhằm phục vụ cho công tác kế toán tài chính, kế toán quản trị, hệ thống thông tin kế toán và kế toán công trong thực tiễn.
  - Tóm tắt nội dung: Học phần Lý thuyết kế toán được xây dựng gồm 5 chương, định hướng giúp người học hiểu bản chất lý thuyết và vận dụng vào thực tiễn nghề kế toán – kiểm toán. Nội dung cụ thể liên quan đến: Tổng quan lý thuyết kế toán trong thực tiễn, các vấn đề nghiên cứu cơ bản và chuyên sâu gắn với thực hành kế toán, Ứng dụng khuôn mẫu lý thuyết kế toán, định giá trong kế toán theo hướng ứng dụng, trình bày các phương pháp



định giá đang được doanh nghiệp sử dụng (giá gốc, giá trị hợp lý, giá trị thuần có thể thực hiện...), phân tích cách áp dụng trong các giao dịch phổ biến và đánh giá tác động của từng phương pháp tới báo cáo tài chính, phương pháp nghiên cứu trong kế toán phục vụ giải quyết vấn đề thực tiễn.

- Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3(M), PLO6(M), PLO9(M), PLO10(M).

#### **4. Kế toán quản trị nâng cao** **Tín chỉ: 3**

- Học phần học trước: Không
- Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

- Mục tiêu của học phần: Học phần nhằm trang bị cho học viên kiến thức chuyên sâu và hiện đại, giúp phát triển năng lực tư duy phản biện và kỹ năng vận dụng các công cụ kế toán quản trị hiện đại vào thực tiễn. Sau khi hoàn thành học phần, học viên có khả năng phân tích dữ liệu, kiểm soát chi phí chiến lược, xây dựng dự toán, và đánh giá thành quả thông qua các công cụ nâng cao như ABC, BSC.

- Tóm tắt nội dung: Học phần Kế toán quản trị nâng cao bao gồm 5 chương: Tổng quan về kế toán quản trị hiện đại và chi phí chiến lược; Hệ thống chi phí trên cơ sở hoạt động; Dự toán toàn diện và phân tích kết quả hoạt động; Thẻ điểm cân bằng (BSC) và hệ thống đánh giá thành quả; Phân tích dữ liệu và kỹ thuật dự báo.

- Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3(M), PLO6(M), PLO7(R), PLO8(M), PLO9(M), PLO10(M).

#### **5. Tài chính công nâng cao** **Tín chỉ: 3**

- Học phần học trước: Không
- Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

- Mục tiêu của học phần: Học phần được xây dựng nhằm trang bị cho người học kiến thức chuyên sâu về lý thuyết và thực tiễn quản lý tài chính công, bao gồm thuế, chi tiêu công, và nợ công. Hiểu rõ các công cụ tài chính công và chính sách tài khóa nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và duy trì ổn định kinh tế vĩ mô. Phân tích, đánh giá hiệu quả các chính sách tài chính công trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế. Đồng thời phát triển kỹ năng phân tích và đánh giá chính sách tài chính công dựa trên các mô hình định lượng và phương pháp nghiên cứu hiện đại. Rèn luyện tư duy phản biện và khả năng đưa ra các giải pháp sáng tạo để giải quyết các thách thức tài chính công.

- Tóm tắt nội dung: Học phần "Tài chính công nâng cao" nghiên cứu chuyên sâu các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến tài chính công trong quản trị nhà nước hiện đại. Nội dung học phần bao gồm phân tích hệ thống thuế và chi tiêu công, các chiến lược quản lý nợ công bền vững, và các mô hình cải cách tài chính công. Đặc biệt, học phần tập trung vào vai trò và các công cụ của tài chính công trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo công bằng và hiệu quả trong bối cảnh toàn cầu hóa.

- Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3(A), PLO4(M), PLO6(M), PLO7(R), PLO8(M), PLO9(M), PLO10(M).

## **6. Kế toán tài chính nâng cao**

**Tín chỉ: 3**

- Học phần học trước: Không
- Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

- Mục tiêu của học phần: Học phần nhằm trang bị cho học viên năng lực vận dụng hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán Việt Nam để tổ chức kế toán đầu tư tài chính, lập và giải trình báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất của doanh nghiệp, tập đoàn. Sau khi hoàn thành học phần, học viên có thể áp dụng thành thạo các kỹ thuật hợp nhất, xử lý giao dịch nội bộ và mô hình sở hữu phức tạp, phân tích số liệu hợp nhất phục vụ ra quyết định quản trị, kiểm toán, tư vấn trong doanh nghiệp Việt Nam.

- Tóm tắt nội dung: Học phần tập trung vào việc vận dụng chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam để kế toán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, thực hiện hợp nhất kinh doanh và lập báo cáo tài chính hợp nhất đầy đủ biểu mẫu. Các nội dung trọng tâm gồm: lập bảng làm việc hợp nhất, thực hiện các bút toán loại trừ đầu tư và giao dịch nội bộ, xác định lợi ích cổ đông không kiểm soát, xử lý các trường hợp sở hữu phức tạp và các vấn đề thuế TNDN trong hợp nhất, thông qua tình huống mô phỏng của doanh nghiệp, tập đoàn tại Việt Nam.

- Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3(M), PLO4(M), PLO7(R), PLO9(R), PLO10(R).

## **7. Quản trị tài chính hiện đại**

**Tín chỉ: 3**

- Học phần học trước: Không
- Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

- Mục tiêu của học phần: Học phần hướng đến việc giúp người học áp dụng hiệu quả các lý thuyết tài chính vào thực tế doanh nghiệp, từ việc phân tích và tối ưu hóa cơ cấu vốn, đặc điểm tài chính công ty đa quốc gia, đến xây dựng các chiến lược quản trị tài chính phù hợp với bối cảnh kinh tế. Người học sẽ phát triển khả năng sử dụng các công cụ công nghệ và kỹ thuật phân tích hiện đại để giải quyết các thách thức tài chính, nâng cao năng lực quản trị và đóng góp vào sự thành công của doanh nghiệp trong môi trường cạnh tranh.

- Tóm tắt nội dung: Học phần "Quản trị tài chính hiện đại" tập trung trang bị cho người học kiến thức cốt lõi và kỹ năng thực hành trong quản trị tài chính doanh nghiệp. Nội dung học phần bao gồm các lý thuyết tài chính, các phương pháp phân tích cơ cấu vốn và giá trị doanh nghiệp, xây dựng chính sách cổ tức, và thực hành quản trị tài chính ở công ty đa quốc gia. Bên cạnh đó, học phần hướng dẫn người học cách ứng dụng các công cụ công nghệ hiện đại như phần mềm tài chính, phân tích dữ liệu, và hệ thống quản trị thông minh để hỗ trợ ra quyết định tài chính trong thực tiễn.

- Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3(A), PLO4(M), PLO6(M),



PLO7(R), PLO8(M), PLO9(M), PLO10(M).

### **8. Kế toán công năng cao**

**Tín chỉ: 3**

- Học phần học trước: Lý thuyết kế toán
- Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

- Mục tiêu của học phần: Sau khi học xong học phần này người học sẽ nắm vững các kiến thức chuyên sâu về khung khái niệm, chuẩn mực kế toán công quốc tế (IPSAS), chuẩn mực kế toán công Việt Nam (VPSAS), chế độ kế toán Việt Nam, môi trường thể chế và khung pháp lý Việt Nam trong lĩnh vực kế toán công để thực hiện xét đoán chuyên môn và xử lý các tình huống tài chính phức tạp tuân thủ theo các quy định hiện hành. Học phần cũng giúp người học tổ chức, thiết kế, vận hành các quy định về kế toán công phù hợp theo từng loại hình đơn vị đồng thời, người học phát triển kỹ năng lập, tổng hợp và phân tích Báo cáo tài chính nhà nước nhằm tham mưu hiệu quả cho công tác quản lý tài chính công.

- Tóm tắt nội dung: Học phần trang bị kiến thức chuyên sâu và năng lực nghề nghiệp của người làm kế toán trong lĩnh vực kế toán công, gồm: bản chất, môi trường pháp lý và các đặc điểm quản lý tài chính công; kỹ năng vận dụng Khung khái niệm và Chuẩn mực kế toán công quốc tế (IPSAS) trong xét đoán chuyên môn; kỹ thuật xử lý nghiệp vụ theo Chuẩn mực Kế toán công Việt Nam (VPSAS); thiết kế và tổ chức hệ thống thông tin kế toán theo Chế độ kế toán hiện hành phù hợp với đa dạng loại hình đơn vị; cũng như quy trình tổng hợp dữ liệu và lập Báo cáo tài chính nhà nước.

- Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3(M), PLO4(R), PLO6(R), PLO7(M), PLO9(R).

### **9. Kiểm toán và các dịch vụ đảm bảo**

**Tín chỉ: 3**

- Học phần học trước: Không
- Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

- Mục tiêu của học phần: Học phần trang bị cho học viên nền tảng và kiến thức chuyên sâu về kiểm toán hiện đại và các dịch vụ đảm bảo trong bối cảnh chuyển đổi số. Trọng tâm bao gồm: bản chất kiểm toán độc lập; khung chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và quốc tế; rủi ro kiểm toán; thu thập và đánh giá bằng chứng kiểm toán trong môi trường số; hệ thống kiểm soát nội bộ theo COSO; kiểm toán dựa trên rủi ro; quản lý chất lượng và kiểm soát chất lượng kiểm toán; trách nhiệm pháp lý và đạo đức nghề nghiệp; sự mở rộng của các dịch vụ đảm bảo (ESG Assurance, Sustainability Assurance, dịch vụ đảm bảo phi tài chính). Học phần giúp học viên phát triển năng lực phân tích, đánh giá và ra quyết định trong xử lý các tình huống kiểm toán thực tiễn, đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp tại các doanh nghiệp, công ty kiểm toán, tổ chức tư vấn, cơ quan công.

- Tóm tắt nội dung: Học phần được cấu trúc thành 5 chương gồm các nội dung từ tổng quan về kiểm toán, thu thập và đánh giá bằng chứng trong môi trường số, ứng dụng kiểm soát nội bộ trong kiểm toán; chất lượng và kiểm soát chất lượng kiểm toán và đề cập đến

tâm lý học trong kiểm toán hiện đại.

Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3(M), PLO6(M), PLO7(R), PLO9(M), PLO10(M).

#### **10. Trí tuệ nhân tạo trong kế toán và kiểm toán**

**Tín chỉ: 3**

- Học phần học trước: Không
- Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

- Mục tiêu của học phần: Sau khi học xong học phần này, người học có khả năng vận dụng các mô hình trí tuệ nhân tạo (AI) để phân tích quy trình chuyển đổi từ dữ liệu thô sang tri thức hỗ trợ ra quyết định thông qua các công cụ như khai phá dữ liệu và học máy. Đồng thời người học có năng lực đánh giá các tiêu chuẩn về AI đáng tin cậy, bao gồm: tính công bằng, khả năng giải thích và quyền riêng tư để xử lý các vấn đề đạo đức trong môi trường số; Phân tích sâu sắc các cơ hội và thách thức khi ứng dụng AI trong các phân hệ: Kế toán tài chính, Kế toán quản trị, Quản trị rủi ro và Kiểm toán. Hình thành tư duy chiến lược về sự kết hợp giữa tự động hóa và hiệu quả công việc kế toán, kiểm toán, từ đó xây dựng tính tự chủ và khả năng thích ứng trong bối cảnh nghề nghiệp kế toán - kiểm toán đang thay đổi mạnh mẽ.

- Tóm tắt nội dung: Học phần này trang bị kiến thức lý luận chuyên sâu và tư duy hệ thống về ứng dụng Trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực Kế toán và Kiểm toán, bao gồm: Cơ sở lý luận về dữ liệu; Nền tảng công nghệ và Quy trình ra quyết định; Đạo đức và Quản trị AI; Ứng dụng trong Kế toán tài chính, Kế toán quản trị, Kiểm toán.

- Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3(A), PLO4(M), PLO5(M), PLO6(M), PLO7(R), PLO8(M), PLO9(M), PLO10(M).

#### **11. Kế toán phát triển bền vững**

**Tín chỉ: 3**

- Học phần học trước: Không
- Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

- Mục tiêu của học phần: Học phần cung cấp nền tảng lý luận chuyên sâu và phương pháp luận để người học có khả năng thực hiện các nghiên cứu về kế toán và báo cáo phát triển bền vững. Mục tiêu trọng tâm là giúp người học vận dụng các lý thuyết nền tảng (như Lý thuyết các bên liên quan, Lý thuyết tính hợp pháp, Lý thuyết thể chế) để giải thích động cơ và các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi công bố thông tin ESG của doanh nghiệp. Học phần cũng trang bị năng lực phân tích phê phán đối với các khung khổ báo cáo toàn cầu (GRI, SASB, IFRS, TCFD) và đánh giá tác động của việc áp dụng các kỹ thuật kế toán quản trị môi trường đến hiệu quả tài chính và phi tài chính của tổ chức. Từ đó, người học có thể xác định các vấn đề nghiên cứu cấp thiết, xây dựng giả thuyết và khung phân tích liên quan đến chất lượng thông tin, quản trị rủi ro khí hậu và tài chính xanh.

- Tóm tắt nội dung: Học phần được cấu trúc theo các hướng nghiên cứu chính: (1) Cơ sở lý thuyết và động cơ công bố: Nghiên cứu các lý thuyết (Stakeholder, Legitimacy,



Institutional, Agency, Signaling ) để giải thích sự khác biệt trong thực hành báo cáo giữa các quốc gia và ngành nghề; (2) Đo lường và Chuẩn mực: Phân tích so sánh và đánh giá tính phù hợp của các khung khổ báo cáo (GRI, SASB, IFRS ), các vấn đề về trọng yếu (materiality) và phương pháp đo lường hiệu quả hoạt động bền vững trong nghiên cứu thực nghiệm; (3) Kế toán quản trị cho sự bền vững: Nghiên cứu tác động của việc áp dụng các công cụ như Chi phí dựa trên hoạt động (ABC) cho môi trường, Chi phí vòng đời (LCC), và Chi phí dòng nguyên liệu (MFCA) đối với việc ra quyết định quản trị; (4) Đảm bảo và Quản trị: Các chủ đề nghiên cứu về các nhân tố thúc đẩy việc áp dụng dịch vụ đảm bảo (Sustainability Assurance ), mối quan hệ giữa quản trị công ty và chất lượng báo cáo; (5) Các chủ đề nghiên cứu mới: Kế toán cho biến đổi khí hậu, đa dạng sinh học, tài chính xanh (Green Bonds, Green Loans ) và tác động của việc tích hợp SDGs vào chiến lược doanh nghiệp.

- Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3(M), PLO4(R), PLO6(R), PLO7(R), PLO9(M), PLO10(R).

## **12. Phân tích dữ liệu cho kế toán**

**Tín chỉ: 3**

- Học phần học trước: Không
- Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

- Mục tiêu của học phần: Sau khi kết thúc học phần, người học có khả năng khai thác và quản trị dữ liệu kế toán để hỗ trợ hiệu quả quá trình ra quyết định chiến lược. Người học ứng dụng thành thạo các công cụ phân tích hiện đại (Business Intelligence tools) để giải quyết các bài toán quản trị thực tiễn trong kỷ nguyên chuyển đổi số; đồng thời đánh giá được mô hình dữ liệu kinh doanh, chuyển hóa dữ liệu thành thông tin quản trị (Insights) và đề xuất các giải pháp tối ưu hóa hoạt động.

- Tóm tắt nội dung: Học phần trang bị tư duy phân tích dữ liệu (Data-driven mindset) và kỹ năng thực hành chuyên sâu trên các phần mềm phân tích hiện đại. Thông qua việc ứng dụng công nghệ, học viên có khả năng tổ chức, xử lý dữ liệu kế toán nhằm nhận diện rủi ro và phát hiện các dấu hiệu gian lận tiềm tàng. Nội dung học phần đặc biệt nhấn mạnh kỹ năng trực quan hóa dữ liệu (Data Visualization) và thiết kế hệ thống báo cáo quản trị thông minh (Dashboards), giúp nhà quản lý nắm bắt thông tin nhanh chóng và nâng cao hiệu quả điều hành doanh nghiệp.

- Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3(A), PLO4(M), PLO5(A), PLO6(M), PLO7(R), PLO8(M), PLO9(M), PLO10(M).

## **13. Chuyên đề thực tế 1**

**Tín chỉ: 3**

- Học phần học trước: Các học phần bắt buộc
- Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

- Mục tiêu của học phần: Học phần này giúp người học áp dụng các lý thuyết kế toán vào thực tiễn nghề nghiệp, qua đó phân tích và sử dụng thông tin kế toán – kiểm toán để

giải quyết hiệu quả các vấn đề phát sinh trong môi trường làm việc. Người học có thể vận dụng kiến thức chuyên môn để thu thập, tổng hợp và phân tích dữ liệu kế toán – tài chính của tổ chức bằng các công cụ phù hợp, hỗ trợ quá trình ra quyết định và nâng cao hiệu quả công tác kế toán.

- Tóm tắt nội dung: Học phần giúp người học vận dụng kiến thức liên ngành và kiến thức kế toán đã được học vào thực tế tại đơn vị. Người học được hướng dẫn các phương pháp tiếp cận, phân tích và đánh giá hoạt động sản xuất – kinh doanh của doanh nghiệp thông qua những tình huống thực tiễn đa dạng. Bên cạnh đó, học viên có thể sử dụng các công cụ phù hợp để phân tích và xử lý các vấn đề thực tế phát sinh trong doanh nghiệp. Qua quá trình này, người học hình thành năng lực thích ứng với sự thay đổi của nghề nghiệp và sự phát triển của công nghệ trong tương lai.

• Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(R), PLO2(M), PLO3(M), PLO4(M), PLO5(M), PLO6(M), PLO7(M), PLO8(M), PLO9(M), PLO10(R).

#### **14. Chuyên đề thực tế 2**

**Tín chỉ: 3**

- Học phần học trước: Các học phần tự chọn
- Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

- Mục tiêu của học phần: Sau khi hoàn thành học phần, người học có khả năng vận dụng các kiến thức chuyên sâu về kế toán, kiểm toán thuộc nhóm kiến thức tự chọn để thu thập, xử lý dữ liệu thực tế tại các doanh nghiệp, tổ chức. Từ đó người học phân tích, đánh giá những ưu điểm, hạn chế còn tồn đọng, lý giải nguyên nhân của những hạn chế đó đồng thời đề xuất các giải pháp để hoàn thiện. Hình thành tính tự chủ, chịu trách nhiệm, độc lập trong xử lý các vấn đề về chuyên môn cũng như chịu được áp lực trong môi trường kinh doanh nhiều thử thách hiện nay.

- Tóm tắt nội dung: Học phần này giúp người học vận dụng các kiến thức chuyên sâu về kế toán, kiểm toán thuộc nhóm Kiến thức tự chọn để nghiên cứu, phân tích các xử lý, ghi nhận và cung cấp thông tin thực tế về kế toán, kiểm toán tại các doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị, tổ chức. Qua đó, người học đánh giá được các ưu điểm, hạn chế đang tồn tại trong quá trình xử lý công việc của người làm kế toán, kiểm toán nhằm đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện các hạn chế đó. Học phần này giúp người học có được những kiến thức và kỹ năng cần thiết để thực hiện Đề án tốt nghiệp.

• Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo : PLO1(R), PLO2(M), PLO3(M), PLO4(M), PLO5(M), PLO6(M), PLO7(M), PLO8(M), PLO9(M), PLO10(R).

#### **15. Kế toán quản trị chuỗi cung ứng**

**Tín chỉ: 3**

- Học phần học trước: Không
- Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

- Mục tiêu của học phần: Học phần Kế toán quản trị chuỗi cung ứng nhằm trang bị cho học viên kiến thức chuyên sâu về ứng dụng kế toán quản trị trong thiết kế, vận hành và tối



ưu hóa chuỗi cung ứng hiện đại. Học phần hướng đến phát triển năng lực phân tích, ra quyết định quản trị dựa trên dữ liệu, và tăng cường khả năng vận dụng công cụ kế toán quản trị vào giải quyết các vấn đề thực tiễn trong chuỗi cung ứng doanh nghiệp hiện đại.

- Tóm tắt nội dung: Học phần giúp học viên hiểu và vận dụng các nội dung gồm: tổng quan chuỗi cung ứng và kế toán quản trị; phân tích và đo lường chi phí chuỗi; quản trị tồn kho và mô hình định lượng; ra quyết định nội bộ hóa hay thuê ngoài và định giá chuyển giao; đo lường hiệu quả chuỗi cung ứng; quản trị rủi ro; phát triển chuỗi cung ứng bền vững và ESG; ứng dụng công nghệ số trong theo dõi và kiểm soát chi phí; cùng với thực hành phân tích tình huống (case study).

• Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3(M), PLO4(M), PLO6(M), PLO8(M), PLO9(M), PLO10(M).

### **16. Hệ thống thông tin kế toán nâng cao**

**Tín chỉ: 3**

• Học phần học trước: Không

• Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

- Mục tiêu của học phần: Sau khi kết thúc học phần, người học có khả năng thiết kế, tổ chức và vận hành hệ thống kiểm soát thông tin kế toán trên nền tảng công nghệ hiện đại. Bên cạnh năng lực phân tích và ra quyết định đối với quy trình tạo lập, xử lý và khai thác thông tin nhằm tối ưu hóa hệ thống, người học còn có khả năng ứng dụng các giải pháp kỹ thuật cập nhật để quản trị hệ thống, đảm bảo an toàn và bảo mật dữ liệu kế toán..

- Tóm tắt nội dung: Học phần cung cấp bức tranh toàn cảnh về quản trị an toàn thông tin kế toán, trang bị kỹ năng xác định và xử lý các rủi ro vận hành thực tế. Nội dung tập trung vào việc xây dựng các giải pháp kiểm soát nội bộ nhằm giảm thiểu rủi ro trong các chu trình kinh doanh. Học phần hướng dẫn phương pháp lựa chọn công nghệ phù hợp để triển khai, nâng cấp hệ thống, đồng thời rèn luyện kỹ năng đánh giá hiệu năng hệ thống hiện tại nhằm xây dựng giải pháp tổ chức hệ thống thông tin kế toán phù hợp với chiến lược hoạt động của doanh nghiệp.

• Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3(A), PLO4(M), PLO6(M), PLO7(R), PLO8(M), PLO9(M), PLO10(M).

### **17. Kế toán quốc tế**

**Tín chỉ: 3**

• Học phần học trước: Không

• Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

- Mục tiêu của học phần: Học phần nhằm trang bị cho học viên thạc sĩ ngành Kế toán kiến thức chuyên sâu về kế toán quốc tế, tập trung vào việc vận dụng IFRS và các chuẩn mực liên quan để lập, trình bày, phân tích và so sánh báo cáo tài chính của doanh nghiệp, tập đoàn trong môi trường kinh doanh toàn cầu và số hóa. Sau khi hoàn thành học phần, học viên có khả năng tham gia tư vấn, tổ chức hệ thống kế toán, hỗ trợ ra quyết định tài

chính, tư vấn chuyển đổi sang IFRS tại doanh nghiệp, tổ chức tài chính và cơ quan quản lý.

- Tóm tắt nội dung: Học phần tập trung vào vận dụng chuẩn mực và xử lý tình huống thực tiễn, được cấu trúc thành 6 phần chính, gồm những nội dung về khung cảnh kế toán quốc tế, khái niệm, phạm vi, nguyên nhân và phân loại khác biệt báo cáo tài chính, sự hình thành, phát triển và xu hướng hội tụ chuẩn mực; Báo cáo tài chính tập đoàn niêm yết theo IFRS/US GAAP, bối cảnh pháp lý, nội dung cốt lõi và cách áp dụng IFRS, đặc điểm báo cáo theo US GAAP; Báo cáo tài chính tại một số quốc gia (Trung Quốc, Nhật Bản, châu Âu) về môi trường thể chế, chuẩn mực và thực hành báo cáo; Báo cáo tài chính doanh nghiệp riêng lẻ và khu vực phi niêm yết, chuẩn mực cho doanh nghiệp chưa niêm yết, quá trình chuyển đổi, hài hòa kế toán; Kế toán hợp nhất và tập đoàn đa quốc gia, nguyên tắc hợp nhất, xử lý giao dịch nội bộ, lợi ích không kiểm soát, chênh lệch tỷ giá, báo cáo bộ phận; Các vấn đề về giám sát và cưỡng chế tuân thủ, vai trò kiểm toán quốc tế, cơ chế thực thi chuẩn mực, mối liên hệ với quản trị công ty, chất lượng báo cáo và giá trị doanh nghiệp.

• Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3(M), PLO4(R), PLO6(R), PLO7(R), PLO9(M), PLO10(R).

### **18. Kiểm toán nội bộ                      Tín chỉ: 3**

- Học phần học trước: Không
- Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

- Mục tiêu của học phần: trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu và năng lực phân tích, đánh giá, thiết kế hệ thống kiểm soát nội bộ và hoạt động kiểm toán nội bộ hiện đại. Vì vậy, sau khi hoàn thành học phần này người học có thể hiểu và phân tích sâu vai trò chiến lược của kiểm toán nội bộ trong khung quản trị doanh nghiệp hiện đại, đánh giá hiệu quả hệ thống kiểm soát nội bộ dựa trên mô hình COSO và chuẩn mực nghề nghiệp kiểm toán nội bộ quốc tế, thiết kế quy trình kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp/đơn vị dựa trên đánh giá rủi ro.

- Tóm tắt nội dung: Học phần được thiết kế với các khối kiến thức tổng quan về kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp hiện đại; hệ thống kiểm soát nội bộ trong khung COSO và các chuẩn mực nghề nghiệp quốc tế; quản trị rủi ro doanh nghiệp và quy trình kiểm toán nội bộ dựa trên đánh giá rủi ro.

• Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3(M), PLO4(M), PLO6(M), PLO7(R), PLO8(M), PLO9(M), PLO10(M).

### **19. Kiểm toán khu vực công                      Tín chỉ: 3**

- Học phần học trước: Không
- Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

- Mục tiêu của học phần: trang bị cho người học khối kiến thức chuyên sâu trong kiểm toán khu vực công theo chuẩn mực kiểm toán quốc tế và Việt Nam, đạo đức nghề nghiệp



kiểm toán; đặc điểm tài chính công, mô hình tổ chức và vai trò của các cơ quan kiểm toán tối cao (SAI), bao gồm kiểm toán nhà nước Việt Nam; các kỹ năng phân tích rủi ro, đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ, thiết kế và thực hiện các thủ tục kiểm toán tài chính, kiểm toán tuân thủ và kiểm toán hoạt động theo các chuẩn mực kiểm toán quốc tế và Việt Nam.

- Tóm tắt nội dung: Học phần tập trung vào các khối kiến thức: tổng quan về khu vực công và kiểm toán khu vực công; hệ thống chuẩn mực và nguyên tắc kiểm toán khu vực công; mô hình tổ chức kiểm toán khu vực công (SAI); kiểm toán tuân thủ và pháp lý trong khu vực công; kiểm toán tài chính khu vực công; và kiểm toán hoạt động và đánh giá 3E (tính kinh tế, tính hiệu quả, tính hiệu lực) trong khu vực công.

• Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3(M), PLO4(M), PLO6(M), PLO7(R), PLO8(M), PLO9(M), PLO10(M).

## **20. Kế toán điều tra và phát hiện gian lận**

**Tín chỉ: 3**

- Học phần học trước: Không
- Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

- Mục tiêu của học phần: Học phần trang bị cho học viên trình độ thạc sĩ ngành Kế toán hệ thống kiến thức và kỹ năng thực tiễn chuyên sâu về kế toán điều tra và phát hiện gian lận, tập trung vào nhận diện hành vi gian lận, cơ chế kiểm soát, quy trình điều tra và các kỹ thuật phân tích dữ liệu hỗ trợ phát hiện bất thường trong thông tin kế toán – tài chính. Trên cơ sở đó, học viên hình thành năng lực áp dụng các công cụ, phương pháp và quy trình nghiệp vụ để phân tích, điều tra và xử lý các tình huống gian lận trong doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả kiểm soát nội bộ, tính minh bạch và độ tin cậy của báo cáo tài chính trong bối cảnh chuyển đổi số và rủi ro ngày càng phức tạp. Học phần góp phần chuẩn bị cho học viên khả năng tư vấn, ra quyết định và triển khai các giải pháp phòng chống gian lận trong thực tiễn nghề nghiệp, đồng thời đáp ứng yêu cầu của các vị trí chuyên môn như kiểm toán nội bộ, kiểm soát rủi ro, điều tra tài chính và quản lý doanh nghiệp.

- Tóm tắt nội dung: Học phần này được cấu trúc thành 5 nội dung chính bao gồm tổng quan về kế toán điều tra; Đánh giá gian lận trong doanh nghiệp; Quy trình kế toán điều tra và kỹ thuật thu thập bằng chứng; Phân tích dữ liệu phát hiện gian lận và điều tra tài chính quốc tế.

• Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3(M), PLO6(M), PLO7(R), PLO9(M), PLO10(M).

## **21. Đề án tốt nghiệp**

**Tín chỉ: 9**

• Điều kiện tiên quyết: Theo quy định hiện hành về thực hiện Đề án tốt nghiệp của Trường.

- Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

- Mục tiêu của học phần: Học phần này trang bị cho học viên khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề thực tiễn, nghiên cứu và ứng dụng các kiến thức về kế toán, kiểm toán và phân tích vào thực tiễn hoạt động thực tiễn hoạt động của các đơn vị, tổ chức và khả năng xác lập vấn đề và năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn. Đồng thời, thông qua vấn đề nghiên cứu thực tiễn học viên vận dụng các kiến thức lý luận vào thực tiễn thông qua việc nghiên cứu giải quyết các vấn đề cụ thể về nghiệp vụ.

- Tóm tắt nội dung: học phần được cấu trúc 4 chương bao gồm các nội dung như sự cần thiết và căn cứ xây dựng đề án; mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện đề án; tổ chức thực hiện và đánh giá đề án; Kết luận và kiến nghị.

• Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(M), PLO2(M), PLO3(A), PLO4(M), PLO5(M), PLO6(A), PLO7(A), PLO8(M), PLO9(M), PLO10(M)./✓

**TRƯỞNG KHOA KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**



**Trần Hồng Vân**



**TRƯỞNG KHOA**

**Phạm Tiến Đạt**



## C. NGUỒN LỰC ĐẢM BẢO ĐÀO TẠO

### 1. Giáo trình chính sử dụng giảng dạy

| STT | Tên giáo trình                                                                                                         | Tên tác giả                                                                                                                  | Nhà xuất bản                           | Năm xuất bản | Sử dụng cho học phần          |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|--------------|-------------------------------|
| 1   | Triết học (Chương trình sau đại học)                                                                                   | Trường ĐH Tài chính - Marketing                                                                                              | Đại học Quốc gia Tp. HCM               | 2015         | Triết học                     |
| 2   | Giáo trình triết học (Dành cho học viên cao học và nghiên cứu sinh không thuộc nhóm ngành khoa học xã hội và nhân văn) | ĐH Quốc gia Hà Nội                                                                                                           | Chính trị Quốc gia sự thật             | 2018         | Triết học                     |
| 3   | Văn kiện Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam thời kỳ đổi mới P1 và P2                                                       | NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội                                                                                               | Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2019       | 2019         | Triết học                     |
| 4   | Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học                                                                             | Nguyễn Huy Hoàng                                                                                                             | Tài chính                              | 2022         | Phương pháp NCKH              |
| 5   | IPSAS explained: A summary of International Public Sector Accounting Standards                                         | Müller-Marqués Berger, T.                                                                                                    | John Wiley & Sons                      | 2018         | Kế toán công nâng cao         |
| 6   | Comparative International Accounting                                                                                   | Christopher Nobes, Robert Parker                                                                                             | Pearson                                | 2020         | Kế toán quốc tế               |
| 7   | Kế toán nâng cao - Advanced Accounting                                                                                 | Joe B. Hoyle; Thomas F. Schaefer; Timothy S. Doupnik; Bùi Văn Dương; Trần Hồng Vân; Phạm Quốc Thuần (biên dịch và hiệu đính) | Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh          | 2022         | Kế toán tài chính nâng cao    |
| 8   | Internal Auditing: Assurance and Advisory Services                                                                     | Michael J. Head, Steve Mar, Sridhar Ramamoorti, Cris Riddle, Mark Salamasick                                                 | Published by Internal Audit Foundation | 2022         | Kiểm toán nội bộ              |
| 9   | Public sector Audit                                                                                                    | Carolyn J, Cordery and David C.Hay                                                                                           | Routledge                              | 2021         | Kiểm toán khu vực công        |
| 10  | Data Analytics for Accounting 3rd Edition                                                                              | Vernon Richardson, Katie Terrell and Ryan Teeter                                                                             | McGraw-Hill Education                  | 2022         | Phân tích dữ liệu cho kế toán |

| STT | Tên giáo trình                                                         | Tên tác giả                                                       | Nhà xuất bản                                        | Năm xuất bản | Sử dụng cho học phần                   |
|-----|------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|--------------|----------------------------------------|
| 11  | Quản trị tài chính doanh nghiệp                                        | Bùi Hữu Phước và cộng sự                                          | NXB tài chính                                       | 2023         | Quản trị tài chính hiện đại            |
| 12  | Giáo trình tài chính công                                              | Nguyễn Thế Khang và cộng sự                                       | NXB tài chính 2024                                  | 2024         | Tài chính công nâng cao                |
| 13  | Public Finance and Public Policy (Seventh Edition).                    | Jonathan Gruber                                                   | Macmillan Press                                     | 2022         | Tài chính công nâng cao                |
| 14  | Introduction to Data analytics for accounting                          | Richardson, Vernon J.                                             | New York : McGraw-Hill Education                    | 2023         | Hệ thống thông tin kế toán nâng cao    |
| 15  | Auditing and assurance services: an integrated approach                | Alvin A. Arens, Randal J. Elder, Mark S. Beasley, Chris E. Hogan. | Pearson                                             | 2022         | Kiểm toán và các dịch vụ đảm bảo       |
| 16  | Kiểm toán báo cáo tài chính                                            | Ngô Nhật Phương Diễm, Nguyễn Huyền Nam và Phan Thị Bích Ngọc      | Nhà xuất bản tài chính                              | 2025         | Kiểm toán và các dịch vụ đảm bảo       |
| 17  | Forensic accounting and fraud examination                              | Kranacher, M., Riley, R., & Wells, J. T.                          | John Wiley & Sons.                                  | 2019         | Kế toán điều tra và phát hiện gian lận |
| 18  | Essentials of forensic accounting                                      | Crain, M. A., Hopwood, W. S., Pacini, C., & Young, G. R.          | John Wiley & Sons.                                  | 2019         | Kế toán điều tra và phát hiện gian lận |
| 19  | Kế toán quản trị 2                                                     | Dương Hoàng Ngọc Khuê, Trần Thị Phương Lan                        | Nhà xuất bản tài chính                              | 2025         | Kế toán quản trị nâng cao              |
| 20  | Management Accounting Creating Value in a Dynamic Business Environment | Ronald W. Hilton ; David Platt                                    | McGraw-Hill Education                               | 2023         | Kế toán quản trị nâng cao              |
| 21  | Management Accounting in Supply Chains (2nd ed.)                       | Taschner, Armin & Charifzadeh, Mahmoud                            | Springer Fachmedien Wiesbaden GmbH, Springer Nature | 2023         | Kế toán quản trị chuỗi cung ứng        |
| 22  | Sustainability Accounting and Reporting: Theory and Practice           | Rashedul Hasan                                                    | Routledge                                           | 2025         | Kế toán phát triển bền vững            |



| STT | Tên giáo trình                                                                            | Tên tác giả                                           | Nhà xuất bản  | Năm xuất bản | Sử dụng cho học phần                        |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------|--------------|---------------------------------------------|
| 23  | Artificial intelligence in accounting and auditing: Accessing the corporate implications. | Pierotti, M., Monreale, A., & De Santis, F.           | Springer      | 2024         | Trí tuệ nhân tạo trong kế toán và kiểm toán |
| 24  | Accounting principles                                                                     | Jerry J. Weygandt, Paul D. Kimmel and Donald E. Kieso | New York      | 2019         | Lý thuyết kế toán                           |
| 25  | Giáo trình nguyên lý kế toán                                                              | Ngô Thị Mỹ Thúy và cộng sự                            | NXB tài chính | 2022         | Lý thuyết kế toán                           |

## 2. Tài liệu hướng dẫn tự học/tài liệu tham khảo khác

| STT | Tên tài liệu                                                                                                                          | Tên tác giả                            | Nhà xuất bản             | Năm xuất bản | Sử dụng cho học phần            |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------|--------------|---------------------------------|
| 1   | Giáo trình triết học: Dành trong đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ các ngành khoa học xã hội và nhân văn không chuyên ngành Triết học | Bộ giáo dục và đào tạo                 | Đại học Sư phạm          | 2014         | Triết học                       |
| 2   | Lịch sử triết học phương Đông                                                                                                         | Nguyễn Đăng Thục                       | Hồng Đức                 | 2017         | Triết học                       |
| 3   | Thực hành nghiên cứu trong Kinh tế và Quản trị kinh doanh                                                                             | Nguyễn Văn Thắng                       | Đại học Kinh tế Quốc dân | 2014         | Triết học                       |
| 4   | Phương pháp điều tra khảo sát: nguyên lý và thực tiễn                                                                                 | Nguyễn Thị Tuyết Mai, Nguyễn Vũ Hùng   | Đại học Kinh tế Quốc dân | 2015         | Phương pháp nghiên cứu khoa học |
| 5   | Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh                                                                                      | Nguyễn Đình Thọ                        | Lao động – Xã hội        | 2014         | Phương pháp nghiên cứu khoa học |
| 6   | Research Methods for Business: A Skill-Building Approach, 7 <sup>th</sup> ed.                                                         | Sekaran, U. and Bougie, R.             | Wiley                    | 2016         | Phương pháp nghiên cứu khoa học |
| 7   | Accounting Theory                                                                                                                     | Godfrey, J., Hodgson, A. và Holmes, S. |                          | 2011         | Lý thuyết kế toán               |

| STT | Tên tài liệu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Tên tác giả                                            | Nhà xuất bản                            | Năm xuất bản | Sử dụng cho học phần  |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------------|-----------------------|
| 8   | Conceptual framework for general purpose financial reporting by public sector entities. (Truy cập từ <a href="https://www.ifac.org/system/files/publications/files/IPSASB-Public-Sector-Conceptual-Framework.pdf">https://www.ifac.org/system/files/publications/files/IPSASB-Public-Sector-Conceptual-Framework.pdf</a> )                                                                                                                                                   | International Public Sector Accounting Standards Board | International Federation of Accountants | 2014         | Kế toán công nâng cao |
| 9   | Chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp (Ban hành theo Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17/04/2024 của Bộ Tài chính)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Bộ Tài chính                                           | NXB Tài chính                           | 2024         | Kế toán công nâng cao |
| 10  | Nghị định số 25/2017/NĐ-CP về báo cáo tài chính nhà nước (ban hành ngày 14/03/2017). Truy cập từ <a href="https://bctcnn.vst.mof.gov.vn/frontend/faces/TKTVanBanPhapLyDs?_afLoop=82775364058694955&amp;_afWindowMode=0&amp;_adf.ctrl-state=wfyl601qp_33">https://bctcnn.vst.mof.gov.vn/frontend/faces/TKTVanBanPhapLyDs?_afLoop=82775364058694955&amp;_afWindowMode=0&amp;_adf.ctrl-state=wfyl601qp_33</a>                                                                   | Chính phủ                                              |                                         | 2017         | Kế toán công nâng cao |
| 11  | Thông tư số 99/2018/TT-BTC Hướng dẫn lập báo cáo tài chính tổng hợp của đơn vị kế toán nhà nước là đơn vị kế toán cấp trên (ban hành ngày 01/11/2018). Truy cập từ <a href="https://bctcnn.vst.mof.gov.vn/frontend/faces/TKTVanBanPhapLyDs?_afLoop=82775364058694955&amp;_afWindowMode=0&amp;_adf.ctrl-state=wfyl601qp_33">https://bctcnn.vst.mof.gov.vn/frontend/faces/TKTVanBanPhapLyDs?_afLoop=82775364058694955&amp;_afWindowMode=0&amp;_adf.ctrl-state=wfyl601qp_33</a> | Chính phủ                                              |                                         | 2018         | Kế toán công nâng cao |
| 12  | Thông tư số 133/2018/TT-BTC Hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho đơn vị kế toán nhà nước (ban hành ngày 28/12/2018). Truy cập từ <a href="https://bctcnn.vst.mof.gov.vn/frontend/faces/TKTVanBanPhapLyDs?_afLoop=82775364058694955&amp;_afWindowMode=0&amp;_adf.ctrl-state=wfyl601qp_33">https://bctcnn.vst.mof.gov.vn/frontend/faces/TKTVanBanPhapLyDs?_afLoop=82775364058694955&amp;_afWindowMode=0&amp;_adf.ctrl-state=wfyl601qp_33</a>                                   | Chính phủ                                              |                                         | 2018         | Kế toán công nâng cao |



| STT | Tên tài liệu                                                                                                                                                                                                                                    | Tên tác giả                                              | Nhà xuất bản                     | Năm xuất bản | Sử dụng cho học phần             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|----------------------------------|--------------|----------------------------------|
| 13  | Quyết định số 1676/QĐ-BTC về việc công bố 05 Chuẩn mực Kế toán công Việt Nam (đợt 1). Truy cập từ <a href="https://mof.gov.vn/bo-tai-chinh/chuan-muc-ke-toan-cong-viet-nam">https://mof.gov.vn/bo-tai-chinh/chuan-muc-ke-toan-cong-viet-nam</a> | Bộ Tài chính                                             |                                  | 2021         | Kế toán công nâng cao            |
| 14  | Quyết định số 1366/QĐ-BTC về việc công bố 06 Chuẩn mực Kế toán công Việt Nam (đợt 2). Truy cập từ <a href="https://mof.gov.vn/bo-tai-chinh/chuan-muc-ke-toan-cong-viet-nam">https://mof.gov.vn/bo-tai-chinh/chuan-muc-ke-toan-cong-viet-nam</a> | Bộ Tài chính                                             |                                  | 2022         | Kế toán công nâng cao            |
| 15  | Quyết định số 1351/QĐ-BTC về việc công bố 05 Chuẩn mực Kế toán công Việt Nam (đợt 3). Truy cập từ <a href="https://mof.gov.vn/bo-tai-chinh/chuan-muc-ke-toan-cong-viet-nam">https://mof.gov.vn/bo-tai-chinh/chuan-muc-ke-toan-cong-viet-nam</a> | Bộ Tài chính                                             |                                  | 2024         | Kế toán công nâng cao            |
| 16  | Hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (Theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính) có ví dụ minh họa                                                                                                                      | Bộ Tài chính                                             | Nhà xuất bản Kinh tế - Tài chính | 2025         | Kế toán tài chính nâng cao       |
| 17  | Wiley 2023 Interpretation and Application of IFRS Standards                                                                                                                                                                                     | PKF International                                        | John Wiley & Sons                | 2023         | - Kế toán tài chính nâng cao     |
| 18  | Accounting information systems 3rd edition                                                                                                                                                                                                      | Vernon Richardson and Chengyee Chang and Rod Smith       | McGraw-Hill Education            | 2020         | Phân tích dữ liệu cho kế toán    |
| 19  | Corporate Finance                                                                                                                                                                                                                               | Ross, Westerfield, Jaffe                                 | McGraw Hill                      | 2019         | Quản trị tài chính hiện đại      |
| 20  | Kiểm toán căn bản                                                                                                                                                                                                                               | Ngô Nhật Phương Diễm, Ung Hiền Nhã Thi, Nguyễn Huỳnh Nam | Nhà xuất bản tài chính           | 2023         | Kiểm toán và các dịch vụ đảm bảo |
| 21  | Hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt Nam                                                                                                                                                                                                           | Bộ Tài chính                                             |                                  |              | Kiểm toán và các dịch vụ đảm bảo |

| STT | Tên tài liệu                                                                             | Tên tác giả                                      | Nhà xuất bản          | Năm xuất bản | Sử dụng cho học phần                        |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------|--------------|---------------------------------------------|
| 22  | Global financial investigations: Forensic accounting in practice                         | Gore, A.                                         | Routledge             | 2023         | Kế toán điều tra và phát hiện gian lận      |
| 23  | Advanced Management Accounting: Information Preparation & Analysis                       | Colin Davy & Danny Bruce                         | LearnNow Publications | 2018         | Kế toán quản trị nâng cao                   |
| 24  | Supply chain management accounting                                                       | Hugos, M. H                                      | Kogan Page Limited    | 2019         | Kế toán quản trị chuỗi cung ứng             |
| 25  | Sustainability Accounting and Accountability                                             | Matias Laine, Helen Tregidga and Jeffrey Unerman | Routledge             | 2022         | Kế toán phát triển bền vững                 |
| 26  | Artificial intelligence in accounting: Organisational and ethical implications           | Lehner, O. M., & Knoll, C. (Eds.)                | Routledge             | 2023         | Trí tuệ nhân tạo trong kế toán và kiểm toán |
| 27  | Auditing artificial intelligence: A handbook for audit, risk, and security professionals | Marcella, A. J.                                  | CRC Press             | 2025         | Trí tuệ nhân tạo trong kế toán và kiểm toán |
| 28  | Artificial intelligence in accounting: Practical applications                            | Ng, C., & Alarcon, J.                            | Routledge             | 2021         | Trí tuệ nhân tạo trong kế toán và kiểm toán |

**3. Đội ngũ giảng viên cơ hữu đảm bảo thực hiện chương trình đào tạo theo quy định tại Thông tư số 17/TT/2021-BGDĐT và Thông tư số 02/TT/2022-BGDĐT**

| STT | Họ tên               | Học hàm, năm phong | Học vị, năm tốt nghiệp, nơi tốt nghiệp | Ngành và chuyên ngành học      | Giảng dạy các học phần                                                                                                                                                                                                                    |
|-----|----------------------|--------------------|----------------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Ngô Nhật Phương Diễm | PGS 2025           | Tiến sĩ, Việt Nam, 2019                | Kinh doanh và quản lý/ Kế toán | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm toán và các dịch vụ đảm bảo</li> <li>- Kế toán điều tra và phát hiện gian lận</li> <li>- Kiểm toán nội bộ</li> <li>- Kiểm toán khu vực công</li> <li>- Kế toán quản trị nâng cao</li> </ul> |



| STT | Họ tên                | Học hàm, năm phong | Học vị, năm tốt nghiệp, nơi tốt nghiệp | Ngành và chuyên ngành học         | Giảng dạy các học phần                                                                                                                                                                                                                          |
|-----|-----------------------|--------------------|----------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2   | Trần Hồng Vân         |                    | Tiến sĩ, Việt Nam, 2015                | Kinh doanh và quản lý/<br>Kế toán | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế toán tài chính nâng cao</li> <li>- Kế toán phát triển bền vững</li> <li>- Kế toán quốc tế</li> <li>- Trí tuệ nhân tạo trong kế toán và kiểm toán</li> </ul>                                         |
| 3   | Dương Hoàng Ngọc Khuê |                    | Tiến sĩ, Việt Nam, 2019                | Kinh doanh và quản lý/<br>Kế toán | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm toán nội bộ</li> <li>- Kiểm toán khu vực công</li> <li>- Kiểm toán và các dịch vụ đảm bảo</li> <li>- Kế toán quản trị chuỗi cung ứng</li> <li>- Kế toán điều tra và phát hiện gian lận</li> </ul> |
| 4   | Lương Thị Thanh Việt  |                    | Tiến sĩ, Việt Nam, 2019                | Kế toán                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế toán công nâng cao</li> <li>- Trí tuệ nhân tạo trong kế toán và kiểm toán</li> <li>- Kế toán tài chính nâng cao</li> <li>- Lý thuyết kế toán</li> </ul>                                             |
| 5   | Trần Thị Phương Lan   |                    | Tiến sĩ, Việt Nam, 2023                | Kế toán                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế toán quản trị nâng cao</li> <li>- Kế toán quản trị chuỗi cung ứng</li> <li>- Kế toán điều tra và phát hiện gian lận</li> </ul>                                                                      |
| 6   | Lại Văn Nam           |                    | Tiến sĩ, Việt Nam, 2019                | Triết học                         | -Triết học                                                                                                                                                                                                                                      |
| 7   | Nguyễn Minh Phúc      |                    | Tiến sĩ, Úc, 2021                      | Kinh doanh                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>-Quản trị tài chính hiện đại</li> <li>-Tài chính công nâng cao</li> </ul>                                                                                                                                |
| 8   | Trương Thành Công     |                    | Tiến sĩ, Séc, 2021                     | KH máy tính                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>-Hệ thống thông tin kế toán nâng cao</li> <li>-Phương pháp NCKH</li> <li>-Phân tích dữ liệu cho kế toán</li> </ul>                                                                                       |
| 9   | Nguyễn Tuấn Duy       | PGS 2023           | Tiến sĩ, Việt Nam, 2018                | Toán giải tích                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>-Phương pháp NCKH</li> <li>-Phân tích dữ liệu cho kế toán</li> <li>-Hệ thống thông tin kế toán nâng cao</li> </ul>                                                                                       |
| 10  | Nguyễn Thế Khang      |                    | Tiến sĩ, Việt Nam, 2017                | Kinh tế                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>-Tài chính công nâng cao</li> <li>-Quản trị tài chính hiện đại</li> </ul>                                                                                                                                |

| STT | Họ tên                                           | Học hàm, năm phong | Học vị, năm tốt nghiệp, nơi tốt nghiệp | Ngành và chuyên ngành học | Giảng dạy các học phần                                                                               |
|-----|--------------------------------------------------|--------------------|----------------------------------------|---------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 11  | Ngô Thị Mỹ Thúy                                  |                    | Tiến sĩ, Philippine, 2019              | QTKD                      | - Lý thuyết kế toán<br>- Kế toán phát triển bền vững<br>- Kế toán quốc tế<br>- Kế toán công nghệ cao |
| 12  | Nguyễn Thanh Hải                                 |                    | Tiến sĩ, Việt Nam, 2023                | CNDVBC&D<br>VLS           | - Triết học                                                                                          |
| 13  | Giảng viên đáp ứng tiêu chuẩn hướng dẫn luận văn |                    |                                        |                           | Nghiên cứu tình huống<br>Luận văn tốt nghiệp                                                         |

#### 4. Đội ngũ giảng viên đáp ứng tiêu chuẩn hướng dẫn luận văn/đề án tốt nghiệp

| STT | Họ tên                | Học hàm, năm phong | Học vị, năm tốt nghiệp, nơi tốt nghiệp | Ngành/ chuyên ngành học           | Ghi chú |
|-----|-----------------------|--------------------|----------------------------------------|-----------------------------------|---------|
| 1   | Ngô Nhật Phương Diễm  | PGS, 2025          | Tiến sĩ, Việt Nam, 2019                | Kinh doanh và quản lý/<br>Kế toán |         |
| 2   | Trần Hồng Vân         |                    | Tiến sĩ, Việt Nam, 2015                | Kinh doanh và quản lý/<br>Kế toán |         |
| 3   | Dương Hoàng Ngọc Khuê |                    | Tiến sĩ, Việt Nam, 2019                | Kinh doanh và quản lý/<br>Kế toán |         |
| 4   | Lương Thị Thanh Việt  |                    | Tiến sĩ, Việt Nam, 2019                | Kế toán                           |         |
| 5   | Trần Thị Phương Lan   |                    | Tiến sĩ, Việt Nam, 2023                | Kế toán                           |         |
| 6   | Nguyễn Thanh Nhã      |                    | Tiến sĩ, Việt Nam, 2018                | Tài chính – Ngân hàng             |         |
| 7   | Nguyễn Việt Hưng      |                    | Tiến sĩ, Việt Nam, 2017                | Kế toán                           |         |
| 8   | Nguyễn Thành Long     |                    | Tiến sĩ, Việt Nam, 2025                | Kế toán                           |         |
| 9   | Võ Thu Phụng          |                    | Tiến sĩ, Việt Nam, 2017                | Kiểm toán                         |         |
| 10  | Nguyễn Ngọc Hiệp      |                    | Tiến sĩ, Việt Nam, 2019                | Kế toán                           |         |
| 11  | Dương Ngọc Quang      |                    | Tiến sĩ, Việt Nam, 2017                | Tài chính – Ngân hàng             |         |
| 12  | Phạm Quốc Việt        | PGS, 2024          | Tiến sĩ, Việt Nam, 2010                | Tài chính – Ngân hàng             |         |
| 13  | Nguyễn Thế Khang      |                    | Tiến sĩ, Việt Nam, 2017                | Tài chính – Ngân hàng             |         |



| STT | Họ tên             | Học hàm,<br>năm phong | Học vị, năm tốt<br>nghiệp, nơi tốt<br>nghiệp | Ngành/<br>chuyên<br>ngành học | Ghi<br>chú |
|-----|--------------------|-----------------------|----------------------------------------------|-------------------------------|------------|
| 14  | Trần Thị Kim Oanh  | PGS, 2025             | Tiến sĩ, Việt Nam,<br>2018                   | Tài chính –<br>Ngân hàng      |            |
| 15  | Nguyễn Thị Kim Chi |                       | Tiến sĩ, Việt Nam,<br>2023                   | Tài chính –<br>Ngân hàng      |            |

#### 5. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ cấp khoa/phòng

| STT | Họ tên                  | Chức vụ     | Đơn vị                   | Ghi chú |
|-----|-------------------------|-------------|--------------------------|---------|
| 1   | Nguyễn Thị Tuyết        | Chuyên viên | Khoa KTKT                |         |
| 2   | Trần Văn Tuấn           | Chuyên viên | Viện Đào tạo sau đại học |         |
| 3   | Đỗ Minh Hương           | Chuyên viên | Viện Đào tạo sau đại học |         |
| 4   | Huỳnh Thị Mỹ Diệu       | Chuyên viên | Viện Đào tạo sau đại học |         |
| 5   | Nguyễn Ngọc Thảo Nguyên | Chuyên viên | Viện Đào tạo sau đại học |         |

#### D. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN (có đề cương chi tiết kèm theo)

## E. PHỤ LỤC

**Phụ lục 1. Ma trận tương thích giữa mục tiêu CTĐT với Triết lý giáo dục, Sứ  
mạng của Trường**

| TLGD, SM                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | PLOs |     |     |     |     |     |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|-----|-----|-----|-----|-----|
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | PO1  | PO2 | PO3 | PO4 | PO5 | PO6 |
| <b>Triết lý giáo dục:</b><br>Triết lý giáo dục của Trường Đại học Tài chính – Marketing trong giai đoạn tới là:<br>“Thực chất, đổi mới sáng tạo và hội nhập”.                                                                                                                                                                                                                                                             | X    | X   | X   | X   | X   | X   |
| <b>Sứ mạng của Trường:</b><br>Trường Đại học Tài chính - Marketing có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trình độ đại học và sau đại học theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế đáp ứng nhu cầu của xã hội; nghiên cứu và chuyển giao những thành tựu khoa học, công nghệ về kinh doanh, quản lý phục vụ công tác hoạch định chính sách của các cơ quan quản lý Nhà nước, các doanh nghiệp và các tổ chức xã hội. | X    | X   | X   | X   | X   | X   |

**Phụ lục 2. Ma trận tương thích giữa CĐR CTĐT với Triết lý giáo dục, Sứ mạng của Trường**

[illegible]



**Phụ lục 3. Đối sánh khung chương trình đào tạo ngành Kế toán với chương trình đào tạo của các trường khác**

| STT                                                          | Trường Đại học<br>Tài chính – Marketing     |           | STT                                             | Trường Đại học Quốc gia Hà Nội          |    |
|--------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-----------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------|----|
|                                                              | Học phần                                    | TC        |                                                 | Học phần                                | TC |
| <b>1. Khối kiến chung</b>                                    |                                             |           | <b>1. Khối kiến chung</b>                       | <b>8</b>                                |    |
| 1                                                            | Triết học                                   | 4         | 1                                               | Triết học                               | 4  |
| 2                                                            | Phương pháp nghiên cứu khoa học             | 3         |                                                 |                                         |    |
|                                                              |                                             |           | 2                                               | Tiếng Anh cơ bản                        | 46 |
| <b>2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>              |                                             |           | <b>2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b> | <b>47</b>                               |    |
| <b>2.1</b>                                                   | <b>Kiến thức bắt buộc</b>                   | <b>36</b> |                                                 |                                         |    |
| 3                                                            | Lý thuyết kế toán                           | 3         |                                                 |                                         |    |
| 4                                                            | Kế toán quản trị nâng cao                   | 3         | 3                                               | Kế toán quản trị nâng cao               | 3  |
| 5                                                            | Tài chính công nâng cao                     | 3         | 4                                               | Tài chính công nâng cao                 | 3  |
| 6                                                            | Kế toán tài chính nâng cao                  | 3         | 5                                               | Kế toán tài chính nâng cao              | 3  |
| 7                                                            | Quản trị tài chính hiện đại                 | 3         |                                                 |                                         |    |
| 8                                                            | Kế toán công nâng cao                       | 3         | 6                                               | Kế toán công nâng cao                   | 2  |
| 9                                                            | Kiểm toán và các dịch vụ đảm bảo            | 3         | 7                                               | Kiểm toán và các dịch vụ đảm bảo        | 3  |
| 10                                                           | Trí tuệ nhân tạo trong kế toán và kiểm toán | 3         |                                                 |                                         |    |
| 11                                                           | Kế toán phát triển bền vững                 | 3         |                                                 |                                         |    |
| 12                                                           | Phân tích dữ liệu cho kế toán               | 3         |                                                 |                                         |    |
| 13                                                           | Chuyên đề thực tế 1                         | 3         |                                                 |                                         |    |
| 14                                                           | Chuyên đề thực tế 2                         | 3         |                                                 |                                         |    |
|                                                              |                                             |           | 8                                               | Phân tích hoạt động kinh doanh nâng cao | 3  |
|                                                              |                                             |           | 9                                               | Kế toán thuế nâng cao                   | 3  |
|                                                              |                                             |           | 10                                              | Tài chính doanh nghiệp nâng cao         | 3  |
|                                                              |                                             |           | 11                                              | Quản trị chi phí chiến lược             | 3  |
|                                                              |                                             |           | 12                                              | Thiết kế nghiên cứu                     | 2  |
| <b>2.2</b>                                                   | <b>Kiến thức chuyên ngành tự chọn:</b>      | <b>9</b>  |                                                 |                                         |    |
| <b>Chọn: 1 trong 2 định hướng sau (9 tín chỉ 3 học phần)</b> |                                             |           |                                                 |                                         |    |
| A                                                            | <i>Định hướng kế toán doanh nghiệp</i>      |           |                                                 |                                         |    |
| 15                                                           | Kế toán quản trị chuỗi cung ứng             | 3         |                                                 |                                         |    |
| 16                                                           | Hệ thống thông tin kế toán nâng cao         | 3         | 13                                              | Hệ thống thông tin kế toán nâng cao     | 2  |
| 17                                                           | Kế toán quốc tế                             | 3         | 14                                              | Kế toán quốc tế nâng cao                | 2  |

| STT                  | Trường Đại học<br>Tài chính – Marketing |           | STT                  | Trường Đại học Quốc gia Hà Nội                 |           |
|----------------------|-----------------------------------------|-----------|----------------------|------------------------------------------------|-----------|
|                      | Học phần                                | TC        |                      | Học phần                                       | TC        |
| B                    | <i>Định hướng kiểm toán</i>             |           |                      |                                                |           |
| 18                   | Kiểm toán nội bộ                        | 3         | 15                   | Kiểm toán nội bộ nâng cao                      | 2         |
| 19                   | Kiểm toán khu vực công                  | 3         |                      |                                                |           |
| 20                   | Kế toán điều tra và phát hiện gian lận  | 3         |                      |                                                |           |
|                      |                                         |           | 16                   | Những vấn đề hiện tại của kế toán nâng cao     | 2         |
|                      |                                         |           | 17                   | Tài chính doanh nghiệp quốc tế                 | 2         |
|                      |                                         |           | 18                   | Thuế quốc tế                                   | 3         |
|                      |                                         |           | 19                   | Tiền tệ, NH và thị trường tài chính            | 3         |
|                      |                                         |           | 20                   | Quản trị rủi ro                                | 3         |
|                      |                                         |           | 21                   | Quản trị chiến lược nâng cao                   | 3         |
|                      |                                         |           | 22                   | Quản trị nguồn nhân lực nâng cao               | 3         |
|                      |                                         |           | 23                   | Quản trị công ty nâng cao                      | 3         |
|                      |                                         |           | 24                   | Quản trị marketing nâng cao                    | 3         |
|                      |                                         |           | 25                   | Phân tích đầu tư và quản trị danh mục nâng cao | 3         |
|                      |                                         |           | 26                   | Phân tích tài chính nâng cao                   | 3         |
|                      |                                         |           | 27                   | Đạo đức nghề nghiệp kế toán - kiểm toán        | 3         |
| <b>3. Tốt nghiệp</b> |                                         |           | <b>3. Tốt nghiệp</b> |                                                |           |
| 21                   | Đề án tốt nghiệp                        | 9         | 28                   | Luận văn thạc sĩ                               | 9         |
|                      | <b>TỔNG CỘNG SỐ TC</b>                  | <b>61</b> |                      | <b>TỔNG CỘNG SỐ TC</b>                         | <b>64</b> |